

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Khoa Hệ Thống Thông Tin Và Chuyển Đổi Số



ĐỀ TÀI
XÂY DỰNG WEBSITE CHO CỬA HÀNG THỜI TRANG ABC

GVHD: Ths. Nguyễn Hữu Vĩnh

Nhóm sinh viên thực hiện:

- Nguyễn Gia Hậu 2224802010349
- Nguyễn Phạm Minh Trí 2224802010382

Bình Dương, 11/2024

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
Khoa Hệ Thống Thông Tin Và Chuyển Đổi Số



ĐỀ TÀI
XÂY DỰNG WEBSITE CHO CỬA HÀNG THỜI TRANG ABC

GVHD: Ths. Nguyễn Hữu Vĩnh

Nhóm sinh viên thực hiện:

- Nguyễn Gia Hậu 2224802010349
- Nguyễn Phạm Minh Trí 2224802010382

Bình Dương, 11/2024

PHIẾU ĐÁNH GIÁ PROJECT

Học phần: LẬP TRÌNH WEBSITE

Họ và tên sinh viên: Nguyễn Phan Ninh Anh (MSSV): 2224802010382

Họ và tên sinh viên: (MSSV):

Họ và tên sinh viên: (MSSV):

STT	Chỉ báo thực hiện	Tiêu chí đánh giá	Mức độ 1	Mức độ 2	Mức độ 3	Mức độ 4	Điểm
1	CELO1.1 CELO1.2 CELO2.1 CELO2.2 CELO3.1 CELO3.2 CELO4.1 CELO4.2 CELO5.1	Thiết kế	Không thiết kế (0 điểm)	Có nhưng không đầy đủ (0.5 điểm)	Thiết kế đầy đủ (1 điểm)		1.0
2		Giao diện	Không có giao diện (0 điểm)	Giao diện không phù hợp (0.5 điểm)	Giao diện đáp ứng yêu cầu (1 điểm)		1.0
3		Cài đặt	Cài đặt được rất ít chức năng (1 điểm)	Cài đặt được các chức năng cơ bản (2 điểm)	Cài đặt được hầu hết các chức năng (3 điểm)	Cài đặt được tất cả các chức năng (4 điểm)	3.0
4		Báo cáo	Trình bày không đúng nội dung (0 điểm)	Trình bày nội dung không rõ ràng (0.5 điểm)	Trình bày rõ ràng (1 điểm)		1.0
5		Hiệu nội dung	Không trả lời được câu hỏi (0 điểm)	Trả lời được 1/3 kiến thức câu hỏi (1 điểm)	Trả lời được 2/3 kiến thức câu hỏi (2 điểm)	Trả lời hết các câu hỏi (3 điểm)	3.0

TỔNG ĐIỂM: 9.1

CÁN BỘ CHÁM THI 1

Trần Bá Minh Sơn

CÁN BỘ CHÁM THI 2

Nguyễn Hữu Vĩnh

MỤC LỤC

MỤC LỤCii

DANH MỤC BẢNGiv

DANH MỤC HÌNH ẢNHiv

LỜI MỞ ĐẦU1

LỜI CẢM ƠN2

PHẦN I: MỞ ĐẦU3

1. Tên đề tài.3
2. Giới Thiệu Về .NET 7.3
3. Lý do chọn đề tài.4
5. Ưu nhược điểm của đề tài.5
6. Ý nghĩa lí luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.5
7. Cấu trúc của báo cáo.5

PHẦN II: NỘI DUNG7

CHƯƠNG I: KHẢO SÁT, XÁC ĐỊNH YÊU CẦU, PHÂN TÍCH HỆ THỐNG.7

7

7

CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ8

1. Biểu đồ usecase8
2. Đặc tả usecase13
3. Biểu đồ tuần tự35
4. Biểu đồ hoạt động51
5. Sơ Đồ Lớp68
6. Kiến Trúc Ứng Dụng69

7. Version Control70

CHƯƠNG III: THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU72

72

87

CHƯƠNG IV: XÂY DỰNG WEBSITE CHO CỬA HÀNG THỜI TRANG ABC88

1. Giao diện Admin88

2. Giao diện Employee105

3. Giao diện Shipper107

4. Giao diện Storekeeper109

5. Giao diện User111

CHƯƠNG V: THỬ NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH122

122

122

122

4. Mã nguồn122

CHƯƠNG VI: KẾT LUẬN123

1. Kết quả đạt được123

2. Hạn chế123

TÀI LIỆU THAM KHẢO124

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Danh sách các Actor8

Bảng 2. Danh sách các Usecase10

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1. Biểu đồ usecase tổng quát11

Hình 2. Biểu đồ usecase quản lý11

Hình 3. Biểu đồ usecase nhân viên12

Hình 4. Biểu đồ usecase người dùng13

Hình 5. Biểu đồ tuần tự chức năng đăng nhập36

Hình 6. Biểu đồ tuần tự chức năng đăng ký37

Hình 7. Biểu đồ tuần tự chức năng đăng xuất38

Hình 8. Biểu đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu38

Hình 9. Biểu đồ tuần tự chức năng xem thông tin sản phẩm39

Hình 10. Biểu đồ tuần tự chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng39

Hình 11. Biểu đồ tuần tự chức năng thanh toán40

Hình 12. Biểu đồ tuần tự chức năng tìm kiếm40

Hình 13. Biểu đồ tuần tự chức quản lý sản phẩm41

Hình 14. Biểu đồ tuần tự chức quản lý bài viết và tin tức42

Hình 15. Biểu đồ tuần tự chức quản lý đơn đặt hàng43

Hình 16. Biểu đồ tuần tự chức quản lý danh mục44

Hình 17. Biểu đồ tuần tự chức quản lý phân quyền45

Hình 18. Biểu đồ tuần tự xem thống kê46

Hình 19. Biểu đồ tuần tự chức năng cấu hình hệ thống46

Hình 20. Biểu đồ tuần tự chức quản lý tài khoản47

Hình 21. Biểu đồ tuần tự chức quản lý Combo48

Hình 22. Biểu đồ tuần tự chức quản lý Voucher49

Hình 23. Biểu đồ tuần tự chức quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian50

- Hình 24. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng nhập51
- Hình 25. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng ký52
- Hình 26. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng xuất53
- Hình 27. Biểu đồ hoạt động chức năng quên mật khẩu54
- Hình 28. Biểu đồ hoạt động chức năng xem thông tin sản phẩm55
- Hình 29. Biểu đồ hoạt động chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng56
- Hình 30. Biểu đồ hoạt động chức năng thanh toán57
- Hình 31. Biểu đồ hoạt động chức năng tìm kiếm58
- Hình 32. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý sản phẩm59
- Hình 33. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý bài viết và tin tức60
- Hình 34. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý đơn đặt hàng61
- Hình 35. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý danh mục62
- Hình 36. Biểu đồ hoạt động chức năng phân quyền63
- Hình 37. Biểu đồ hoạt động chức năng xem thống kê64
- Hình 38. Biểu đồ hoạt động chức năng cấu hình hệ thống64
- Hình 39. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý tài khoản65
- Hình 40. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý Combo66
- Hình 41. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý Voucher67
- Hình 42. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian68
- Hình 43. Sơ Đồ Lớp69
- Hình 44. Bảng MigrationHistory72
- Hình 45. Bảng AspNetRoles72
- Hình 46. Bảng AspNetUserClaims72
- Hình 47. Bảng AspNetUserLogins73
- Hình 48. Bảng AspNetUserRoles73
- Hình 49. Bảng AspNetUser73
- Hình 50. Bảng ImportProducts74
- Hình 51. Bảng tb_Adv74
- Hình 52. Bảng tb_Category75

Hình 53. Bảng tb_Combo75

Hình 54. Bảng tb_ComboDetail76

Hình 55. Bảng tb_Contact76

Hình 56. Bảng tb_DetailOrderStatus77

Hình 57. Bảng tb_ExportProduct77

Hình 58. Bảng tb_ExportProductDetail78

Hình 59. Bảng tb_ImportProductDetail78

Hình 60. Bảng tb_Message78

Hình 61. Bảng tb_New79

Hình 62. Bảng tb_Order80

Hình 63. Bảng tb_OrderDetail80

Hình 64. Bảng tb_Post81

Hình 65. Bảng tb_Product82

Hình 66. Bảng tb_ProductCategory83

Hình 67. Bảng tb_ProductImage83

Hình 68. Bảng tb_ProductSize83

Hình 69. Bảng tb_Review84

Hình 70. Bảng tb_RoomChat84

Hình 71. Bảng tb_Subcribe84

Hình 72. Bảng tb_SystemSetting85

Hình 73. Bảng tb_TimePromotion85

Hình 74. Bảng tb_TimePromotionDetail85

Hình 75. Bảng tb_UserVoucher86

Hình 76. Bảng tb_Voucher86

Hình 77. Sơ đồ mối quan hệ87

Hình 78. Giao diện Admin phần Trang chủ88

Hình 79. Giao diện Admin phần Thống kê tình hình kinh doanh89

Hình 80. Giao diện Admin phần Thống kê theo danh mục sản phẩm90

Hình 81. Giao diện Admin phần Quản lý xuất hàng91

- Hình 82. Giao diện Admin phần Quản lý voucher92
- Hình 83. Giao diện Admin phần Quản lý tin tức93
- Hình 84. Giao diện Admin phần Quản lý tài khoản94
- Hình 85. Giao diện Admin phần Quản lý sản phẩm95
- Hình 86. Giao diện Admin phần Quản lý phân quyền96
- Hình 87. Giao diện Admin phần Quản lý nhập hàng97
- Hình 88. Giao diện Admin phần Quản lý khuyến mãi theo thời gian98
- Hình 89. Giao diện Admin phần Quản lý đơn đặt hàng99
- Hình 90. Giao diện Admin phần Quản lý danh mục sản phẩm100
- Hình 91. Giao diện Admin phần Quản lý danh mục101
- Hình 92. Giao diện Admin phần Quản lý combo102
- Hình 93. Giao diện Admin phần Quản lý bài viết103
- Hình 94. Giao diện Admin phần Cấu hình website104
- Hình 95. Giao diện Employee phần Trang chủ105
- Hình 96. Giao diện Employee phần Đơn đặt hàng106
- Hình 97. Giao diện Shipper phần Trang chủ107
- Hình 98. Giao diện Shipper phần Đơn đặt hàng108
- Hình 99. Giao diện Storekeeper phần Trang chủ109
- Hình 100. Giao diện Storekeeper phần Đơn đặt hàng110
- Hình 101. Giao diện User phần Trang chủ111
- Hình 102. Giao diện User phần Tin tức112
- Hình 103. Giao diện User phần Thanh toán113
- Hình 104. Giao diện User phần Thanh toán thành công114
- Hình 105. Giao diện User phần Sản phẩm115
- Hình 106. Giao diện User phần Trang cá nhân116
- Hình 107. Giao diện User phần Liên hệ117
- Hình 108. Giao diện User phần Khuyến mãi118
- Hình 109. Giao diện User phần Giới thiệu119
- Hình 110. Giao diện User phần Giỏ hàng120

Hình 111. Giao diện User phần Chi tiết sản phẩm121

LỜI MỞ ĐẦU

Ngày nay, cùng với sự phát triển của đất nước ngành Công nghệ thông tin đã có những bước phát triển mạnh mẽ không ngừng và tin học đã trở thành chiếc chìa khóa dẫn đến thành công cho nhiều cá nhân trong nhiều lĩnh vực, hoạt động. Với những ứng dụng của mình, ngành Công nghệ thông tin đã góp phần mang lại nhiều lợi ích mà không ai có thể phủ nhận được. Đặc biệt là khi việc tin học hóa vào công tác quản lý, bán hàng là một trong những yêu cầu cần thiết đối với các doanh nghiệp hiện nay.

Từ những phần mềm quản lý giúp cho công việc bán hàng của cửa hàng trở nên nhanh chóng và dễ dàng, ngày nay công nghệ thông tin đã phát triển mạnh mẽ hơn nữa, Website ra đời không chỉ đáp ứng cho các người dùng đến trực tiếp cửa hàng mua sản phẩm mà nó còn phục vụ cho những người dùng ở xa. Không những thế, việc giới thiệu, quảng bá hình ảnh về cửa hàng, công ty được mở rộng trên quy mô lớn giúp cho việc kinh doanh, buôn bán, trao đổi tin tức thuận lợi hơn rất nhiều, mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn và tạo uy tín trong lòng người dùng.

Chính vì lợi ích mà Website mang lại mà các cửa hàng, công ty đã áp dụng nó để phát triển công việc kinh doanh và giới thiệu cửa hàng của mình. Trong số đó, thời trang cũng là một ngành sử dụng nhiều đến Website. Do vậy, nhóm em đã lựa chọn đề tài **“Thiết kế website thời trang”** nhằm đưa đến cho người dùng một địa điểm lý tưởng trong việc mua sắm.

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn các thầy các cô trong Viện Kỹ thuật - Công nghệ đã trang bị những kiến thức quý báu cho chúng em trong suốt quá trình học tập và làm đề tài tại Trường Đại học Thủ Dầu Một. Nhờ công lao giảng dạy, chỉ bảo tận tình của các thầy các cô mà nhóm em đã có được những kiến thức chuyên ngành về công nghệ thông tin để thực hiện đề tài này.

Đặc biệt, chúng em xin chân thành cảm ơn **Thầy Nguyễn Hữu Vinh** đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo, đưa ra những đóng góp ý kiến rất hữu ích và quý báu cho chúng em trong suốt quá trình thực hiện đề tài này.

Mặc dù đã cố gắng nỗ lực thực hiện đề tài với quyết tâm cao nhưng một phần hạn hẹp về thời gian và chưa nắm chắc kiến thức nên chắc hẳn đề tài không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm chúng em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp ý kiến của thầy cô và các bạn để đề tài của chúng em ngày càng hoàn thiện và hướng tới áp dụng thực tế hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Thủ Dầu Một, tháng 11 năm 2024

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Gia Hậu

Nguyễn Phạm Minh Trí

PHẦN I: MỞ ĐẦU

1. Tên đề tài.

Xây dựng website cho cửa hàng thời trang ABC

2. Giới Thiệu Về .NET 7.

- **.NET 7 tập trung vào hiệu suất:**
 - + **On-stack replacement (OSR):** Cho phép runtime thay đổi mã trong quá trình thực hiện các phương thức, giúp cải thiện hiệu suất cho phương thức chạy lâu dài.
 - + **Profile-guided optimization (PGO):** Hỗ trợ cho OSR và tối ưu hóa dựa trên hướng dẫn từ hồ sơ, giúp cải thiện hiệu suất và dễ dàng kích hoạt.
 - + Cải tiến việc tạo mã cho kiến trúc Arm64.
 - + **Native AOT:** Tạo ra tệp thực thi độc lập, không sử dụng IL hoặc JIT, giúp cải thiện thời gian khởi động và triển khai độc lập. Chủ yếu dành cho ứng dụng console và yêu cầu tiết kiệm.
 - + Cải tiến hiệu suất cho runtime Mono, sử dụng trong Blazor WebAssembly, ứng dụng Android và iOS.
- **.NET 7 cải thiện quá trình serialization thông qua System.Text.Json:**
 - + **Tùy chỉnh hợp đồng:** Cho phép kiểm soát quá trình serialization và deserialization theo cách tùy chỉnh.
 - + **Serialization đa hình:** Hỗ trợ việc serialized thuộc tính của các lớp con trong hệ thống kiểu do người dùng xác định.
 - + **Hỗ trợ cho các thành viên bắt buộc:** Đảm bảo rằng các thuộc tính phải xuất hiện trong dữ liệu JSON để quá trình deserialization có thể thành công.
- **.NET 7 và C# 11** cho phép thực hiện các phép toán toán học theo cách tổng quát, mà không cần phải biết chính xác kiểu dữ liệu. Ví dụ, trước đây, nếu muốn viết một phương thức để cộng hai số, cần phải tạo phiên bản phương thức riêng biệt cho từng kiểu dữ liệu. Nay giờ, có thể viết một phương thức tổng quát duy nhất, trong đó tham số kiểu được ràng buộc để phải là kiểu giống số.

- **.NET 7 cải tiến thư viện biểu thức chính quy với các tính năng và hiệu suất:**
 - + Tùy chọn RegexOptions.NonBacktracking giúp tối ưu hóa hiệu suất tìm kiếm biểu thức chính quy mà không sử dụng backtracking, đảm bảo xử lý tuyến tính.
 - + Sử dụng Regular expression source generators để tạo một engine tối ưu hóa cho biểu thức của bạn tại thời điểm biên dịch, mang lại hiệu suất cao và cho phép xem mã nguồn tạo ra.
 - + Tìm kiếm không phân biệt trường hợp trở nên nhanh hơn khi sử dụng RegexOptions.IgnoreCase, không cần chuyển đổi tất cả ký tự sang chữ thường.
 - + **Regex hỗ trợ spans cho một số phương thức API, bao gồm:**
 Regex.EnumerateMatches, Regex.Count, và
 Regex.IsMatch(ReadOnlySpan<Char>) để làm việc với dữ liệu dạng span.
- Nhiều cải tiến đã được thực hiện đối với API thư viện .NET.
- .NET 7 cải thiện tính quan sát với sự thêm vào của Activity.CurrentChanged event và các phương thức liệt kê hiệu suất cho thuộc tính Activity (EnumerateTagObjects, EnumerateLinks, EnumerateEvents).
- SDK .NET 7 cải thiện trải nghiệm mẫu CLI. Nó cũng cho phép xuất bản lên vùng chúa và quản lý gói trung tâm bằng NuGet.

3. Lí do chọn đề tài.

Con người càng phát triển thì yêu cầu thỏa mãn các nhu cầu của bản thân ngày càng tăng, bên cạnh nhu cầu về ăn uống, đi lại thì việc ăn mặc cũng là một trong những nhu cầu thiết yếu của con người thời đại ngày nay và việc chọn một trang phục phù hợp cũng là một điều tất yếu để thỏa mãn nhu cầu của con người.

Chủ đề của nhóm là xây dựng Website thời trang để đáp ứng nhu cầu mua sắm các mặt hàng thời trang của mọi người thời đại ngày nay, việc mua sắm sẽ dễ dàng và nhanh chóng với người dùng.

4. Hướng tiếp cận của đề tài.

Đề tài hướng đến các cửa hàng thời trang có quy mô vừa và nhỏ.

5. Ưu nhược điểm của đề tài.

❖ Ưu điểm

- Giao diện thân thiện, dễ sử dụng.
- Mua bán sản phẩm trực tiếp trên Website.
- Tìm kiếm thông tin sản phẩm nhanh chóng, dễ dàng.
- Thống kê bán hàng, nhập hàng, sản phẩm một cách nhanh chóng, chính xác.
- Cập nhật những mẫu thời trang mới nhất đến với người dùng nhanh chóng.

❖ Nhược điểm

- Tốc độ xử lý còn chậm.

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.

- Giúp nhóm em hiểu rõ về quy trình và nghiệp vụ bán hàng trực tuyến.
- Tiếp cận và làm quen với các yêu cầu thực tế của cửa hàng cho một Website bán hàng.
- Ứng dụng đề tài vào quá trình bán hàng trực tuyến cho các cửa hàng vừa và nhỏ.
- Nâng cấp Website để phục vụ các yêu cầu trong quá trình bán hàng của cửa hàng.

7. Cấu trúc của báo cáo.

- Nhận xét của giáo viên hướng dẫn.
- Mục lục.
- Lời nói đầu.
- Lời cảm ơn.

Phần I: Mở đầu

1. Tên đề tài.
2. Lý do chọn đề tài.
3. Hướng tiếp cận của đề tài.
4. Ưu khuyết điểm của đề tài.
5. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của đề tài.
6. Cấu trúc của báo cáo.

Phần II: Nội dung

Chương I: Khảo sát, xác định yêu cầu, phân tích, hệ thống

Chương II: Phân tích thiết kế

- Biểu đồ Usecase
- Đặc tả Usecase
- Biểu đồ hoạt động
- Biểu đồ lớp
- Biểu đồ tuần tự

Chương III: Thiết kế CSDL

- Các bảng dữ liệu
- Mô hình thực thể liên kết
- Mô hình dữ liệu quan hệ

Chương IV: Giao diện trang web

Chương V: Thử nghiệm và đánh giá chương trình

Chương VI: Kết luận

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

- Tài liệu tiếng việt
- Tài liệu tiếng anh

PHẦN II: NỘI DUNG

CHƯƠNG I: KHẢO SÁT, XÁC ĐỊNH YÊU CẦU, PHÂN TÍCH HỆ THỐNG.

1. Nêu bài toán

Quản lý shop thời trang là hoạt động của một cửa hàng dù lớn hay nhỏ, nhân viên phải thực hiện các công việc liên quan đến nhập, xuất.... Điều này gây ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả và thời gian làm việc. Bên cạnh đó, số người biết đến cửa hàng không lớn, chỉ trong quy mô nhỏ. Do vậy, việc sử dụng Website để bán hàng và giới thiệu cửa hàng là điều cần thiết để phát triển cửa hàng lớn mạnh hơn.

2. Khảo sát hiện trạng

2.1. Phương thức khảo sát

Các Website thời trang uy tín như: NYC, Yame, HiYu, Champion...

2.2. Hiện trạng về tổ chức khảo sát

2.2.1. Cơ cấu tổ chức.

Chủ cửa hàng, quản lý: Chịu trách nhiệm về việc bán hàng, nhập hàng, quản lý doanh thu của cửa hàng.

2.2.2. Hiện trạng.

Nhập sản phẩm mới cho cửa hàng: Khi cửa hàng nhập 1 loại sản phẩm mới về thì chủ cửa hàng chịu trách nhiệm cập nhật thông tin sản phẩm (Loại sản phẩm, số lượng, giá cả....).

Bán hàng: Khi có người dùng tới mua giày thì chủ cửa hàng cung cấp các thông tin về sản phẩm, thông tin giá cả và cung cấp sản phẩm cho người dùng khi đồng ý bán.

2.2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin.

Việc tin học hóa quá trình quản lý sẽ đem lại rất nhiều lợi ích. Không cần nhiều nhân viên, nhưng mức độ công việc vẫn hoàn thiện tốt.

CHƯƠNG II: PHÂN TÍCH THIẾT KẾ

1. Biểu đồ usecase

➤ Danh sách các Actor

STT	Tên Actor	Ý nghĩa
1	Quản lý	Là người có toàn quyền tương tác với hệ thống, quyền sử dụng tất cả các chức năng mà website xây dựng, điều khiển và kiểm soát mọi hoạt động của website
2	Nhân viên	Là người có quyền tương tác với hệ thống, quyền sử dụng một số chức năng được cấp phép bởi Admin, điều khiển và kiểm soát một số hoạt động của website. Gồm 3 loại nhân viên là Nhân viên bán hàng, nhân viên kho và nhân viên giao hàng.
2	Người dùng	Là những người truy cập vào website, có thể đăng ký làm thành viên hoặc không. Người dùng chỉ có một số quyền nhất định đối với website.

Bảng 1. Danh sách các Actor

➤ Danh sách các Usecase

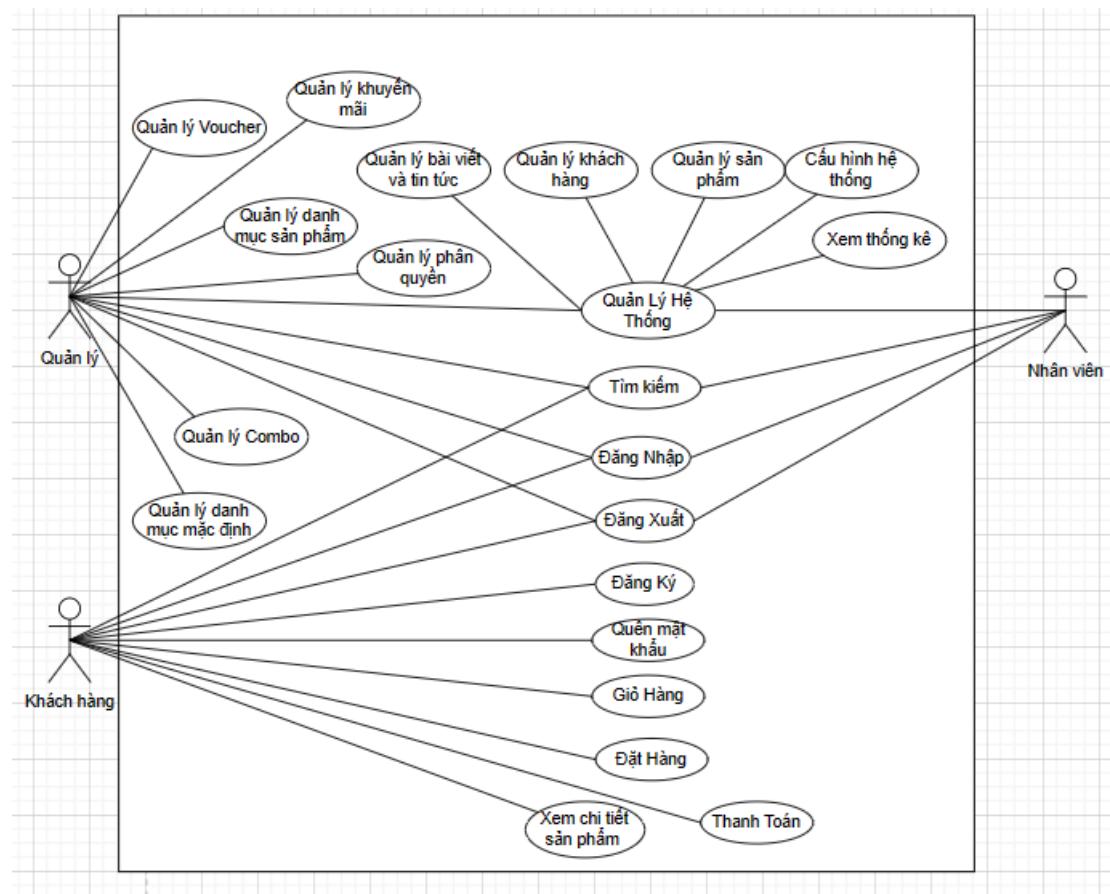
STT	Tên Usecase	Ý nghĩa
1	Đăng nhập	UC này mô tả chức năng đăng nhập vào hệ thống của người dùng.
2	Đăng ký	UC này mô tả chức năng đăng ký tài khoản làm thành viên của người dùng.

3	Đăng xuất	UC này mô tả chức năng đăng xuất tài khoản khỏi hệ thống của người dùng.
4	Quên mật khẩu	UC này mô tả chức năng giúp người dùng lấy lại mật khẩu người dùng.
5	Thanh toán	UC này mô tả chức năng thanh toán tiền của người dùng, có thể là thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán qua VNPay
6	Xem thông tin sản phẩm	UC này mô tả chức năng xem thông tin sản phẩm có trên website của người dùng
7	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng	UC này mô tả chức năng liên quan đến giỏ hàng như: thêm sản phẩm vào giỏ hàng
8	Tìm kiếm thông tin	UC này mô tả chức năng tìm kiếm các thông tin như: sản phẩm, người dùng, nhà cung cấp, hãng sản xuất của người dùng
9	Quản lý sản phẩm	UC này cho phép người quản lý và nhân viên quản lý sản phẩm hiện đang được đăng bán trên website
10	Quản lý bài viết và tin tức	UC này cho phép người quản lý và nhân viên quản lý bài viết và tin tức trên website
11	Quản lý đơn đặt hàng	UC này cho phép người quản lý theo dõi tình hình các đơn đặt hàng trên website
12	Quản lý danh mục	UC này cho phép người quản lý theo dõi và quản lý các danh mục trên hệ thống(sản phẩm, bài viết, trang chủ, ...)
13	Quản lý phân	UC này cho phép người quản lý theo dõi và quản lý

	quyền	các quyền đang tồn tại trên hệ thống.
14	Xem thống kê	UC này cho phép người quản lý xem thống kê tình hình kinh doanh của cửa hàng
15	Cấu hình hệ thống	UC này cho phép người quản lý chỉnh sửa các thông tin của website một cách nhanh chóng(tên website, email liên hệ, số điện thoại liên hệ)
16	Quản lý tài khoản	UC này cho phép người quản lý theo dõi và quản lý các tài khoản trong hệ thống.
17	Quản lý Combo	UC này cho phép người quản lý theo dõi và quản lý các combo sản phẩm trong hệ thống.
18	Quản lý Voucher	UC này cho phép người quản lý theo dõi và quản lý các mã giảm giá trong hệ thống.
19	Quản lý khuyến mãi theo thời gian	UC này cho phép người quản lý theo dõi và quản lý các chương trình giảm giá theo thời gian.

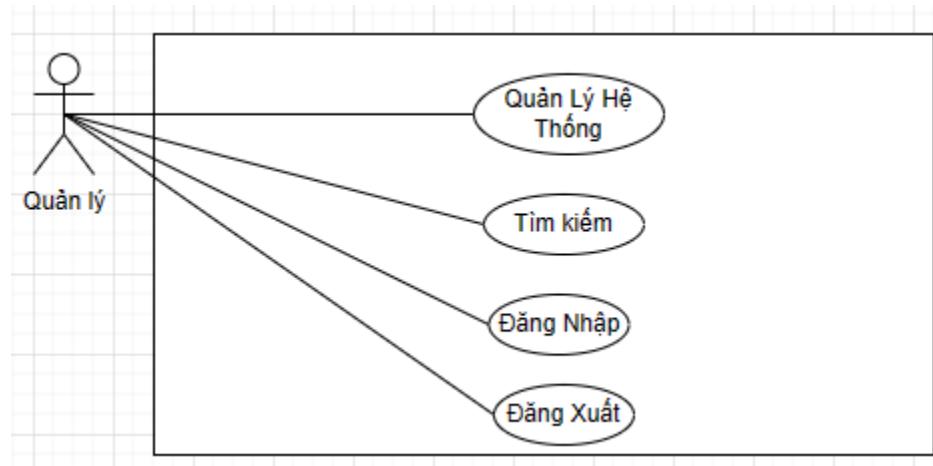
Bảng 2. Danh sách các Usecase

1.1. Biểu đồ usecase mức tổng quát



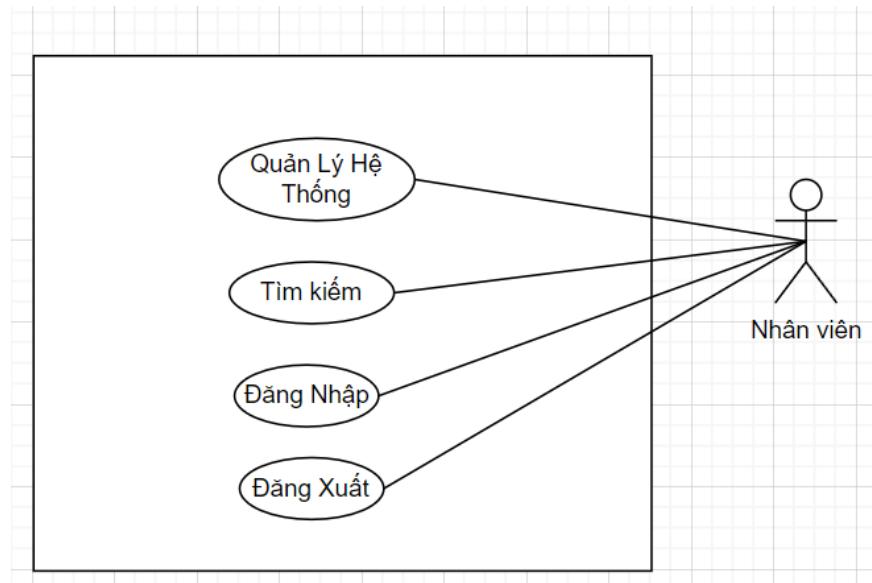
Hình 1. Biểu đồ usecase tổng quát

1.2. Biểu đồ usecase quản lý



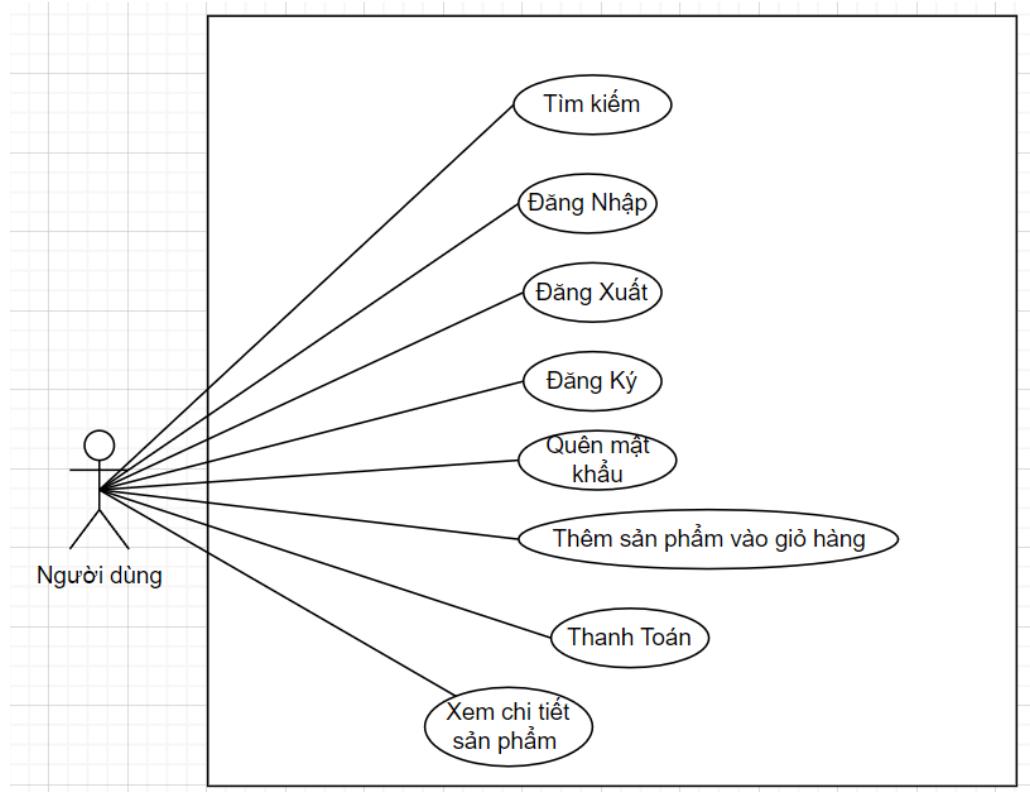
Hình 2. Biểu đồ usecase quản lý

1.3. Biểu đồ usecase nhân viên



Hình 3. Biểu đồ usecase nhân viên

1.4. Biểu đồ usecase người dùng



Hình 4. Biểu đồ usecase người dùng

2. Đặc tả usecase

2.1. Đặc tả Usecase Đăng nhập

1. Tên UC:	Đăng nhập
2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng đăng nhập vào hệ thống website bán hàng bằng tài khoản và mật khẩu đã đăng ký.
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	Người dùng truy cập vào trang web và chọn "Đăng nhập".
5. Điều kiện trước:	<ul style="list-style-type: none"> Người dùng đã tạo tài khoản trên website. Tài khoản của người dùng chưa bị khóa.
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp đăng nhập thành công: Hệ thống hiển thị trang chủ của hệ thống. Sau khi đăng nhập thành công, Người dùng: <ul style="list-style-type: none"> Quản lý, nhân viên: được đưa đến trang chủ quản lý Người dùng: đưa về trang chủ website. Trường hợp đăng nhập thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo đăng nhập không thành công.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng chọn chức năng đăng nhập từ trang chủ của website Trang chủ sẽ mở đến trang đăng nhập Người dùng nhập tài khoản của mình (bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu) Hệ thống xác nhận thông tin đăng nhập Hiển thị thông báo Kết thúc Usecase
7.2 Luồng sự kiện	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng hủy yêu cầu đăng nhập.

thay thế:	2. Hệ thống bỏ qua trang đăng nhập, trả lại trang hiện tại. 3. Kết thúc Usecase
7.3 Luồng ngoại lệ:	1. Người dùng nhập sai thông tin đăng nhập 2. Hệ thống từ chối đăng nhập, hiển thị thông báo và trang đăng nhập. 3. Lỗi hệ thống.
8. Các yêu cầu khác:	Không

2.2. Đặc tả Usecase Đăng ký

1. Tên UC:	Đăng ký
2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng tạo tài khoản mới trên hệ thống website
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	Người dùng truy cập vào trang web và chọn "Đăng ký".
5. Điều kiện trước:	Không có
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp đăng ký thành công: Hệ thống tự động đăng nhập và hiển thị trang chủ để người dùng có thể thực hiện các chức năng tương ứng với quyền đăng nhập của mình, như là thanh toán tiền, gửi ý kiến phản hồi Trường hợp đăng ký thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo đăng ký không thành công.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng chọn chức năng đăng ký từ trang chủ của website. Trang chủ sẽ mở đến trang đăng ký. Người dùng nhập đầy đủ thông tin tài khoản và thông tin cá nhân. Hệ thống xác nhận thông tin và lưu lại.

	<p>5. Hiển thị thông báo.</p> <p>6. Kết thúc Usecase.</p>
7.2 Luồng sự kiện thay thế:	<p>1. Người dùng hủy yêu cầu đăng ký.</p> <p>2. Hệ thống bỏ qua trang đăng ký, trả lại trang hiện tại.</p> <p>3. Kết thúc Usecase</p>
7.3 Luồng ngoại lệ:	<ul style="list-style-type: none"> Nếu hệ thống gặp lỗi khi kiểm tra thông tin đăng ký, hệ thống sẽ hiển thị thông báo lỗi.
8. Các yêu cầu khác:	Không

2.3. Đặt tả Usecase Đăng xuất

1. Tên UC:	Đăng xuất
2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng đăng xuất tài khoản trên hệ thống website
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	Người dùng truy cập vào trang web và chọn "Đăng xuất".
5. Điều kiện trước:	Người dùng đã đăng nhập tài khoản trên website
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp thành công: Hệ thống đưa người dùng trở lại trang chủ.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng chọn chức năng đăng xuất từ trang chủ của website. Hệ thống xác nhận đăng xuất người dùng khỏi website Hệ thống hiển thị trang chủ website. Kết thúc Usecase.
7.2 Luồng sự kiện thay thế:	Nếu người dùng không thể đăng xuất trực tiếp từ trang chủ, họ có thể chọn tùy chọn "Đăng xuất" trong cài đặt tài khoản hoặc trang quản lý tài khoản. Hệ thống sau đó xác nhận và chuyển người dùng trở lại trang chủ website.

7.3 Luồng ngoại lệ:	Không có
8. Các yêu cầu khác:	Không

2.4. Đặt tả Usecase Quên mật khẩu

1. Tên UC:	Quên mật khẩu
2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng lấy lại mật khẩu tài khoản trên hệ thống website
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	Người dùng truy cập vào trang web và chọn "Quên mật khẩu".
5. Điều kiện trước:	Người dùng đã đăng nhập tài khoản trên website
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp thành công: Hệ thống đưa người dùng trở lại trang đăng nhập.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng chọn chức năng quên mật khẩu từ trang đăng nhập. Hệ thống đưa người dùng đến trang lấy lại mật khẩu và yêu cầu cung cấp email. Người dùng sẽ nhập mail, hệ thống sẽ gửi đường link lấy lại mật khẩu đến email. Người dùng bấm vào địa chỉ lấy lại mật khẩu, hệ thống đưa người dùng đến trang đặt lại mật khẩu. Người dùng đặt lại mật khẩu và bấm xác nhận Hệ thống hiển thị đường dẫn để người dùng quay lại trang đăng nhập. Kết thúc Usecase.
7.2 Luồng sự kiện	Người dùng không đăng nhập ngay sau khi đặt lại mật khẩu.

thay thế:	
7.3 Luồng ngoại lệ:	Người dùng hủy thao tác đặt lại mật khẩu
8. Các yêu cầu khác:	Không

2.5. Đặc tả Usecase Xem thông tin sản phẩm

1. Tên UC:	Xem thông tin sản phẩm
2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng xem thông tin về một sản phẩm cụ thể
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	Người dùng truy cập vào trang web và chọn sản phẩm muốn xem thông tin.
5. Điều kiện trước:	Sản phẩm đã được thêm vào hệ thống.
6. Điều kiện sau:	Hiển thị trang thông tin sản phẩm.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng truy cập vào website và nhấn chọn sản phẩm . 2. Trang chủ sẽ mở đến trang chi tiết sản phẩm. 3. Người dùng xem thông tin sản phẩm . 4. Kết thúc Usecase.
7.2 Luồng sự kiện thay thế:	Không có
7.3 Luồng ngoại lệ:	Không có
8. Các yêu cầu khác:	Không

2.6. Đặc tả Usecase Thêm sản phẩm vào giỏ hàng

1. Tên UC:	Thêm sản phẩm vào giỏ hàng
-------------------	----------------------------

2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng thêm một hoặc nhiều sản phẩm trên hệ thống website bán hàng.
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	Người dùng đã chọn sản phẩm muốn thêm.
5. Điều kiện trước:	
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp thêm thành công: Hệ thống tiến hành thêm sản phẩm vào giỏ hàng của người đó. Trường hợp thêm thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo thêm thất bại.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng xem và nhấn vào nút “Thêm Vào Giỏ Hàng”. Hệ thống xác nhận thông tin và lưu lại. Hệ thống thông báo thêm sản phẩm vào giỏ hàng thành công. Kết thúc Usecase.
7.2 Luồng sự kiện thay thế:	Không có
7.3 Luồng ngoại lệ:	Không có
8. Các yêu cầu khác:	Không

2.7. Đặc tả Usecase Thanh toán

1. Tên UC:	Thanh toán
2. Mô tả UC:	Cho phép người dùng thanh toán cho đơn hàng đã đặt
3. Tác nhân:	Người dùng
4. Trigger:	

5. Điều kiện trước:	<ul style="list-style-type: none"> Đơn hàng đã được xác nhận và được thêm vào giỏ hàng.
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> Trường hợp thanh toán thành công: Hệ thống tiến hành tiếp nhận thông tin và chuyển sản phẩm đến tay người dùng. Trường hợp thanh toán thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo và quay về trang trước đó.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng nhấn vào nút “Thanh toán”. Hệ thống xác nhận thông tin và hiển thị trang thanh toán. Người dùng chọn hình thức thanh toán (COD/BANKING) và chọn “đặt hàng”. Hệ thống: <ol style="list-style-type: none"> COD: Hệ thống kiểm tra thông tin cá nhân, đưa ra thông báo đặt hàng thành công. BANKING: Hệ thống chuyển sang trang thanh toán VNPAY. Người dùng thanh toán thành công, hệ thống thông báo đặt hàng thành công. Hệ thống gửi thông tin đến email mua hàng hóa đơn đặt mua. Kết thúc Usecase.
7.2 Luồng sự kiện thay thế:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng hủy yêu cầu thanh toán. Hệ thống hủy việc thanh toán, hiển thị trang trước đó. Kết thúc Usecase.
7.3 Luồng ngoại lệ:	<ol style="list-style-type: none"> Người dùng chưa đăng nhập. Hệ thống sẽ đưa ra thông báo và yêu cầu đăng nhập. Kết thúc Usecase.
8. Các yêu cầu	Không

khác:	
--------------	--

2.8. Đặc tả Usecase Tìm kiếm

1. Tên UC:	Tìm kiếm
2. Mô tả UC:	Cho phép tìm kiếm thông tin.
3. Tác nhân:	Người dùng, quản lý, nhân viên.
4. Trigger:	Người dùng, quản lý, nhân viên muốn tìm kiếm sản phẩm trên hệ thống.
5. Điều kiện trước:	Người dùng, quản lý, nhân viên đã truy cập vào trang web.
6. Điều kiện sau:	<ul style="list-style-type: none"> • Trường hợp thành công: Hệ thống hiển thị thông tin liên quan đến sản phẩm mà người dùng tìm kiếm. • Trường hợp thất bại: Hệ thống đưa ra thông báo lỗi và trả lại giao diện chính.
7. Luồng sự kiện:	
7.1 Luồng chính:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng chọn chức năng tìm kiếm tài liệu từ trang chủ. 2. Người dùng nhập thông tin tìm kiếm. 3. Hệ thống xác nhận thông tin và thực hiện tìm kiếm. 4. Hệ thống trả về thông tin tìm kiếm. 5. Kết thúc Usecase.
7.2 Luồng sự kiện thay thế:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người dùng hủy việc việc tìm kiếm. 2. Hệ thống bỏ qua trang tìm kiếm, trả lại trang chủ. 3. Kết thúc Usecase.
7.3 Luồng ngoại lệ:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống có lỗi trong quá trình tìm kiếm. 2. Hệ thống thông báo lỗi. 3. Kết thúc Usecase.
8. Các yêu cầu	Không

khác:	
--------------	--

2.9. Đặc tả Usecase Quản lý sản phẩm

1. Tên UC	Quản lý sản phẩm
2. Mô tả ngắn	Cho phép người quản lý truy cập vào hệ thống quản lý thông tin của từng sản phẩm có trên hệ thống
3. Tác nhân	Người Quản trị
4. Điều kiện kích hoạt	Khi người quản lý muốn kiểm tra, chỉnh sửa thông tin của một sản phẩm nào đó trên hệ thống
5. Tiền đề kiện:	Người quản trị viên truy cập vào hệ thống Đã có tài khoản đăng nhập
6. Luồng sự kiện	<p>6.1. Luồng sự kiện chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống quản lý người dùng bằng cách sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu hoặc các phương tiện xác thực khác. Sau khi đăng nhập thành công, người quản trị viên được đưa đến màn hình chính của hệ thống quản lý người dùng. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục quản lý sản phẩm. Thanh menu sẽ hiển thị ra mục danh mục sản phẩm và sản phẩm. Quản trị viên chọn 1 trong 2 lựa chọn ở mục số 4 danh mục sản phẩm là phân loại các sản phẩm có điểm chung, sản phẩm là danh sách các sản phẩm có trên hệ thống Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý sản phẩm sau:

	<ul style="list-style-type: none"> +Tìm kiếm sản phẩm hoặc danh mục theo tên hoặc mã +Đăng bán 1 số sản phẩm lên trên hệ thống +Tắt bán 1 số sản phẩm lên trên hệ thống +Sửa sản phẩm hoặc danh mục sản phẩm +Xóa sản phẩm hoặc danh mục sản phẩm +Thêm sản phẩm hoặc danh mục sản phẩm +Xóa nhiều sản phẩm cùng một lúc <p>Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý sản phẩm và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).</p>
6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	<ul style="list-style-type: none"> - Người quản lý nhập sai số liệu khi thêm một số sản phẩm bất kỳ - Người quản lý xóa 1 số sản phẩm không tồn tại trên hệ thống - Người quản lý không tìm kiếm được sản phẩm dựa trên mã sản phẩm hoặc tên sản phẩm - Người quản lý nhập thiếu thông tin của một sản phẩm nào đó khi thêm mới
7. Hậu điều kiện:	Người quản trị thao tác thành công, tìm kiếm, thêm, xóa, sửa sản phẩm
8. Các yêu cầu khác	Trang quản lý rõ ràng chi tiết, dữ liệu phải đồng bộ tránh tình trạng 1 sản phẩm có cùng mã sản phẩm với nhau

2.10. Đặc tả Usecase Quản lý bài viết và tin tức

1. Tên UC	Quản lý bài viết và tin tức
2. Mô tả ngắn	Use case này mô tả các hoạt động đến việc quản lý thông tin của các bài viết và các tin tức trên hệ thống công bố các bài viết

	hoặc tin tức lên trên hệ thống
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Khi người quản trị muốn công bố hay thêm, xóa, sửa một số bài viết lên trên trang web để cho mọi người có thể thấy được
5. Tiền kiện:	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
6. Luồng sự kiện	<p>6.1. Luồng sự kiện chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống quản lý người dùng bằng cách sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu hoặc các phương tiện xác thực khác. Sau khi đăng nhập thành công, người quản trị viên được đưa đến màn hình chính của hệ thống quản lý người dùng. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục bài viết hoặc tin tức Hệ thống hiển thị danh sách các bài viết hoặc tin tức theo như đã chọn ở mục 3. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý bài viết sau: <ul style="list-style-type: none"> +Tìm kiếm bài viết hoặc tin tức theo tên hoặc mã +Công bố một bài viết hoặc tin tức lên trang web +Sửa bài viết hoặc tin tức +Xóa bài viết hoặc tin tức +Thêm bài viết hoặc tin tức Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý bài viết hoặc tin tức và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).

	6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không
	6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	Người quản trị viên không tìm thấy được bài viết hoặc tin tức theo từ khóa tìm kiếm
	7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
	8. Các yêu cầu khác	Không

2.11. Đặc tả Usecase Quản lý đơn đặt hàng

1. Tên UC	Quản lý các đơn đặt hàng của người dùng
2. Mô tả ngắn	Người quản trị viên sẽ kiểm tra các đơn đặt hàng khi mà có người dùng muốn đặt hàng, quản lý các đơn đặt hàng trên hệ thống
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
5. Tiên điều kiện:	Khi người quản lý muốn kiểm tra thông tin của đơn đặt hàng, tìm kiếm đơn đặt hàng
6. Luồng sự kiện	
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục Đơn đặt hàng từ menu Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các đơn hàng và tình trạng các đơn hàng sẽ được cập nhật thường xuyên. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động

	<p>quản lý đơn đặt hàng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lọc các đơn đặt hàng theo các danh mục có trên hệ thống + Tìm kiếm các đơn đặt hàng theo mã hoặc tên người dùng, số điện thoại +Xem chi tiết các đơn đặt hàng +Cập nhật đơn đặt hàng <p>5. Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý đơn đặt hàng và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).</p>
6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không có
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	<ul style="list-style-type: none"> +Trong lúc chỉnh sửa người dùng sẽ hủy đơn hàng +Không tìm kiếm thấy sản phẩm theo mã hoặc tên người dùng hoặc số điện thoại
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
8. Các yêu cầu khác	Không

2.12. Đặc tả Usecase Quản lý danh mục

1. Tên UC	Quản lý các danh mục mặc định trên hệ thống
2. Mô tả ngắn	Người quản lý sẽ kiểm tra thêm xóa sửa các danh mục hiển thị trên trang web mua sắm
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
5. Tiền điều kiện:	Khi người quản lý muốn Chỉnh sửa lại các danh mục của

	trang web mua sắm chính
6. Luồng sự kiện	
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người quản trị viên truy cập vào hệ thống 2. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục Danh mục từ menu 3. Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các Danh mục đang có trên hệ thống ví dụ: Trang chủ, Giới thiệu, Sản phẩm,.... 4. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý danh mục sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thêm các danh mục + Tìm kiếm các danh mục + Xóa các danh mục + Sửa các danh mục 5. Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý Danh mục và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).
6.2. Luồng sự kiện thay thế	
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	<ul style="list-style-type: none"> +Không tìm kiếm được các danh mục trên hệ thống +Nhập sai dữ liệu khi thêm 1 danh mục +Xóa 1 danh mục có dính ràng buộc với các dữ liệu khác +Xóa tất cả các danh mục đang có
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
8. Các yêu cầu khác	Không

2.13. Đặc tả Usecase Quản lý phân quyền

1. Tên UC	Quản lý các role trên hệ thống
2. Mô tả ngắn	Người quản lý sẽ kiểm tra thêm xóa sửa các quyền của các actor hiển thị trên trang web mua sắm
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
5. Tiên điều kiện:	Khi người quản lý muốn Chính sửa lại và phân thêm quyền cho các actor
6. Luồng sự kiện	<p>6.1. Luồng sự kiện chính:</p> <ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục role từ menu Hệ thống sẽ hiển thị danh sách các quyền đang có trên hệ thống ví dụ: Admin, Người dùng, nhân viên,... Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý role sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thêm các role + Tìm kiếm các role + Xóa các role + Sửa các role Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý Danh mục và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có). <p>6.2. Luồng sự kiện thay thế</p>

	6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+Không tìm kiếm được các quyền trên hệ thống +Nhập sai dữ liệu khi thêm 1 quyền +Xóa 1 quyền có dính ràng buộc với các dữ liệu khác +Xóa tất các quyền đang có +Xóa quyền của quản trị viên
	7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
	8. Các yêu cầu khác	Không

2.14. Đặc tả Usecase Xem thống kê

1. Tên UC	Xem thống kê doanh thu của trang web	
2. Mô tả ngắn (mục đích/ ý nghĩa)	Người quản lý sẽ kiểm tra, xem thống kê hoạt động bán hàng trong các tháng	
3. Tác nhân	Người quản trị viên	
4. Điều kiện kích hoạt	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên	
5. Tiền điều kiện:	Khi người quản lý muốn kiểm tra thống kê hoạt động bán hàng	
6. Luồng sự kiện		
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục thống kê từ menu Hệ thống sẽ hiển thị thống kê doanh thu bán hàng trong các tháng và biểu đồ về doanh thu của hoạt động bán hàng, ... 	

	6.2. Luồng sự kiện thay thế	
	6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+ Không có dữ liệu về doanh thu của một tháng
7. Hậu điều kiện:		Hệ thống sẽ hiển thị thông kê doanh thu của hoạt động bán hàng
8. Các yêu cầu khác		Hiển thị biểu đồ tăng giảm doanh thu trong các tháng khác

2.15. Đặc tả Usecase Cấu hình hệ thống

1. Tên UC	Cấu hình hệ thống
2. Mô tả ngắn	Người quản lý muốn chỉnh sửa thông tin của hệ thống
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
5. Tiền điều kiện:	Khi người quản lý muốn kiểm tra thông kê hoạt động bán hàng
6. Luồng sự kiện	
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục cấu hình hệ thống từ menu Hệ thống sẽ hiển thị các thông tin về hệ như: logo, tên hệ thống, tiêu đề, email và số liên hệ của người quản lý Người quản lý sẽ tiến hành chỉnh sửa các dữ liệu được nêu ở mục 3.
6.2. Luồng sự kiện	

thay thế	
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+ Người quản lý nhập thiếu hoặc nhập sai dữ liệu của một mục trên cấu hình hệ thống
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ lưu lại những thông tin chỉnh sửa
8. Các yêu cầu khác	

2.16. Đặc tả Usecase Quản lý tài khoản

1. Tên UC	Quản lý tài khoản
2. Mô tả ngắn	Use case này mô tả các hoạt động liên quan đến việc thêm, xóa, sửa tài khoản của nhân viên, người dùng và các quản lý khác
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Khi người quản trị muốn thêm, xóa, sửa, phân quyền cho tài khoản trên nào đó trên hệ thống
5. Tiền điều kiện:	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
6. Luồng sự kiện	
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống quản lý người dùng bằng cách sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu hoặc các phương tiện xác thực khác. Sau khi đăng nhập thành công, người quản trị viên được đưa đến màn hình chính của hệ thống quản lý. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục tài khoản. Hệ thống hiển thị danh sách các tài khoản. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý tài khoản sau: + Sửa tài khoản

	+Xóa tài khoản +Thêm tài khoản +Phân quyền cho tài khoản 6. Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý bài viết hoặc tin tức và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).
6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+Người quản trị viên nhập thiếu hoặc sai dữ liệu của một tài khoản khi thêm +Xóa tài khoản không được phép xóa
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
8. Các yêu cầu khác	

2.17. Đặc tả Usecase Quản lý Combo

1. Tên UC	Quản lý Combo
2. Mô tả ngắn	Use case này mô tả các hoạt động liên quan đến việc thêm, xóa, sửa combo sản phẩm có trong hệ thống.
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Khi người quản trị muốn thêm, xóa, sửa, xem chi tiết cho các combo sản phẩm có trong hệ thống.
5. Tiền điều kiện:	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
6. Luồng sự kiện	

6.1. Luồng sự kiện chính:	<p>1. Người quản trị viên truy cập vào hệ thống quản lý người dùng bằng cách sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu hoặc các phương tiện xác thực khác.</p> <p>2. Sau khi đăng nhập thành công, người quản trị viên được đưa đến màn hình chính của hệ thống quản lý.</p> <p>3. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục khuyến mãi và chọn vào mục Combo</p> <p>4. Hệ thống hiển thị danh sách các combo .</p> <p>5. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý tài khoản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Sửa Combo +Xóa Combo +Thêm Combo +Khóa Combo <p>6. Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý combo và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).</p>
6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+Người quản trị viên nhập thiếu hoặc sai dữ liệu của một combo khi thêm.
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiển thị thành công sau các hành động của quản trị viên
8. Các yêu cầu khác	

2.18. Đặc tả Usecase Quản lý Voucher

1. Tên UC	Quản lý Combo
------------------	---------------

2. Mô tả ngắn	Use case này mô tả các hoạt động liên quan đến việc thêm, xóa, sửa Voucher có trong hệ thống.
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Khi người quản trị muốn thêm, xóa, sửa, xem chi tiết cho các Voucher có trong hệ thống.
5. Tiền đề kiện:	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
6. Luồng sự kiện	
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> 1. Người quản trị viên truy cập vào hệ thống quản lý người dùng bằng cách sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu hoặc các phương tiện xác thực khác. 2. Sau khi đăng nhập thành công, người quản trị viên được đưa đến màn hình chính của hệ thống quản lý. 3. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục khuyến mãi và chọn vào mục Voucher 4. Hệ thống hiển thị danh sách các Voucher . 5. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý tài khoản sau: <ul style="list-style-type: none"> +Sửa Voucher +Xóa Voucher +Thêm Voucher +Khóa Voucher 6. Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý Voucher và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).
6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không

6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+Người quản trị viên nhập thiếu hoặc sai dữ liệu của một Voucher khi thêm.
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
8. Các yêu cầu khác	

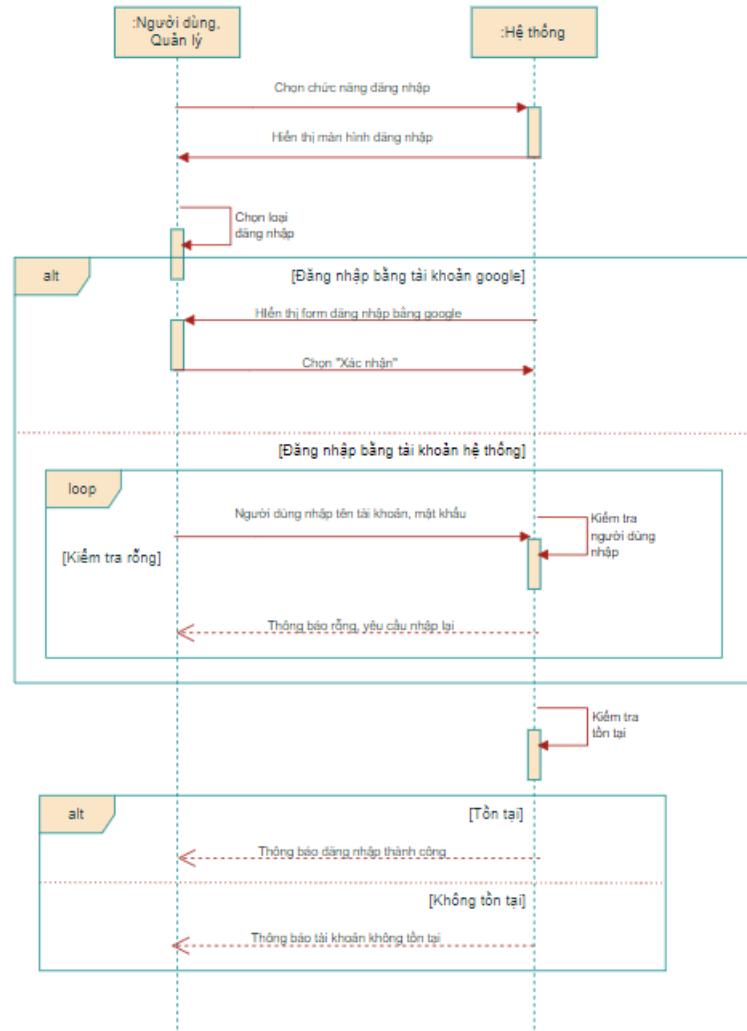
2.19. Đặc tả Usecase Quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian

1. Tên UC	Quản lý Combo
2. Mô tả ngắn	Use case này mô tả các hoạt động liên quan đến việc thêm, xóa, sửa các chương trình khuyến mãi có trong hệ thống.
3. Tác nhân	Người quản trị viên
4. Điều kiện kích hoạt	Khi người quản trị muốn thêm, xóa, sửa, xem chi tiết cho các chương trình khuyến mãi có trong hệ thống.
5. Tiền điều kiện:	Truy cập vào hệ thống Đã đăng nhập vào hệ thống bằng tài khoản của trị viên
6. Luồng sự kiện	
6.1. Luồng sự kiện chính:	<ol style="list-style-type: none"> Người quản trị viên truy cập vào hệ thống quản lý người dùng bằng cách sử dụng tên đăng nhập và mật khẩu hoặc các phương tiện xác thực khác. Sau khi đăng nhập thành công, người quản trị viên được đưa đến màn hình chính của hệ thống quản lý. Người quản trị viên chọn tùy chọn vào mục khuyến mãi và chọn vào mục Khuyến Mãi Theo Thời Gian. Hệ thống hiển thị danh sách các Khuyến Mãi Theo Thời Gian.

	<p>5. Người quản trị viên có thể thực hiện các hoạt động quản lý tài khoản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> +Sửa +Xóa +Thêm +Khóa <p>6. Người quản trị viên hoàn tất hoạt động quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian và hệ thống ghi nhận các thay đổi (nếu có).</p>
6.2. Luồng sự kiện thay thế	Không
6.3. Luồng ngoại lệ/ luồng phụ	+Người quản trị viên nhập thiếu hoặc sai dữ liệu của một Voucher khi thêm.
7. Hậu điều kiện:	Hệ thống sẽ hiện thị thành công sau các hành động của quản trị viên
8. Các yêu cầu khác	

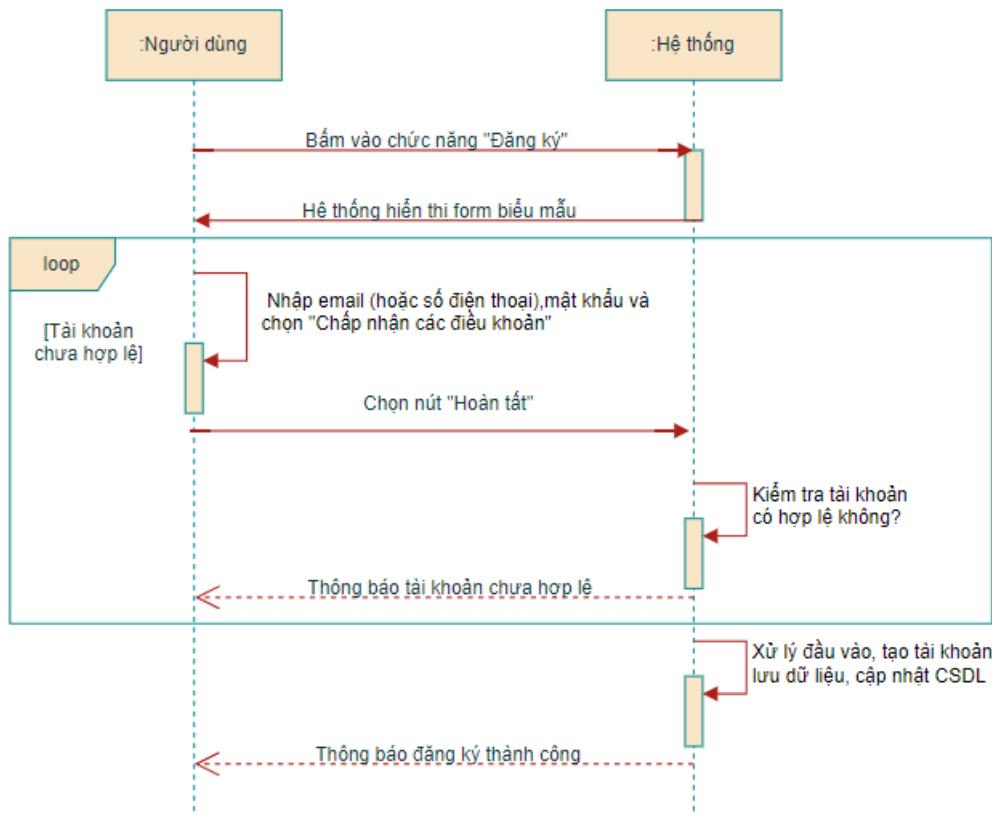
3. Biểu đồ tuần tự

3.1. Chức năng đăng nhập



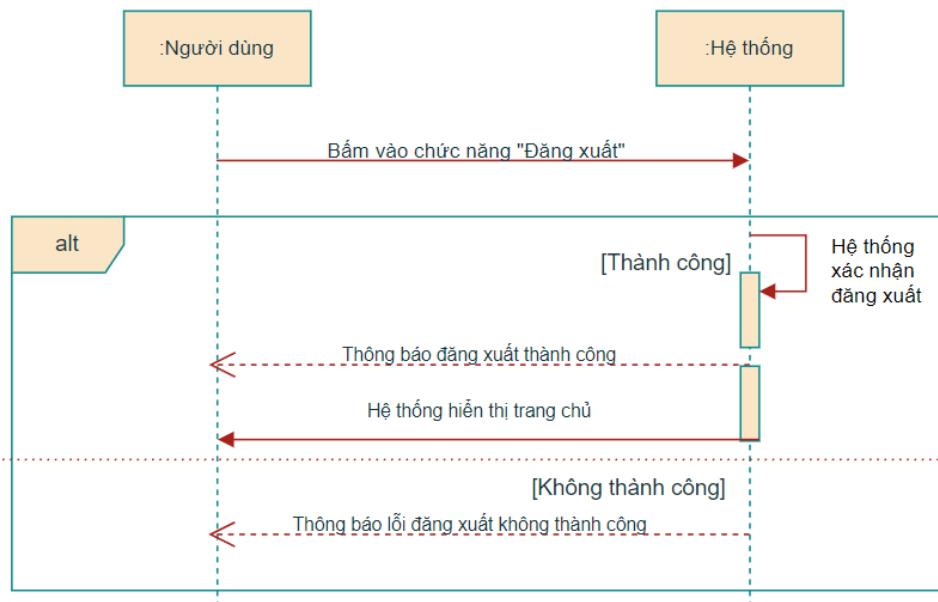
Hình 5. Biểu đồ tuần tự chức năng đăng nhập

3.2. Chức năng đăng ký



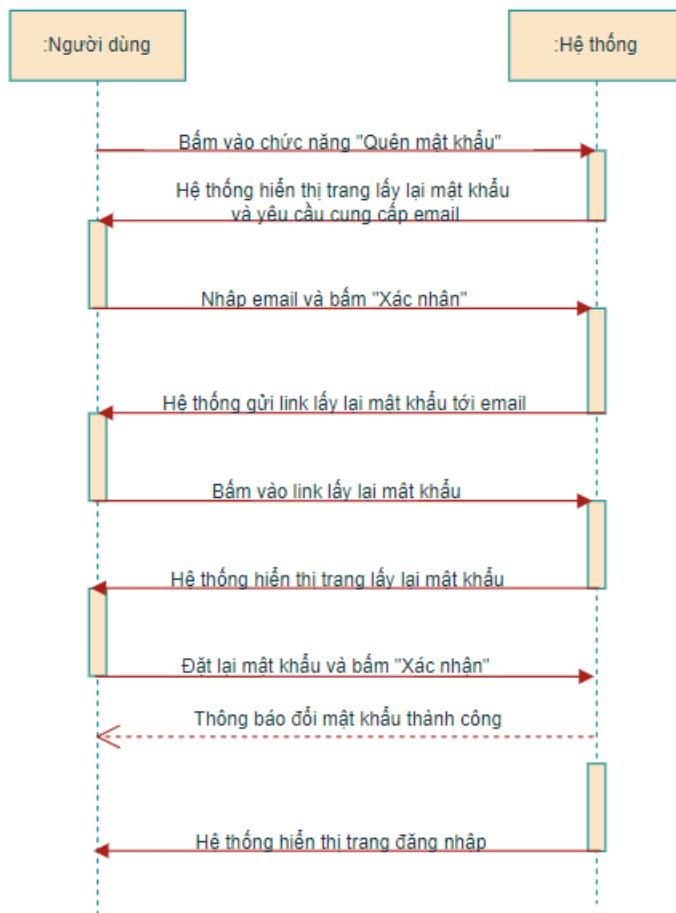
Hình 6. Biểu đồ tuần tự chức năng đăng ký

3.3. Chức năng đăng xuất



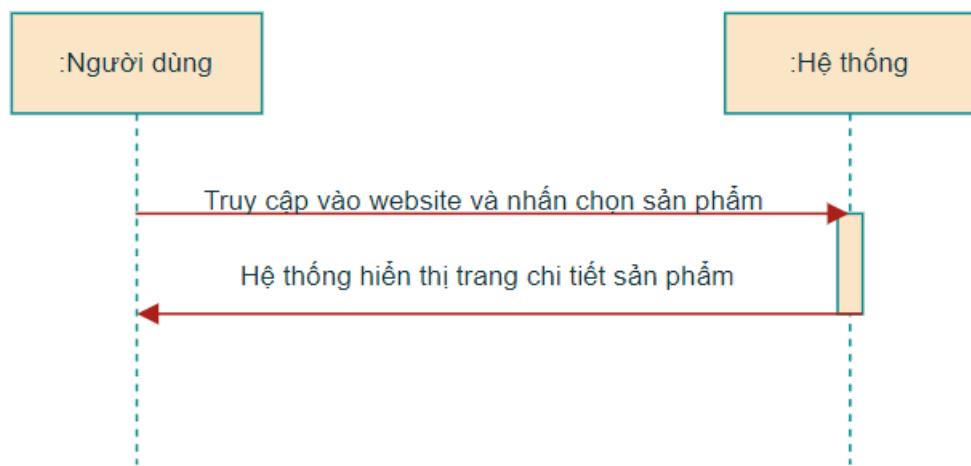
Hình 7. Biểu đồ tuần tự chức năng đăng xuất

3.4. Chức năng quên mật khẩu



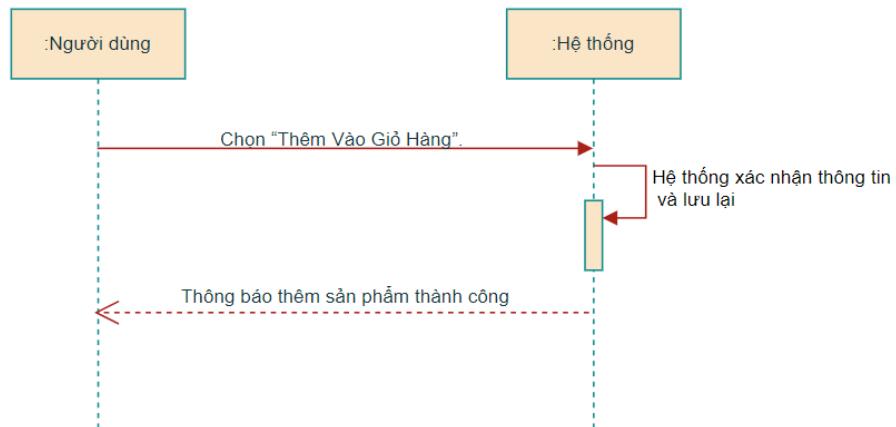
Hình 8. Biểu đồ tuần tự chức năng quên mật khẩu

3.5. Chức năng xem thông tin sản phẩm



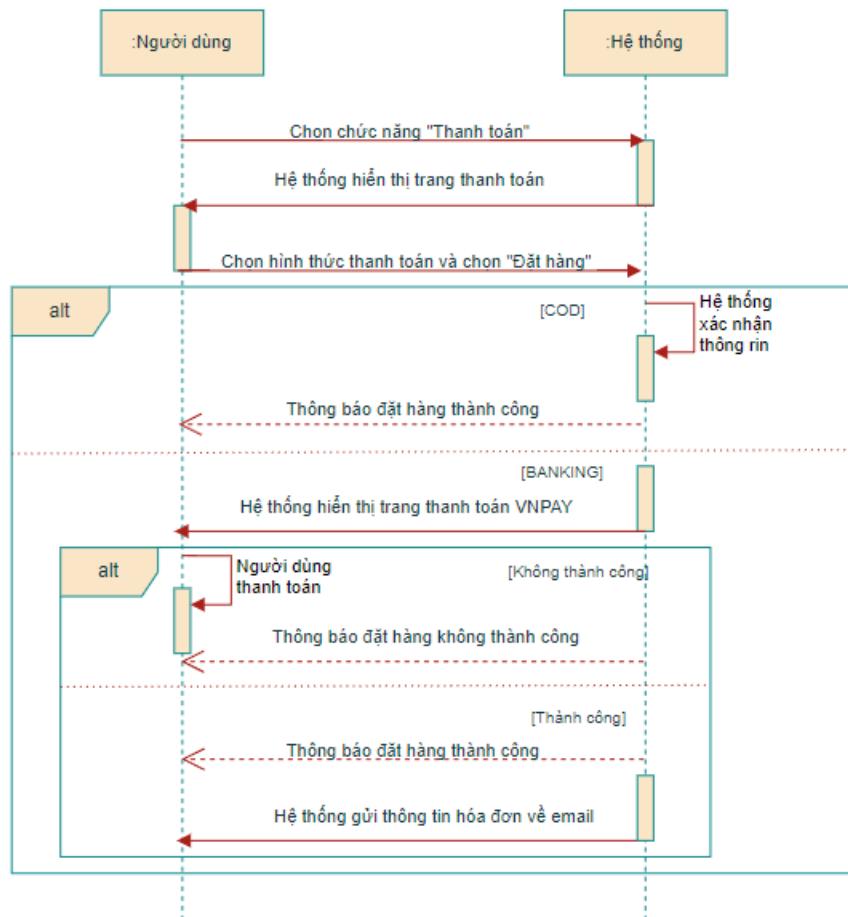
Hình 9. Biểu đồ tuần tự chức năng xem thông tin sản phẩm

3.6. Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng



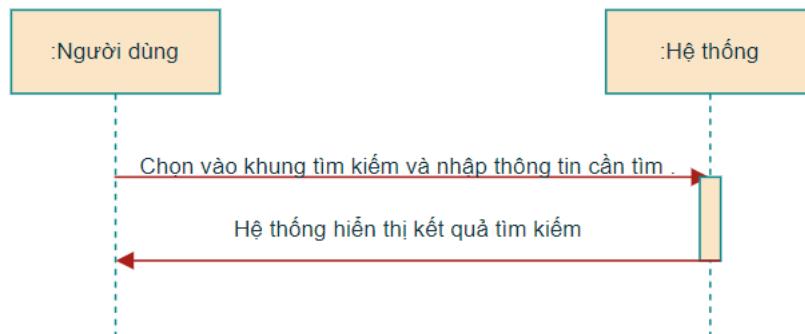
Hình 10. Biểu đồ tuần tự chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng

3.7. Chức năng thanh toán



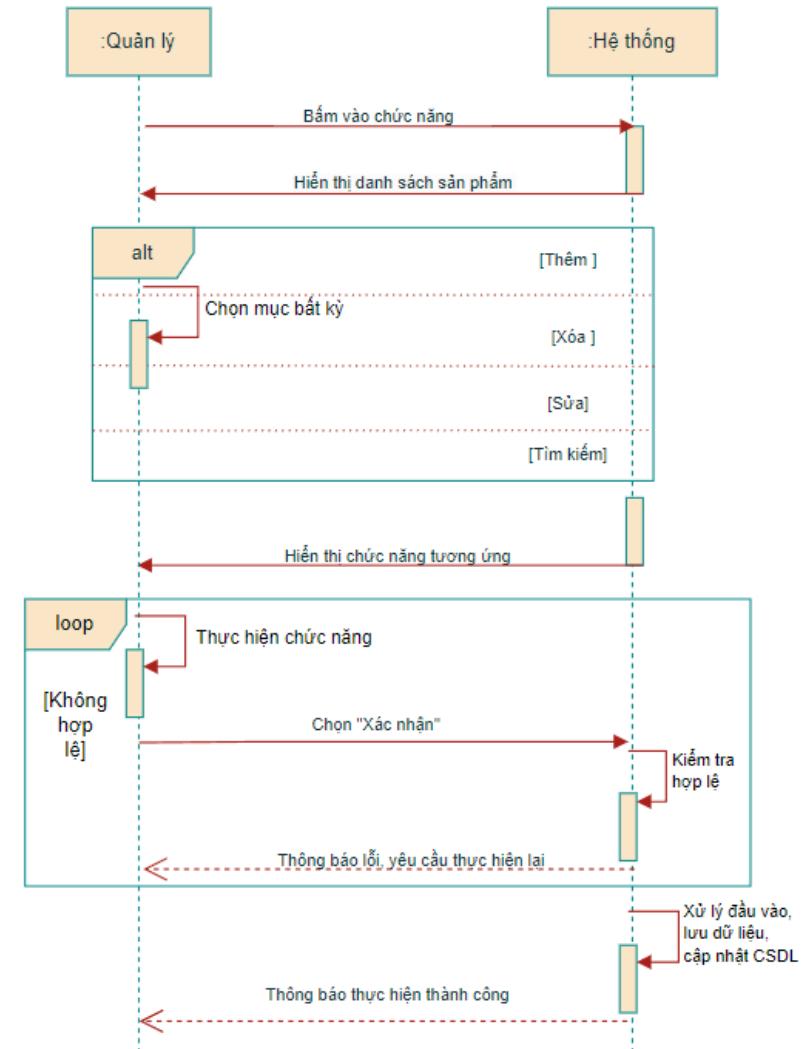
Hình 11. Biểu đồ tuần tự chức năng thanh toán

3.8. Chức năng tìm kiếm



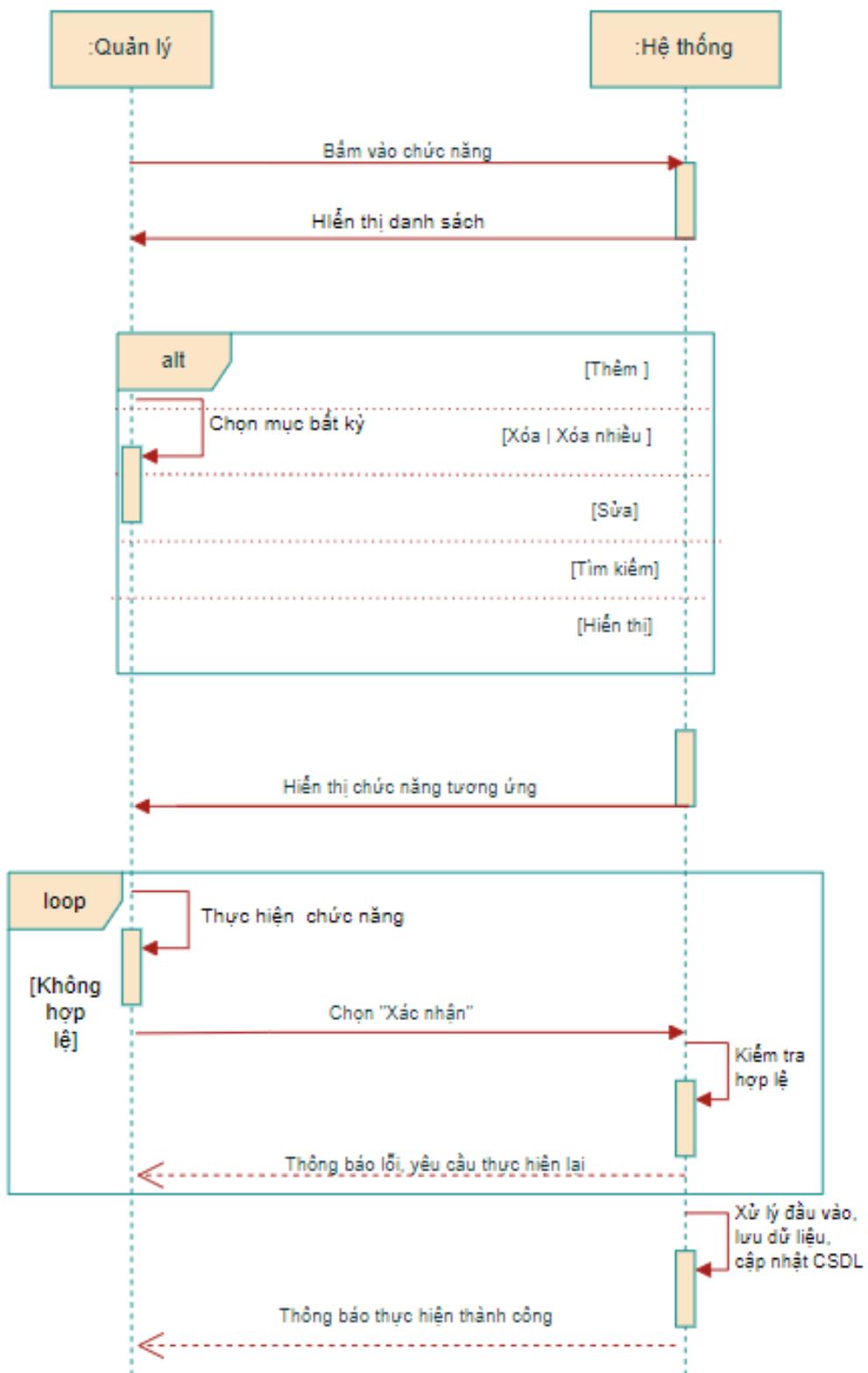
Hình 12. Biểu đồ tuần tự chức năng tìm kiếm

3.9. Chức năng quản lý sản phẩm



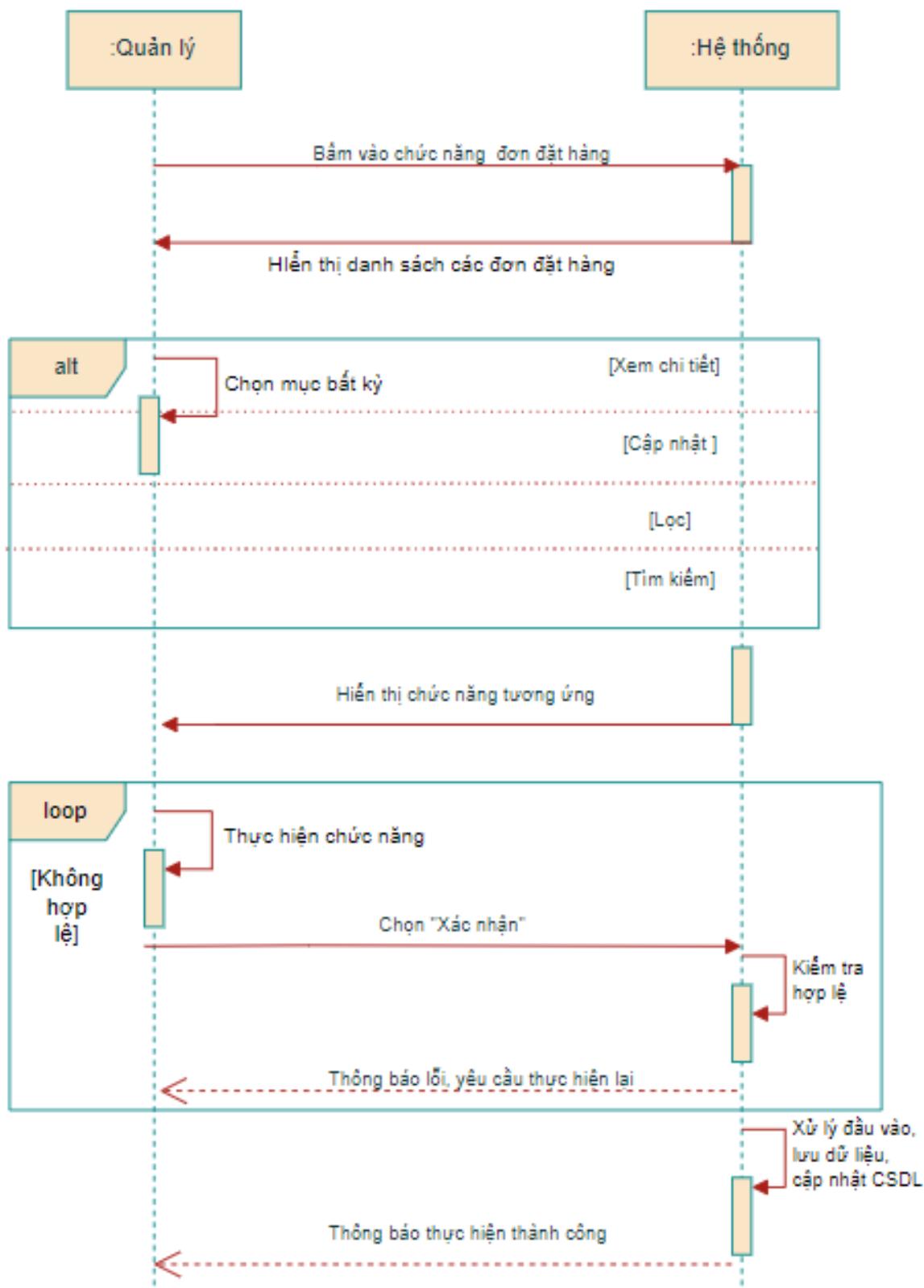
Hình 13. Biểu đồ tuần tự chức quản lý sản phẩm

3.10. Chức năng quản lý bài viết và tin tức



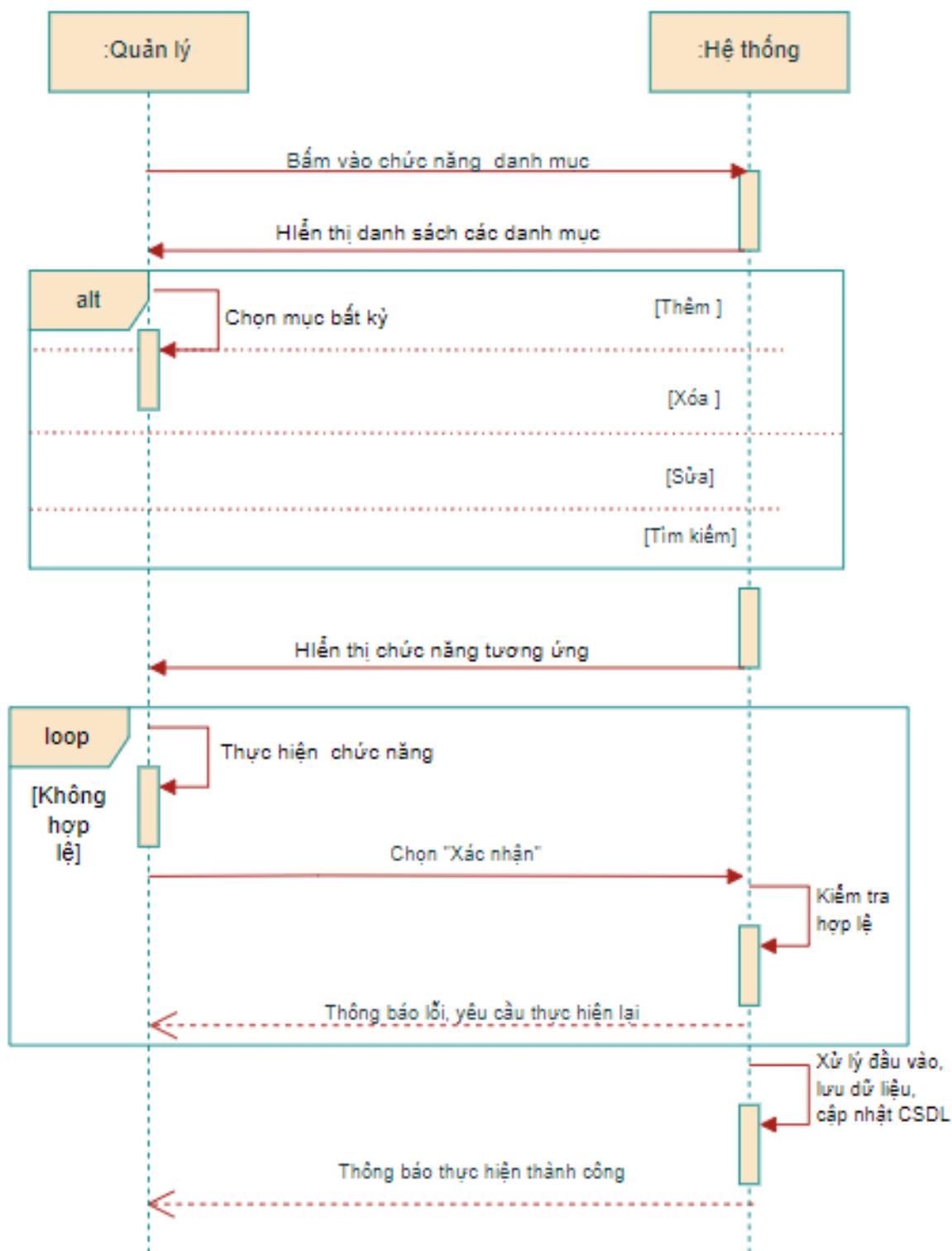
Hình 14. Biểu đồ tuần tự chức quản lý bài viết và tin tức

3.11. Chức năng quản lý đơn đặt hàng



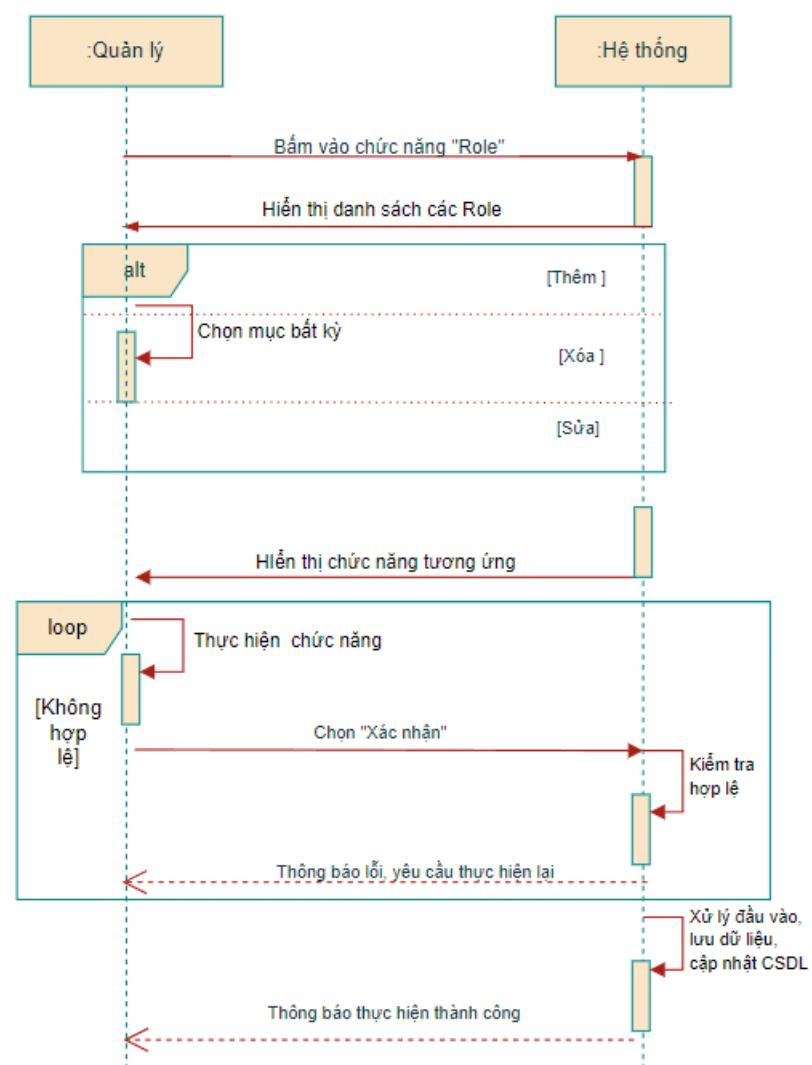
Hình 15. Biểu đồ tuần tự chức quản lý đơn đặt hàng

3.12. Chức năng quản lý danh mục



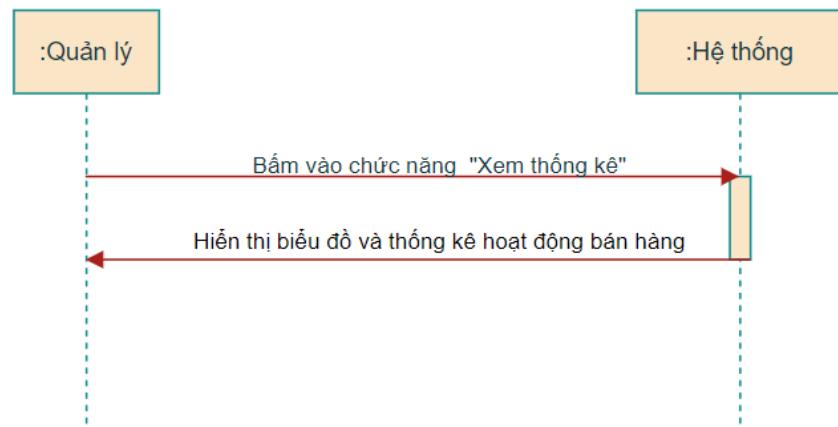
Hình 16. Biểu đồ tuần tự chức quản lý danh mục

3.13. Chức năng quản lý phân quyền



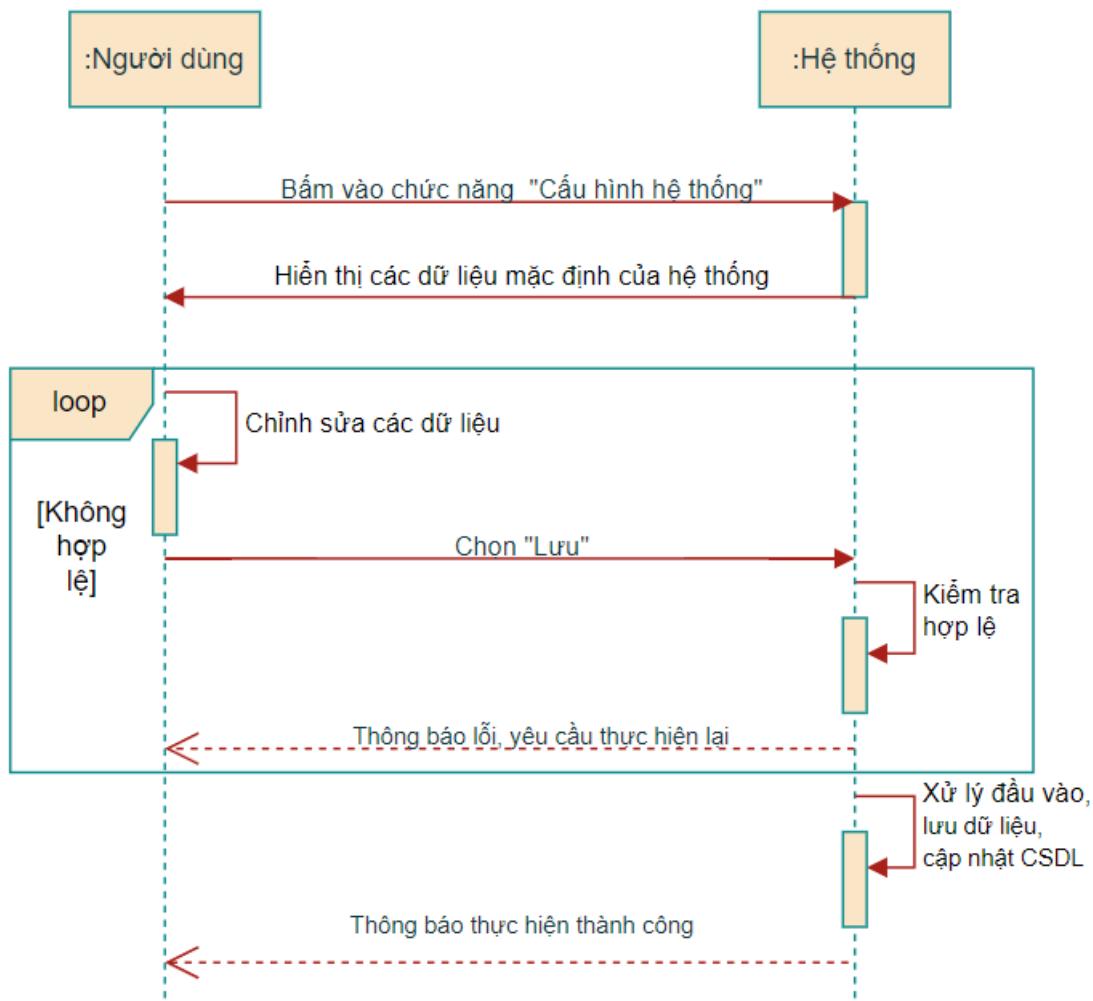
Hình 17. Biểu đồ tuần tự chức quản lý phân quyền

3.14. Chức năng xem thống kê

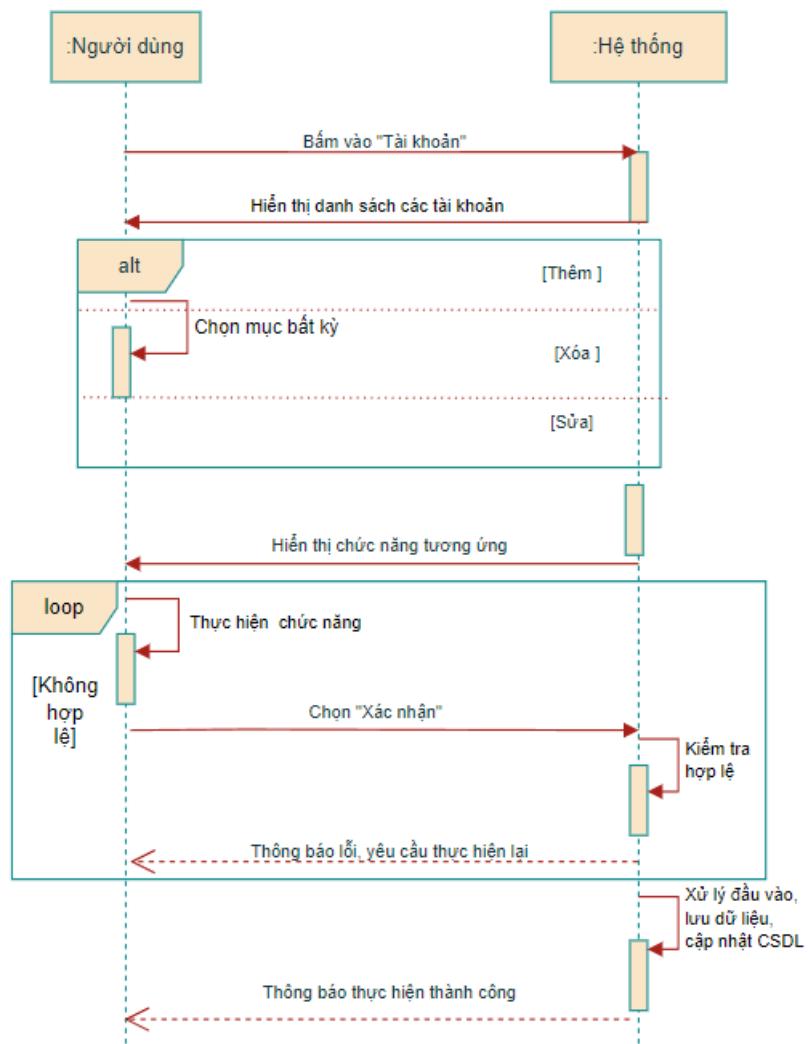


Hình 18. Biểu đồ tuần tự xem thống kê

3.15. Chức năng cấu hình hệ thống

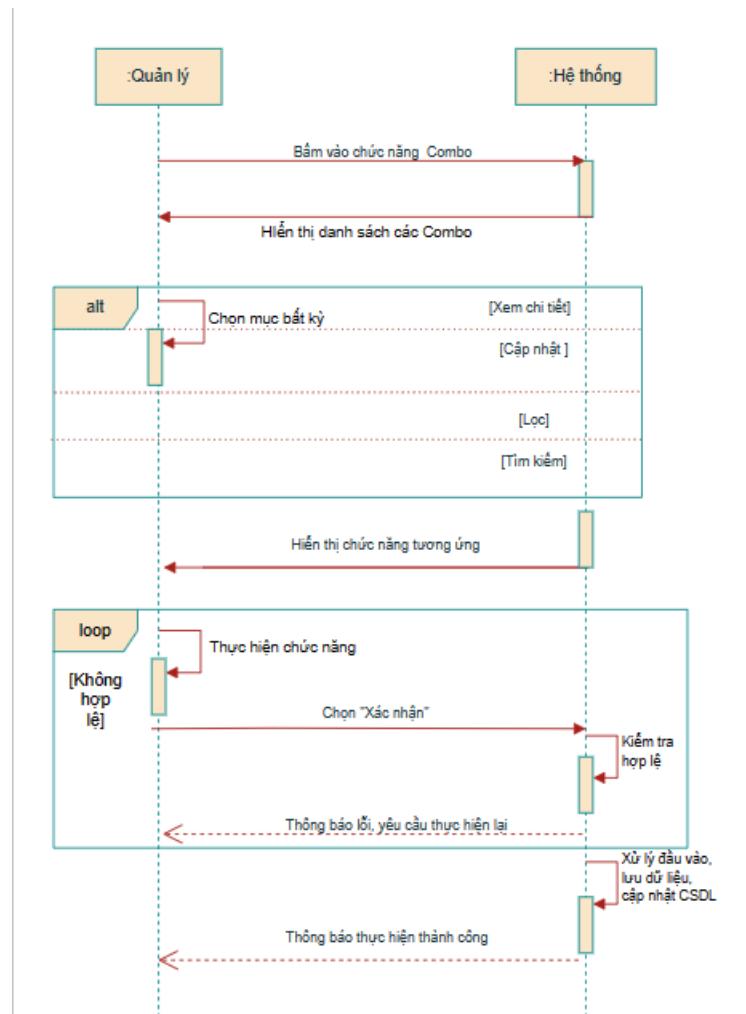


3.16. Chức năng quản lý tài khoản



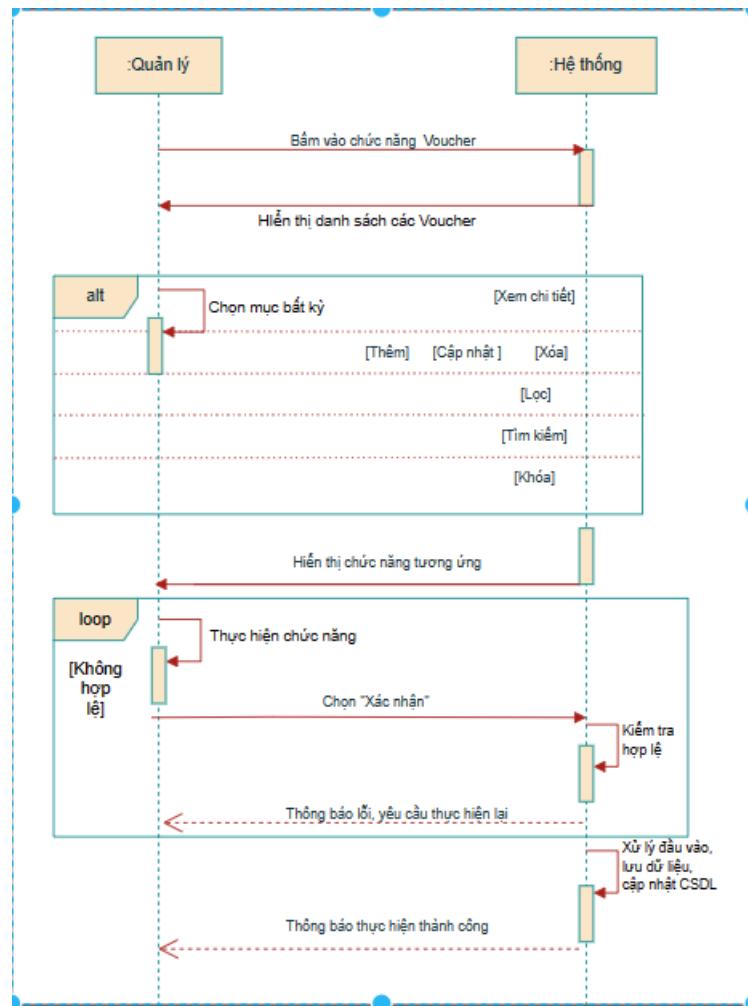
Hình 20. Biểu đồ tuần tự chức quản lý tài khoản

3.17. Chức năng quản lý Combo



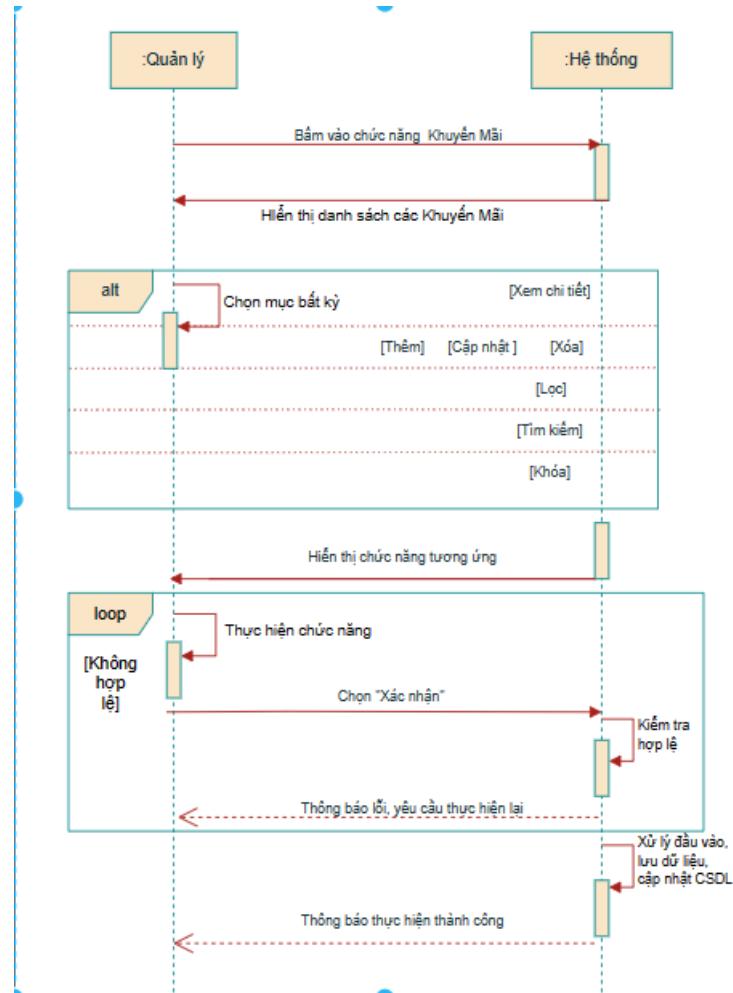
Hình 21. Biểu đồ tuần tự chức quản lý Combo

3.18. Chức năng quản lý Voucher



Hình 22. Biểu đồ tuần tự chức quản lý Voucher

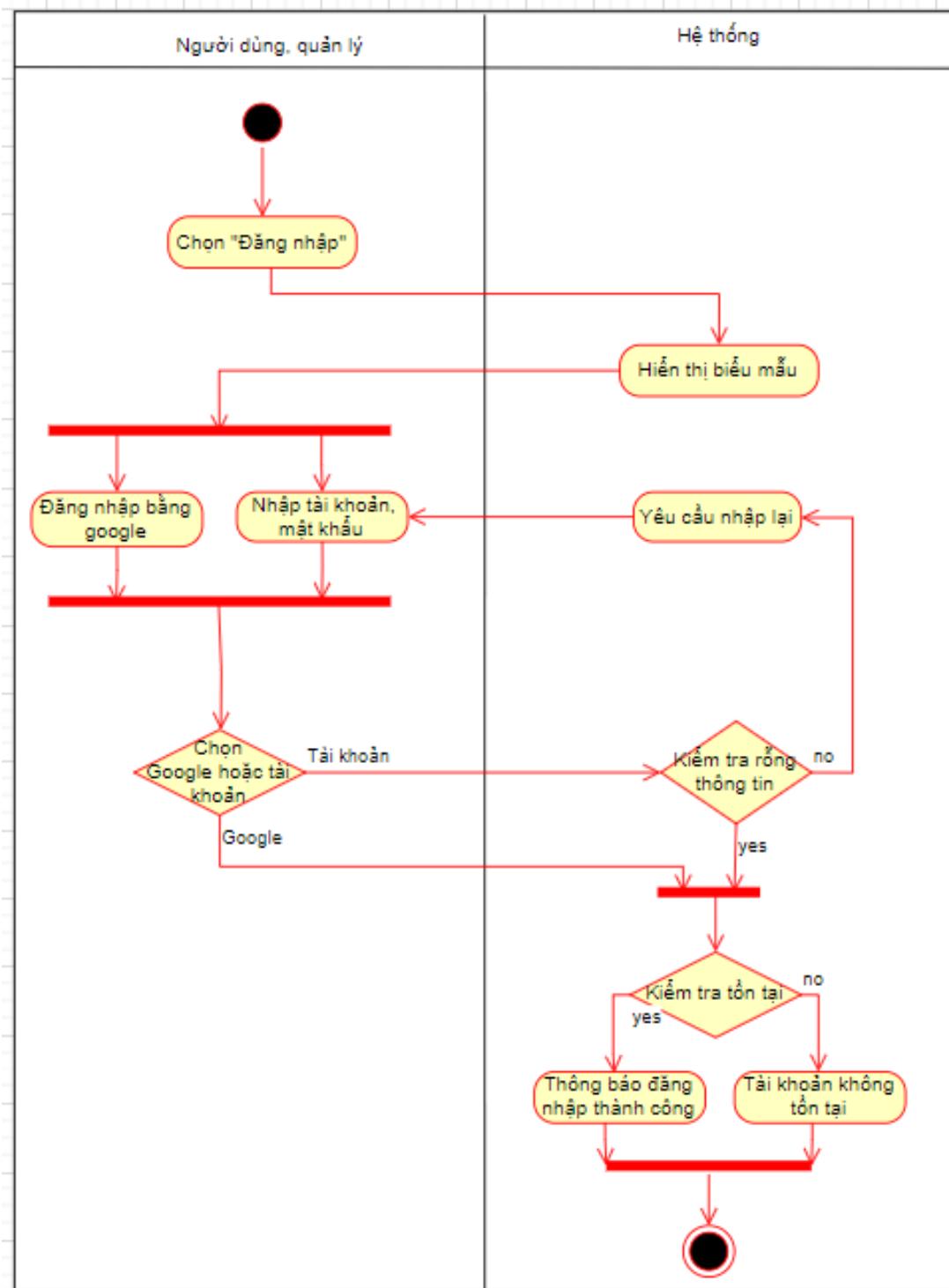
3.19. Chức năng quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian



Hình 23. Biểu đồ tuần tự chức quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian

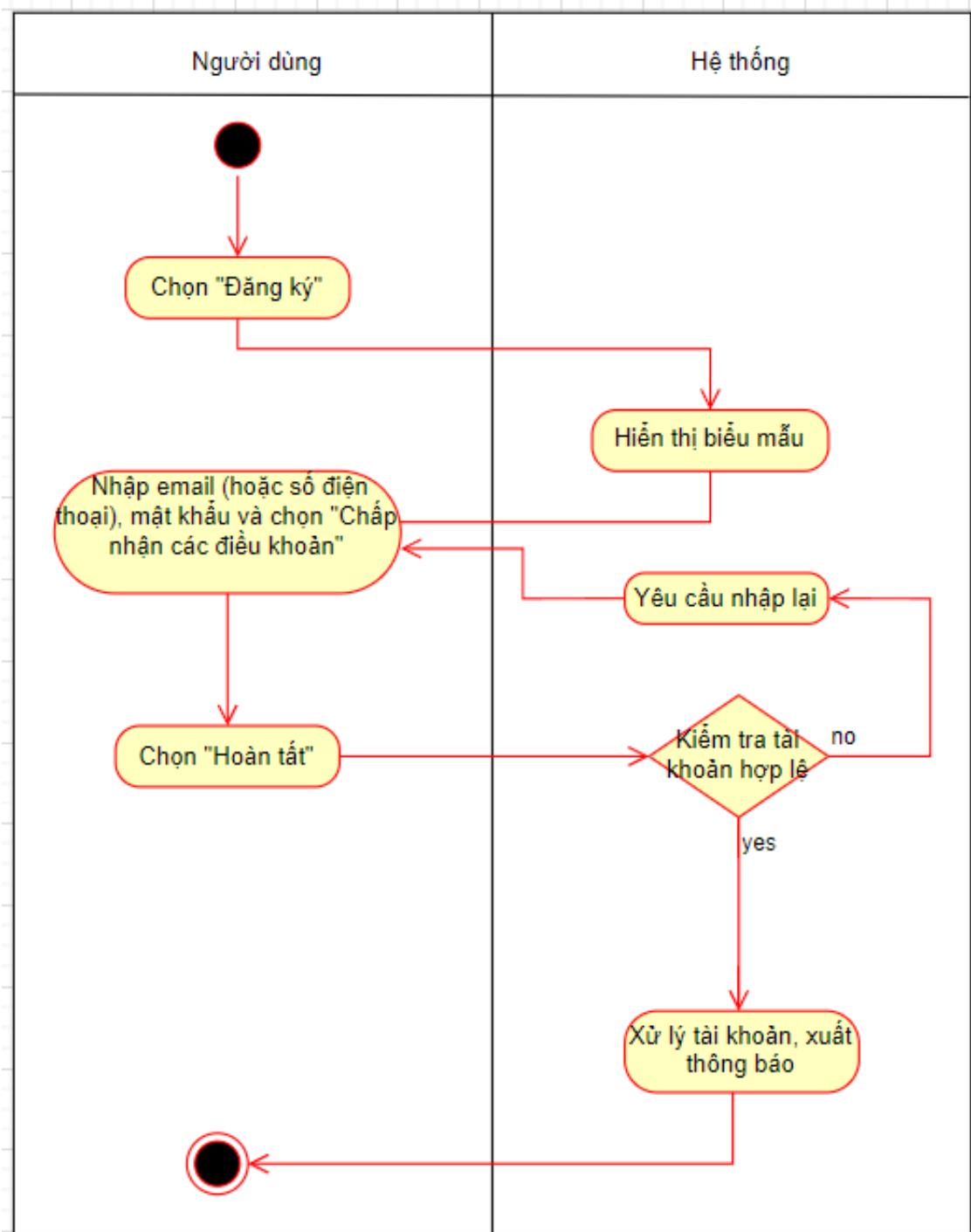
4. Biểu đồ hoạt động

4.1. Chức năng đăng nhập



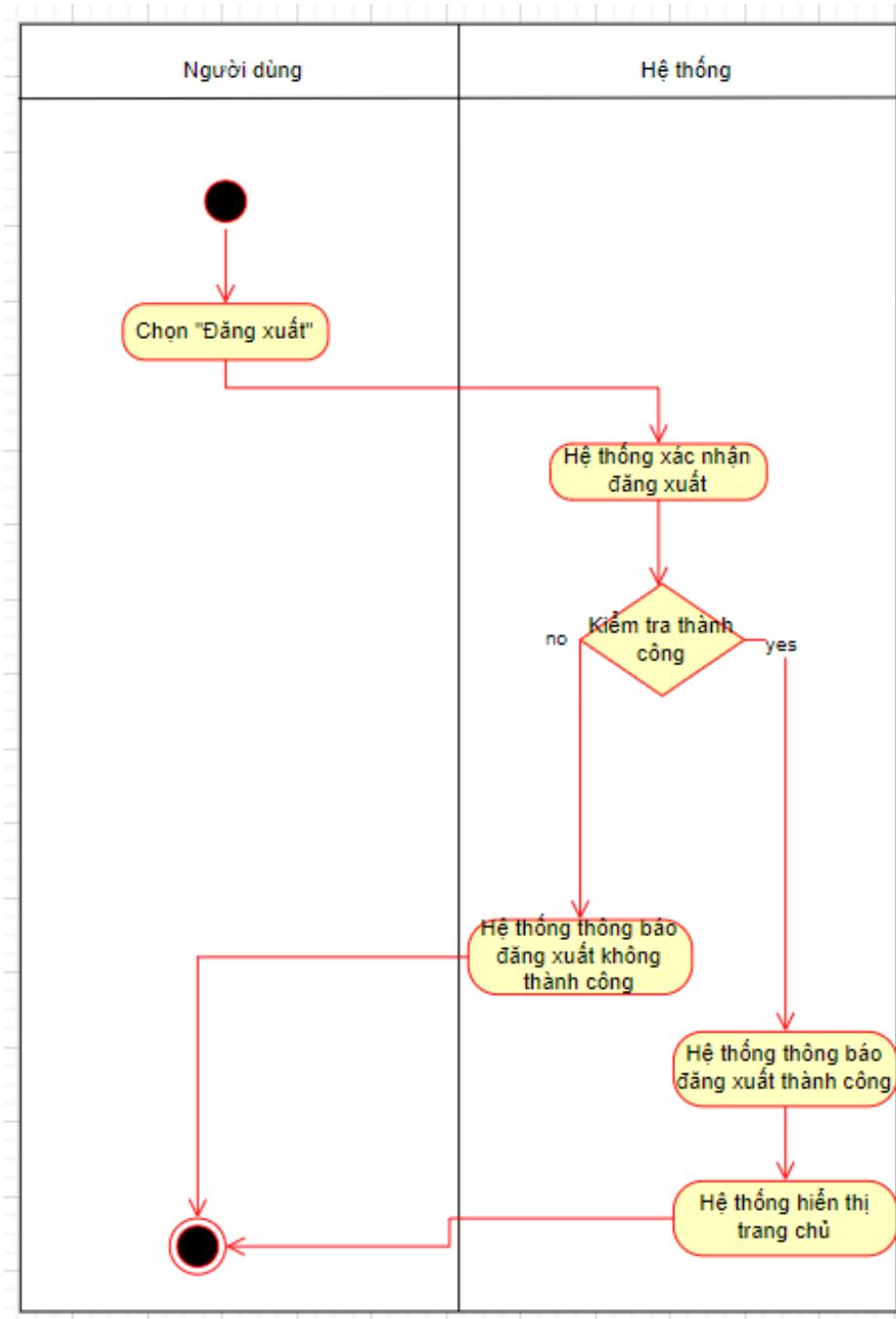
Hình 24. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng nhập

4.2. Chức năng đăng ký



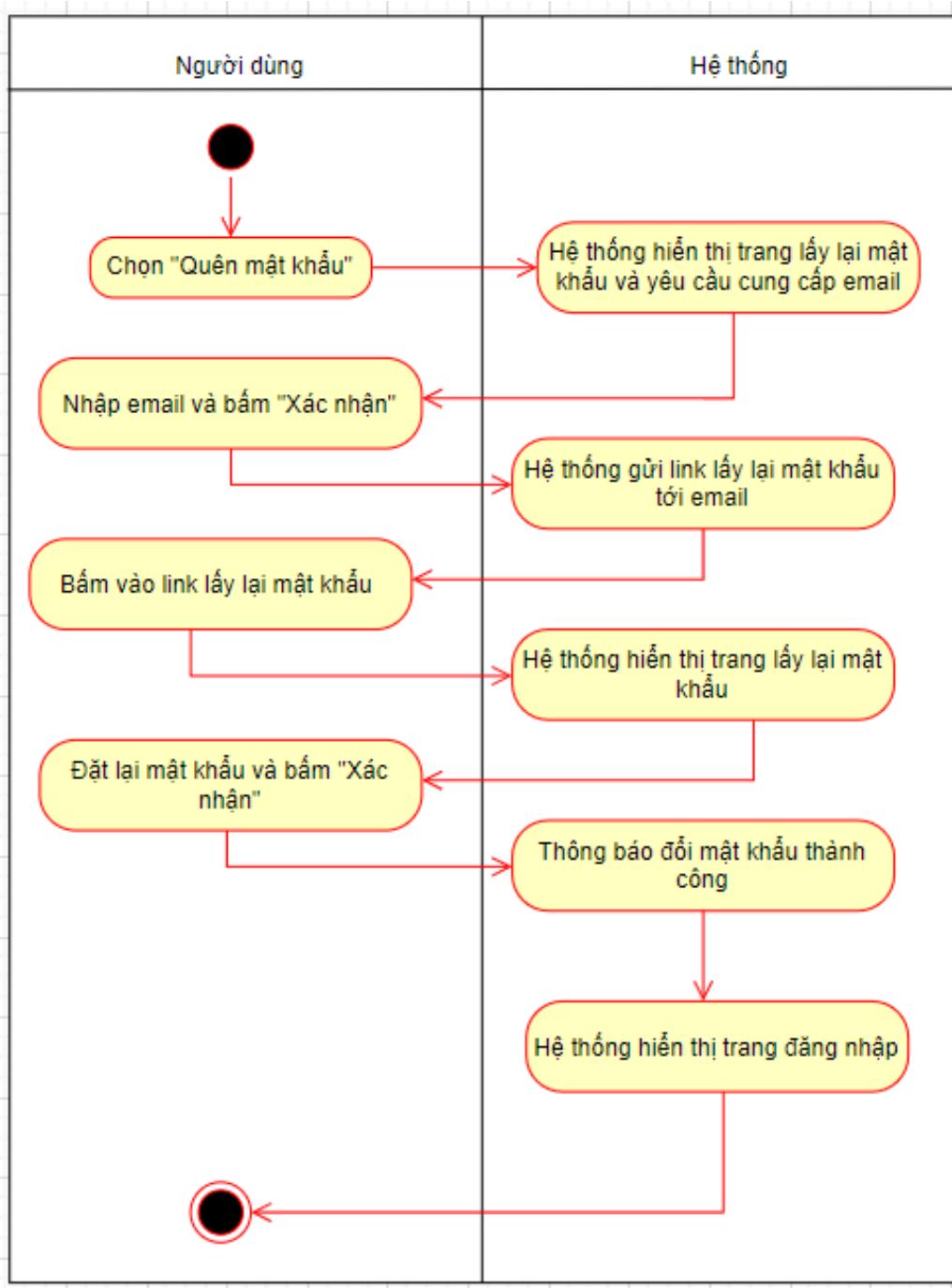
Hình 25. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng ký

4.3. Chức năng đăng xuất



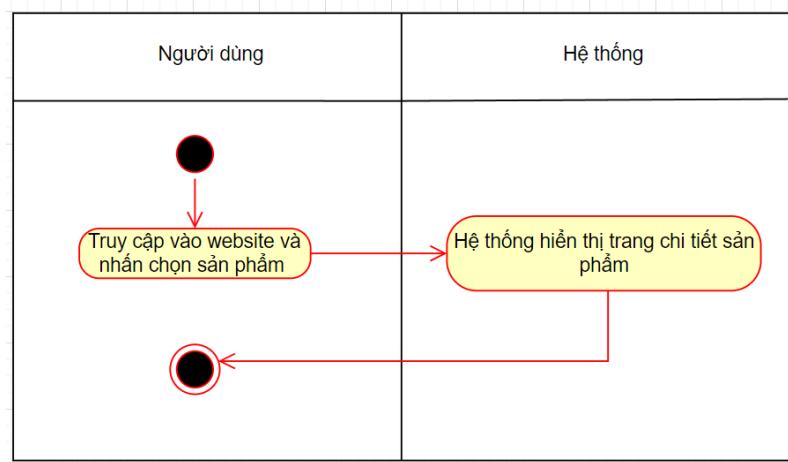
Hình 26. Biểu đồ hoạt động chức năng đăng xuất

4.4. Chức năng quên mật khẩu



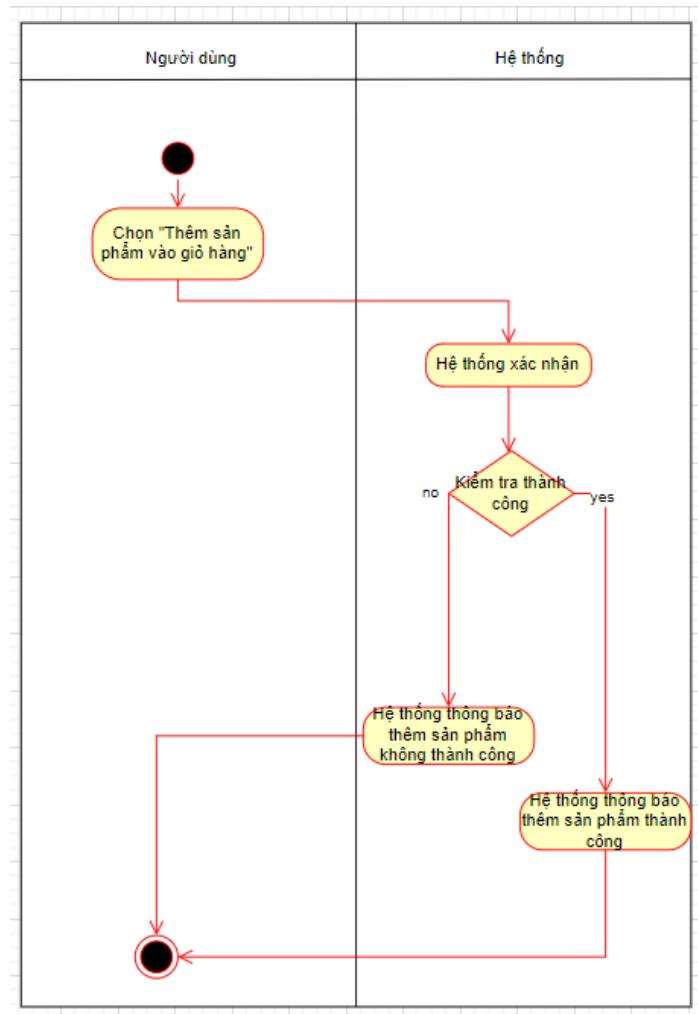
Hình 27. Biểu đồ hoạt động chức năng quên mật khẩu

4.5. Chức năng xem thông tin sản phẩm



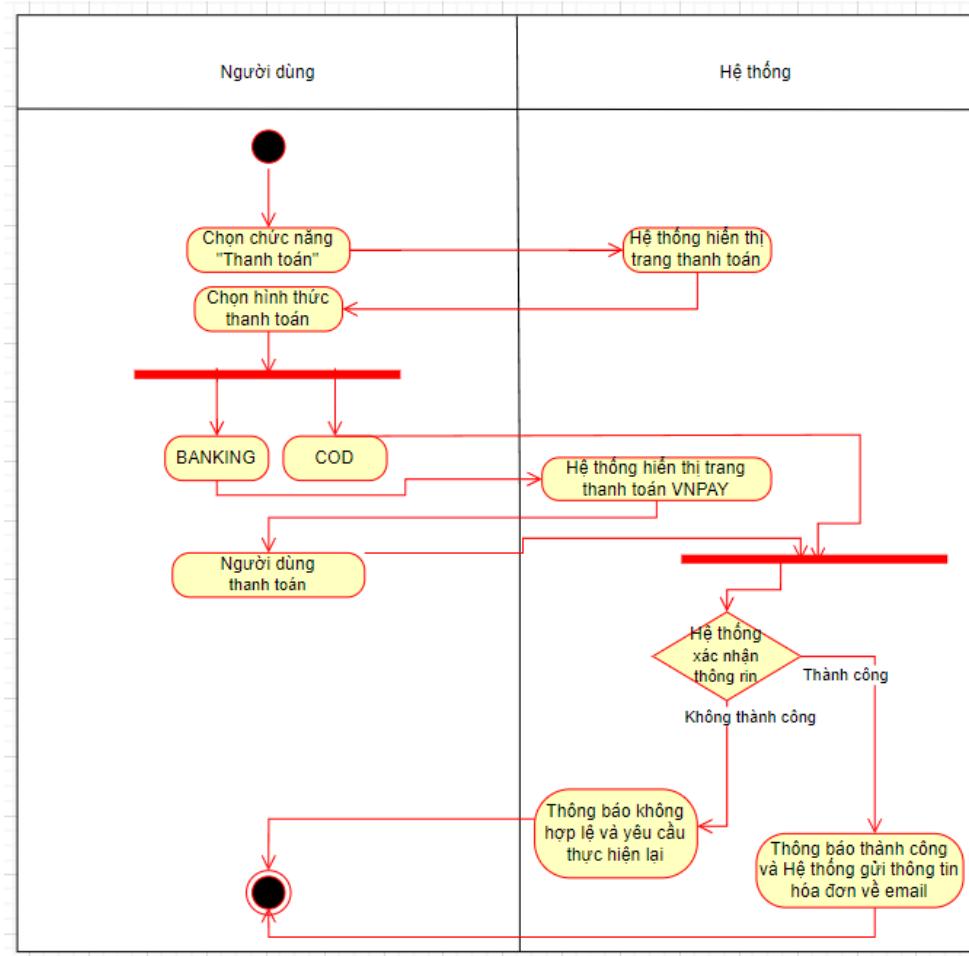
Hình 28. Biểu đồ hoạt động chức năng xem thông tin sản phẩm

4.6. Chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng



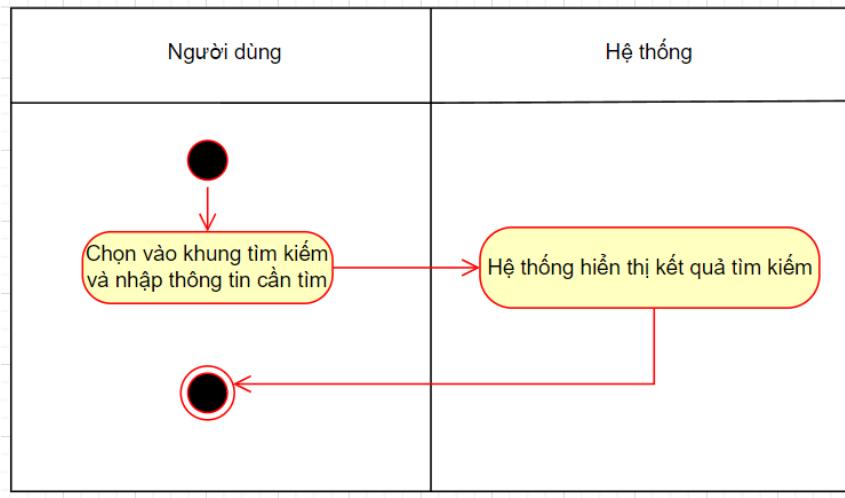
Hình 29. Biểu đồ hoạt động chức năng thêm sản phẩm vào giỏ hàng

4.7. Chức năng thanh toán



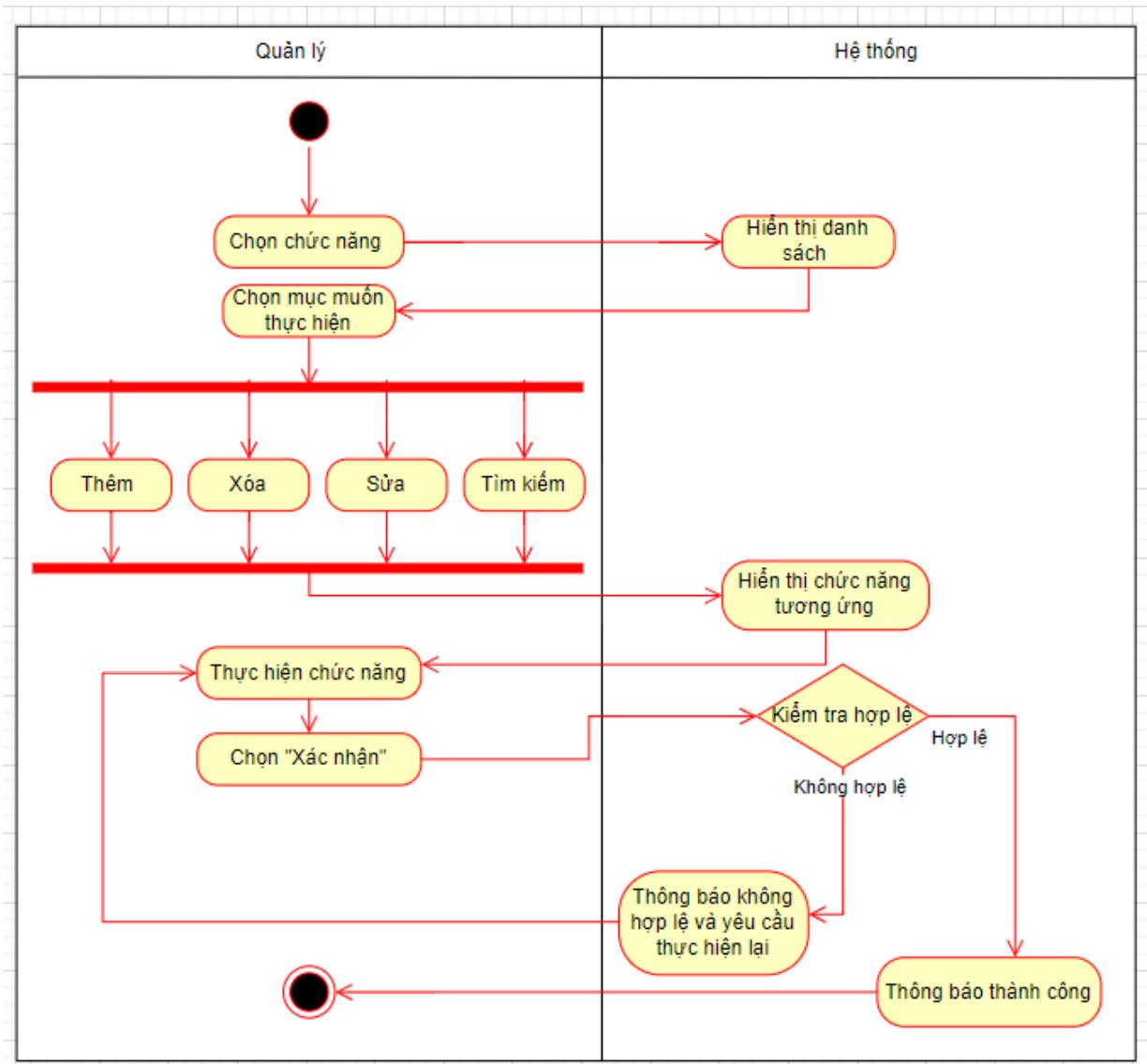
Hình 30. Biểu đồ hoạt động chức năng thanh toán

4.8. Chức năng tìm kiếm



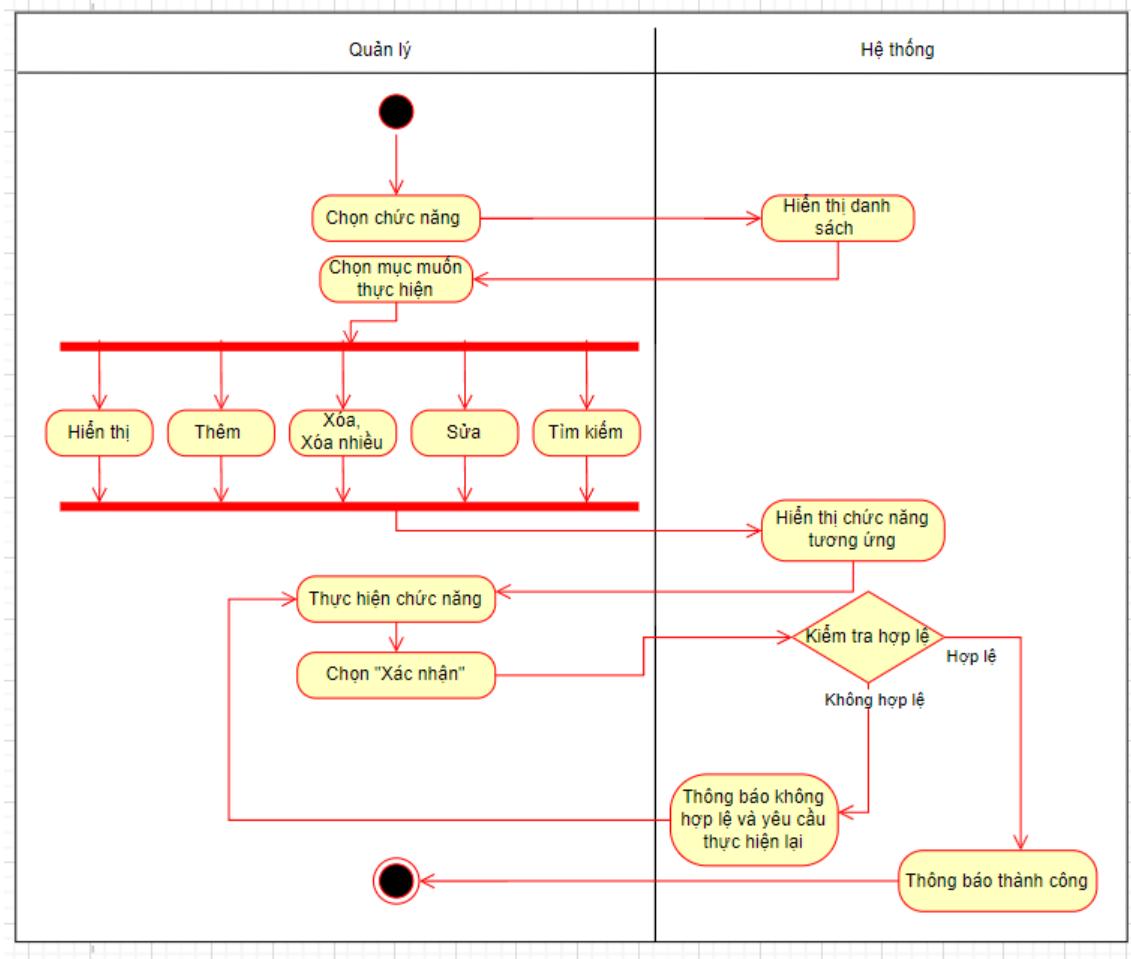
Hình 31. Biểu đồ hoạt động chức năng tìm kiếm

4.9. Chức năng quản lý sản phẩm



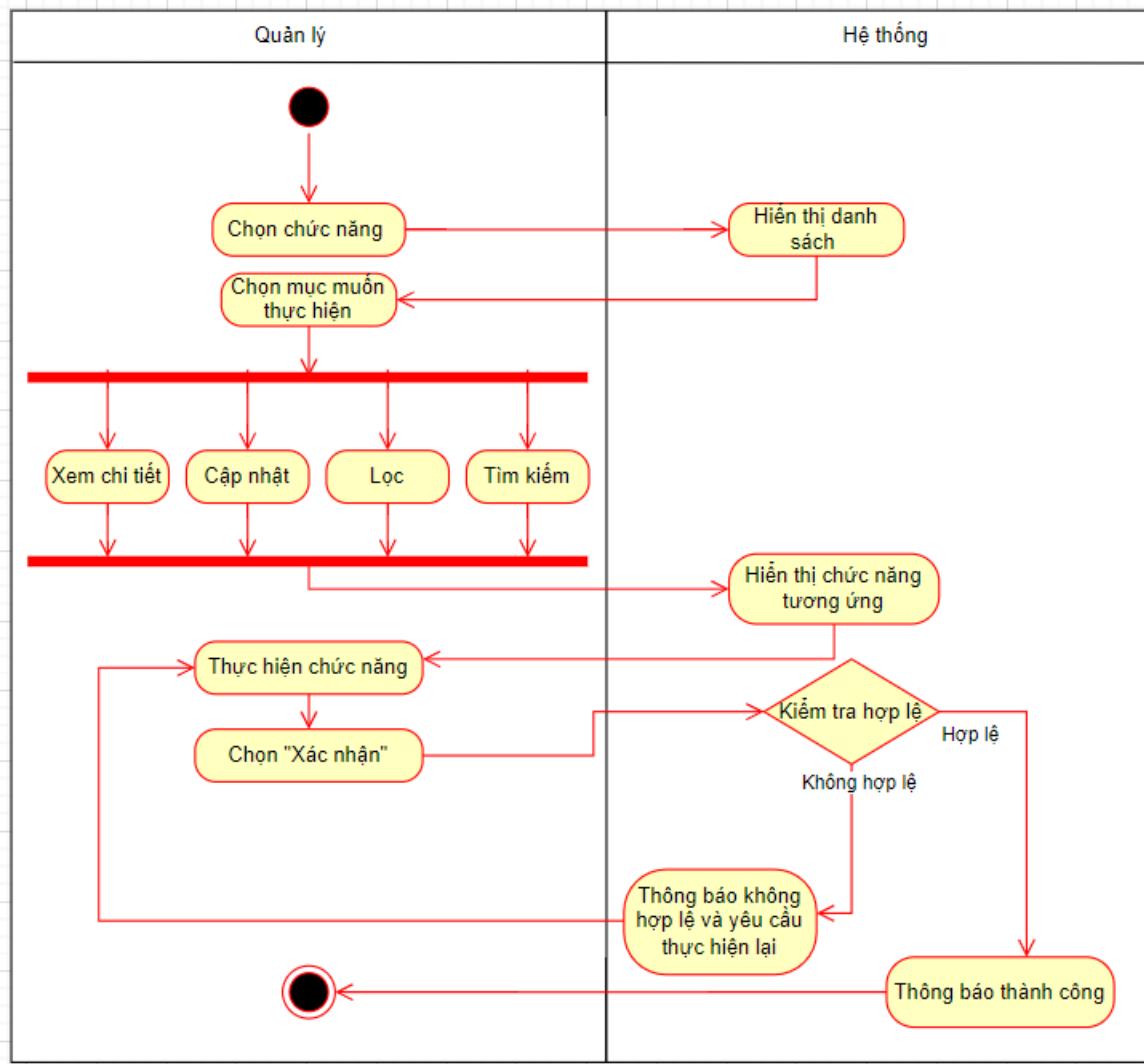
Hình 32. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý sản phẩm

4.10. Chức năng quản lý bài viết và tin tức



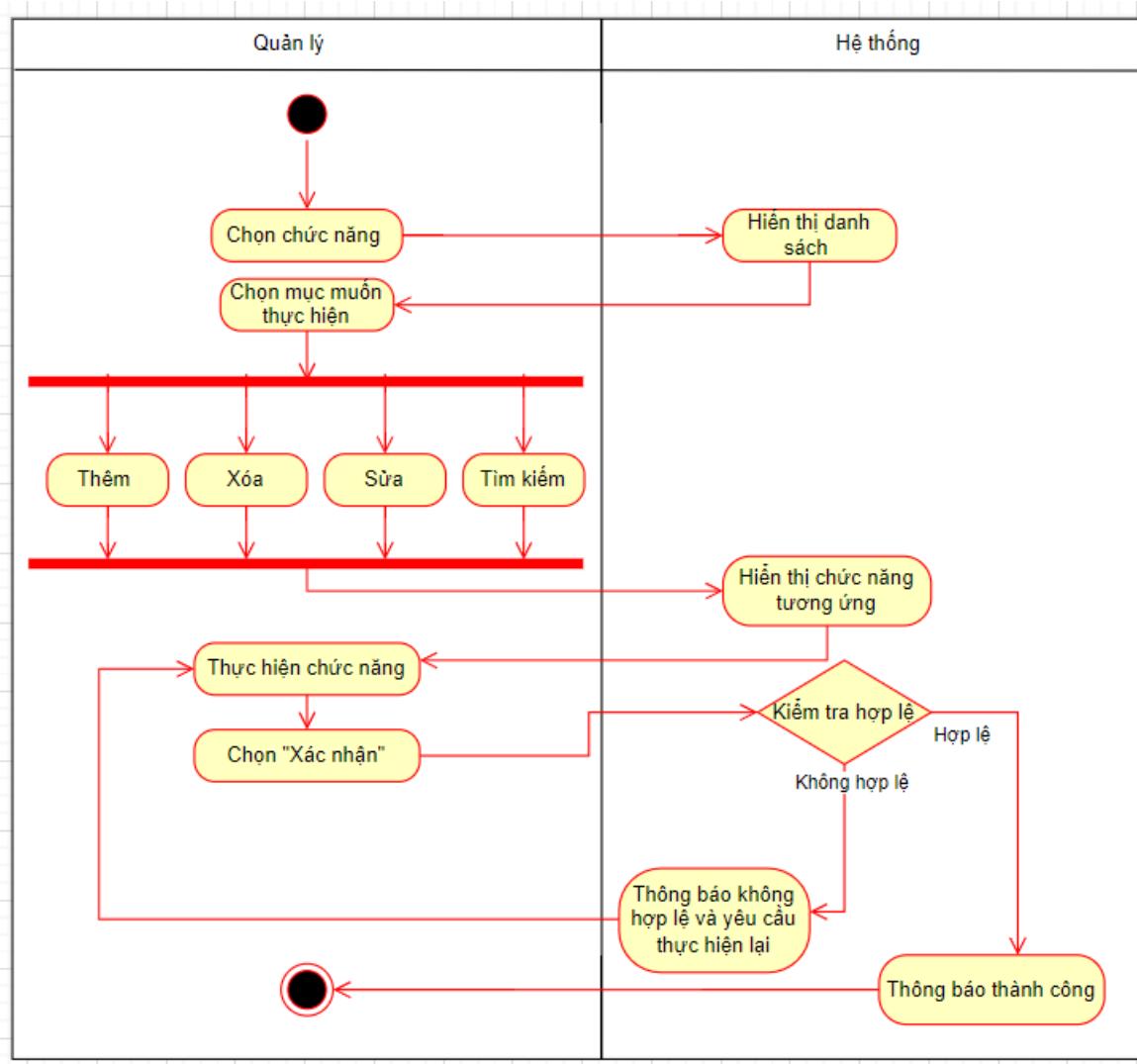
Hình 33. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý bài viết và tin tức

4.11. Chức năng quản lý đơn đặt hàng



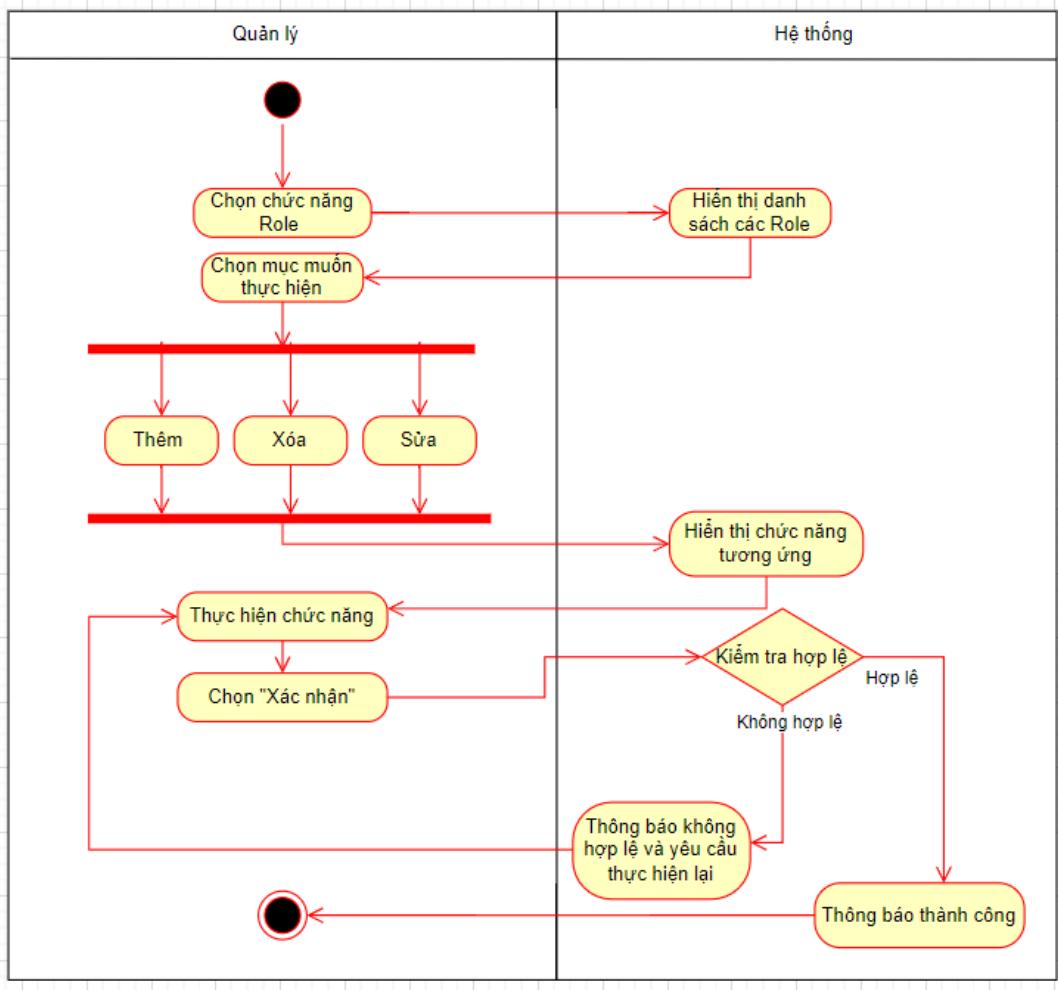
Hình 34. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý đơn đặt hàng

4.12. Chức năng danh mục



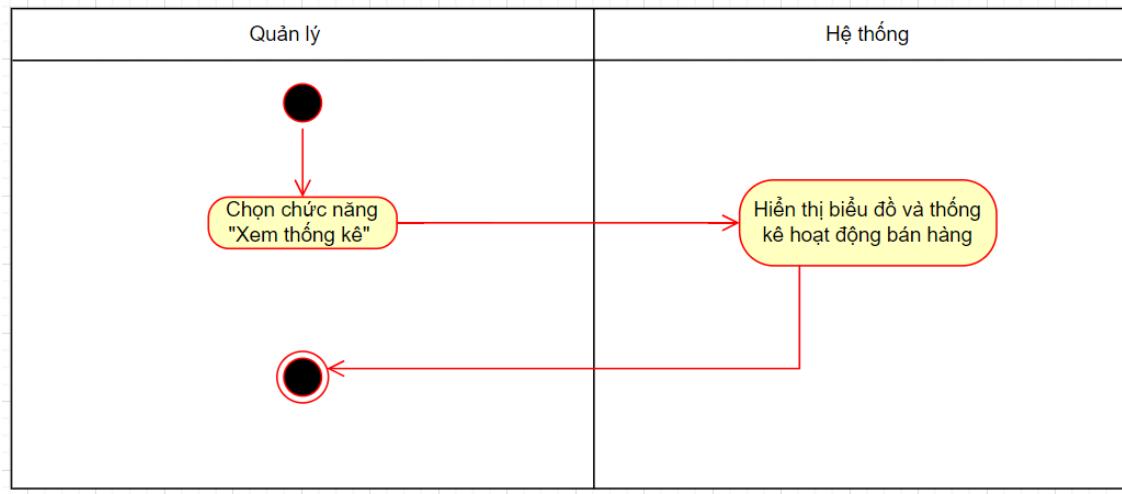
Hình 35. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý danh mục

4.13. Chức năng phân quyền



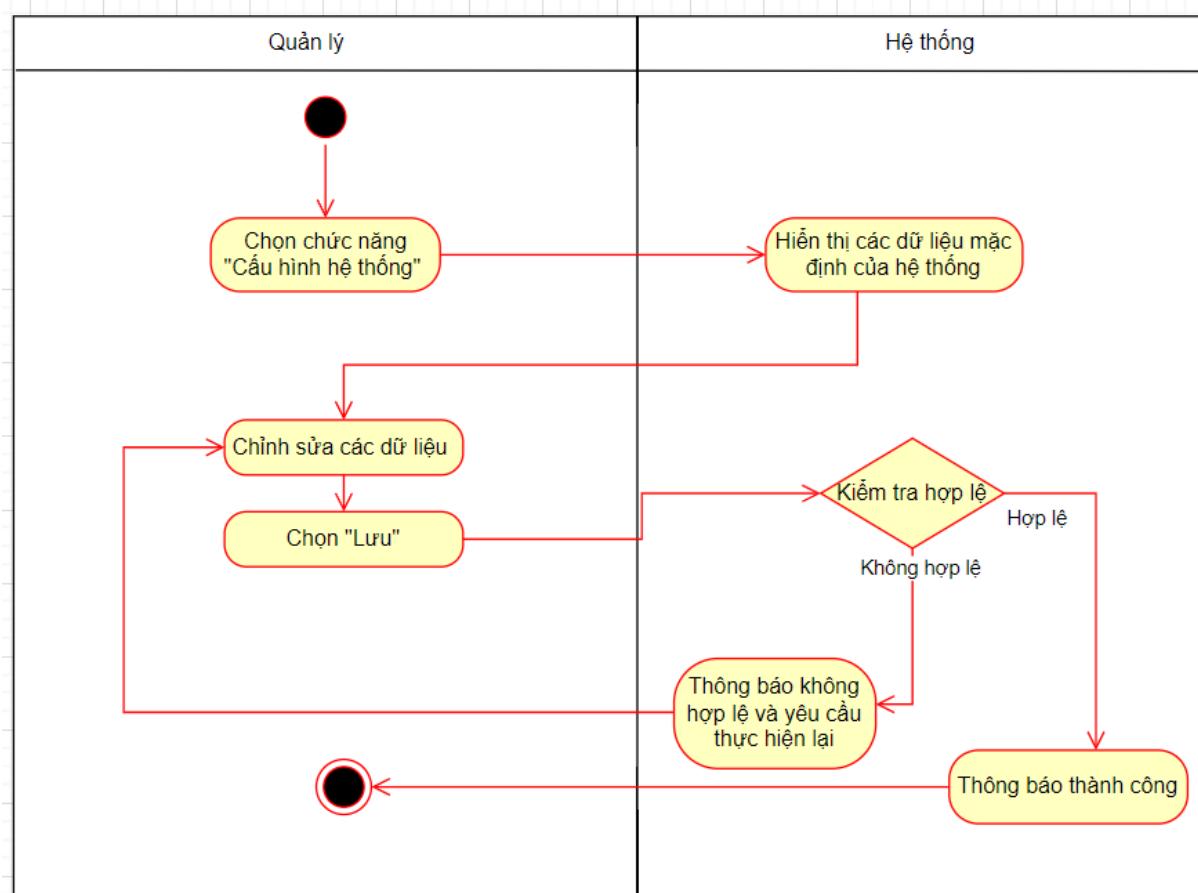
Hình 36. Biểu đồ hoạt động chức năng phân quyền

4.14. Chức năng xem thống kê



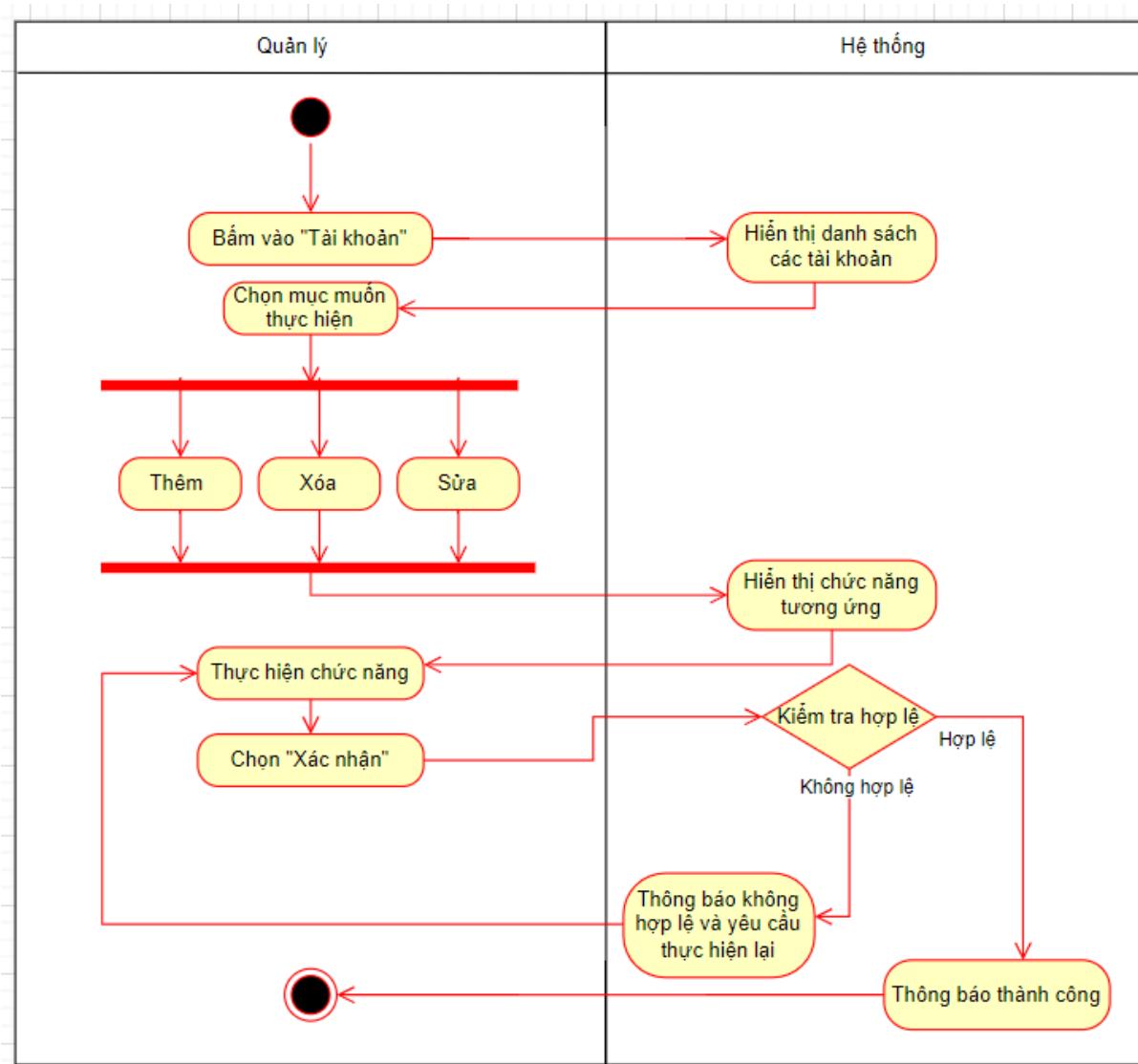
Hình 37. Biểu đồ hoạt động chức năng xem thống kê

4.15. Chức năng cấu hình hệ thống



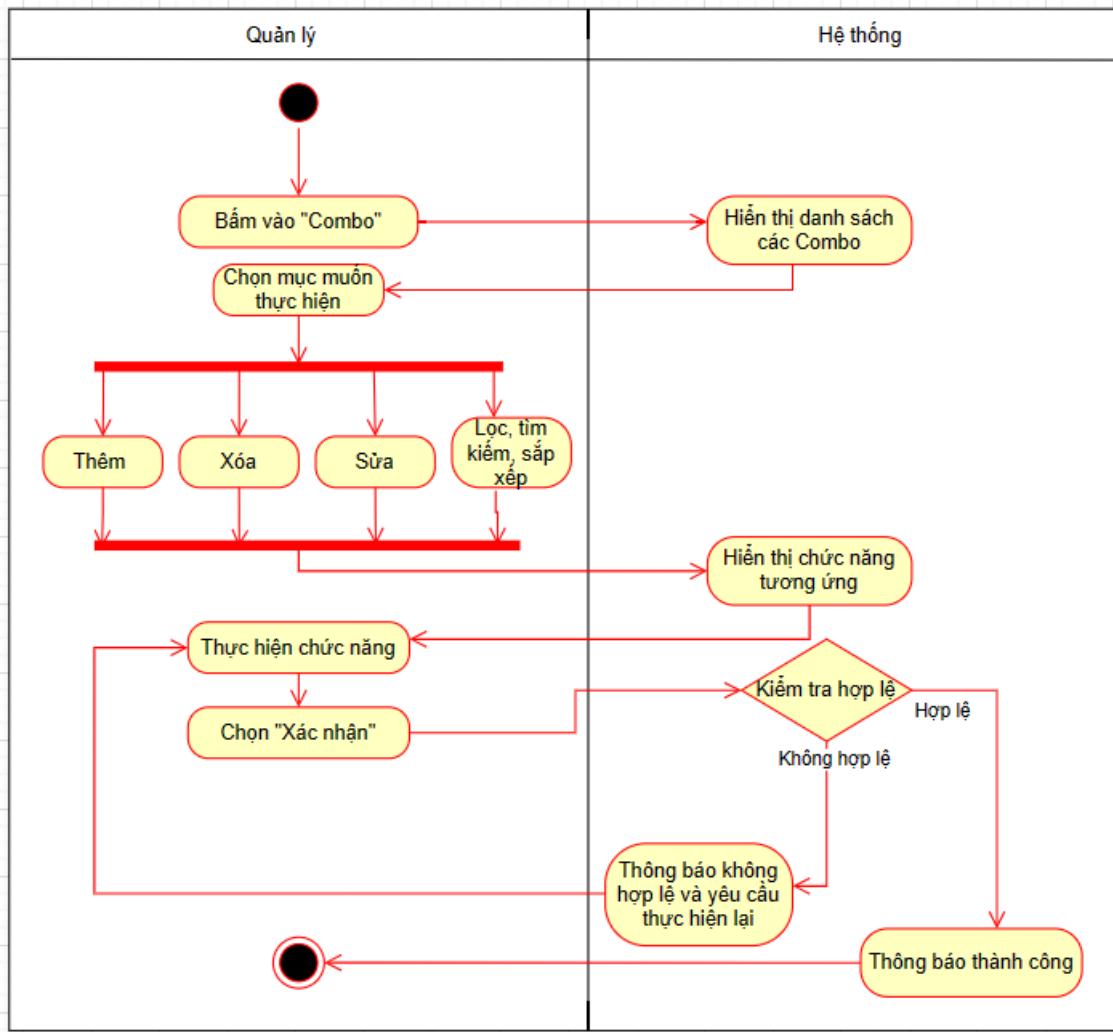
Hình 38. Biểu đồ hoạt động chức năng cấu hình hệ thống

4.16. Chức năng quản lý tài khoản



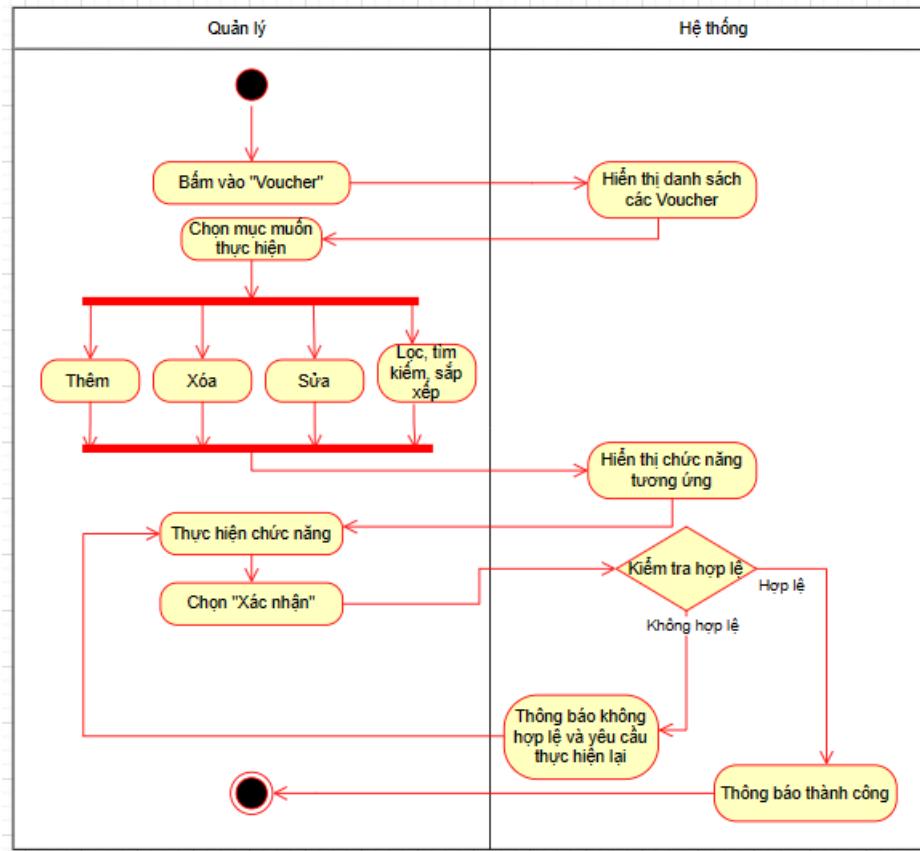
Hình 39. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý tài khoản

4.17. Chức năng quản lý Combo



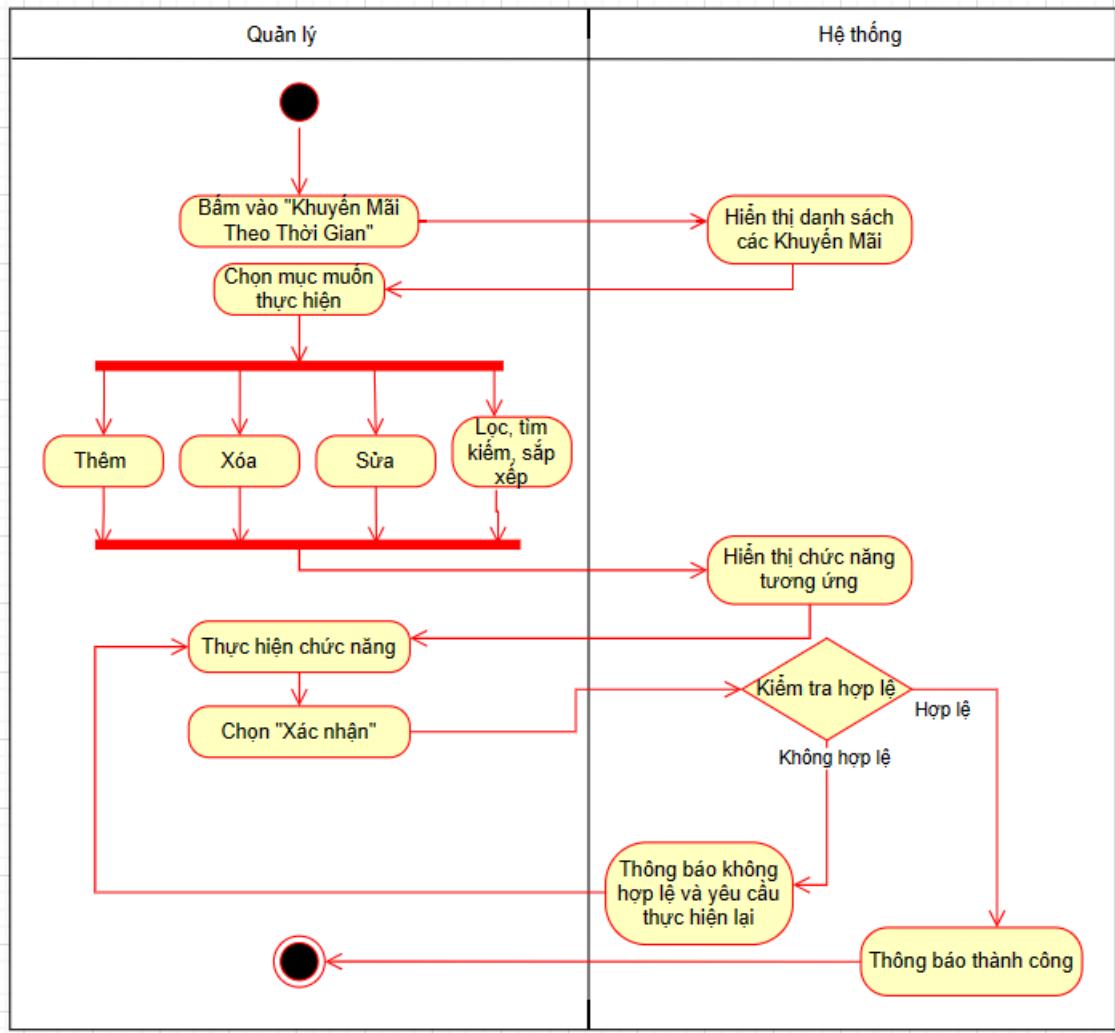
Hình 40. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý Combo

4.18. Chức năng quản lý Voucher



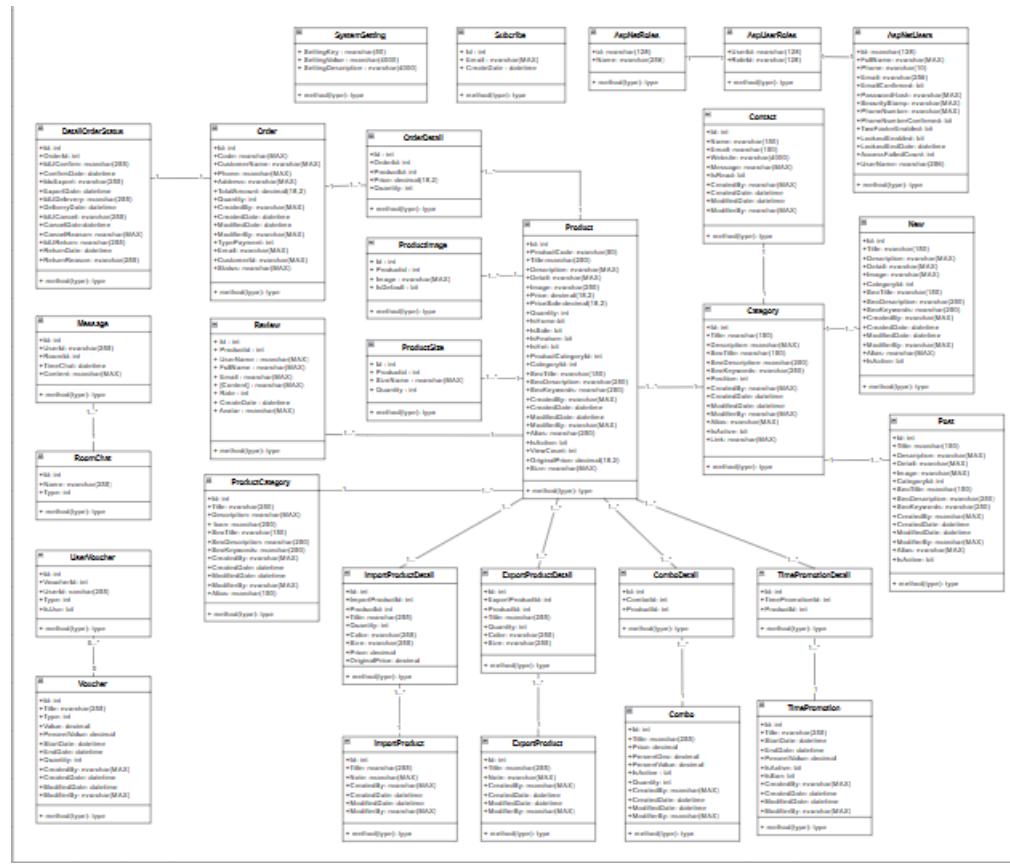
Hình 41. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý Voucher

4.19. Chức năng quản lý khuyến mãi theo thời gian



Hình 42. Biểu đồ hoạt động chức năng quản lý Khuyến Mãi Theo Thời Gian

5. Sơ Đồ Lớp



Hình 43. Sơ Đồ Lớp

6. Kiến Trúc Ứng Dụng

Website thời trang ABCStore được xây dựng dựa trên mô hình kiến trúc MVC (Model-View-Controller), một phương pháp tổ chức mã nguồn hiệu quả để tạo ra các ứng dụng linh hoạt và dễ bảo trì. Mô hình này giúp tách biệt logic kinh doanh, hiển thị và xử lý yêu cầu người dùng, tạo nên sự tổ chức rõ ràng và tái sử dụng mã nguồn một cách thuận tiện.

- Model (M):** Là thành phần chịu trách nhiệm về dữ liệu và logic kinh doanh. Trong ABCStore, Model là nơi quản lý và tương tác với cơ sở dữ liệu, lưu trữ thông tin về sản phẩm, đơn hàng, người dùng và các thành phần khác liên quan đến dữ liệu. Model đảm bảo tính nhất quán và độ tin cậy của dữ liệu.

- **View (V):** Là thành phần chịu trách nhiệm về giao diện người dùng. Trong ABCStore, View là phần hiển thị thông tin sản phẩm, giỏ hàng và các trang web khác. Nó không chứa logic kinh doanh, chỉ đơn giản là hiển thị thông tin được cung cấp từ Model và tương tác với người dùng.
- **Controller (C):** Là thành phần điều khiển và xử lý sự kiện từ người dùng. Trong ABCStore, Controller quản lý luồng điều hướng của ứng dụng và giữ vai trò trung tâm điều phối giữa Model và View. Nó xử lý yêu cầu từ người dùng, tương tác với Model để lấy hoặc cập nhật dữ liệu, sau đó chuyển kết quả đến View để hiển thị.

Kiến trúc MVC của ABCStore không chỉ tạo ra sự tổ chức rõ ràng mà còn giúp dễ dàng bảo trì và mở rộng ứng dụng. Sự tách biệt giữa các thành phần cho phép phát triển độc lập, giảm rủi ro gặp lỗi và thuận tiện cho việc thay đổi hoặc nâng cấp từng phần mà không ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống. Điều này làm cho ABCStore trở thành một dự án web linh hoạt và hiệu quả, phục vụ mục tiêu cung cấp trải nghiệm mua sắm trực tuyến mượt mà và thú vị cho người dùng.

7. Version Control

Website thời trang ABCStore của chúng tôi tích hợp hệ thống quản lý phiên bản Git từ GitHub, một nền tảng Version Control hàng đầu trong ngành công nghiệp phần mềm. Việc sử dụng Git giúp chúng tôi duy trì và quản lý mã nguồn của dự án một cách hiệu quả, mang lại nhiều ưu điểm quan trọng.

Hệ thống Version Control này cho phép chúng tôi:

- Theo dõi Lịch sử Thay Đổi: Giữ cho mọi thay đổi vào mã nguồn được ghi lại một cách chi tiết, từng dòng code, kèm theo thông tin về người thực hiện, thời gian, và mô tả rõ ràng.
- Quản lý Nhánh (Branching): Tạo và quản lý các nhánh riêng biệt để phát triển tính năng mới mà không làm ảnh hưởng đến phiên bản ổn định của trang web.

- Hỗ trợ Cộng Tác: Cho phép nhiều nhóm phát triển làm việc đồng thời trên cùng một dự án mà không gặp xung đột code.
- Khôi Phục Dữ Liệu: Cung cấp khả năng phục hồi lại phiên bản trước đó trong trường hợp cần thiết, giúp giảm rủi ro và thời gian khắc phục lỗi.
- Kết nối với GitHub: Sử dụng GitHub như một kho lưu trữ trực tuyến, giúp chúng tôi duy trì phiên bản trên đám mây và cung cấp một giao diện trực quan để theo dõi và quản lý dự án.

Tổng cộng, việc tích hợp Git và GitHub vào quy trình phát triển của chúng tôi giúp tăng cường sự linh hoạt, quản lý rủi ro, và tiện ích trong quá trình phát triển và duy trì trang web ABCStore.

Link theo dõi Version Control của Website Thời Trang ABC:

<https://github.com/Nguyen-Gia-Hau/ABC-STORE>

CHƯƠNG III: THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU

1. Các bảng CSDL

1.1. Bảng MigrationHistory

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
MigrationId	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>	
ContextKey	nvarchar(300)	<input type="checkbox"/>	
Model	varbinary(MAX)	<input type="checkbox"/>	
ProductVersion	nvarchar(32)	<input type="checkbox"/>	

Hình 44. Bảng MigrationHistory

1.2. Bảng AspNetRoles

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
Id	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>	
Name	nvarchar(256)	<input type="checkbox"/>	

Hình 45. Bảng AspNetRoles

1.3. Bảng AspNetUserClaims

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
Id	int	<input type="checkbox"/>	
UserId	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>	
ClaimType	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>	
ClaimValue	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>	

Hình 46. Bảng AspNetUserClaims

1.4. Bảng AspNetUserLogins

MSI\SQLEXPRESS.W....AspNetUserLogins			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	LoginProvider	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>
🔑	ProviderKey	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>
🔑	UserId	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>

Hình 47. Bảng AspNetUserLogins

1.5. Bảng AspNetUserRoles

MSI\SQLEXPRESS.W....AspNetUserRoles			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	UserId	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>
🔑	RoleId	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>

Hình 48. Bảng AspNetUserRoles

1.6. Bảng AspNetUser

MSI\SQLEXPRESS.W...- dbo.AspNetUsers			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
🔑	Id	nvarchar(128)	<input type="checkbox"/>
	FullName	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Phone	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Email	nvarchar(256)	<input checked="" type="checkbox"/>
	EmailConfirmed	bit	<input type="checkbox"/>
	PasswordHash	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SecurityStamp	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	PhoneNumber	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	PhoneNumberConfirmed	bit	<input type="checkbox"/>
	TwoFactorEnabled	bit	<input type="checkbox"/>
	LockoutEndDateUtc	datetime	<input checked="" type="checkbox"/>
	LockoutEnabled	bit	<input type="checkbox"/>
	AccessFailedCount	int	<input type="checkbox"/>
	UserName	nvarchar(256)	<input type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	IsLeader	bit	<input type="checkbox"/>

Hình 49. Bảng AspNetUser

1.7. Bảng ImportProducts

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Note	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 50. Bảng ImportProducts

1.8. Bảng tb_Adv

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>
	Description	nvarchar(500)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Image	nvarchar(500)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Link	nvarchar(500)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Type	int	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 51. Bảng tb_Adv

1.9. Bảng tb_Category

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
1	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>
	Alias	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Link	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Description	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoTitle	nvarchar(150)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoDescription	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoKeywords	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	Position	int	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 52. Bảng tb_Category

1.10. Bảng tb_Combo

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
1	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Price	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	PercentDec	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>

Hình 53. Bảng tb_Combo

1.11. Bảng tb_ComboDetail

MSI\SQLEXPRESS.W...o.tb_ComboDetail			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Comboid	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>

Hình 54. Bảng tb_ComboDetail

1.12. Bảng tb_Contact

MSI\SQLEXPRESS.We...- dbo.tb_Contact			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Name	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>
	Email	nvarchar(150)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Website	nvarchar(4000)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Message	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	IsRead	bit	<input type="checkbox"/>
	Categoryld	int	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 55. Bảng tb_Contact

1.13. Bảng tb_DetailOrderStatus

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	OrderId	int	<input type="checkbox"/>
	IdUConfirm	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CofirmDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	IdUExport	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	ExportDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	IdUDelivery	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	DeliveryDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	IdUCancel	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CancelDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	IdUReturn	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	ReturnDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	CancelReason	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	ReturnReason	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 56. Bảng tb_DetailOrderStatus

1.14. Bảng tb_ExportProduct

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Note	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 57. Bảng tb_ExportProduct

1.15. Bảng tb_ExportProductDetail

MSI\SQLEXPRESS.W...portProductDetail			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	ExportProductId	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	Color	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Size	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 58. Bảng tb_ExportProductDetail

1.16. Bảng tb_ImportProductDetail

MSI\SQLEXPRESS.W...portProductDetail			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	ImportProductId	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	OriginalPrice	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	Price	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	Color	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Size	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 59. Bảng tb_ImportProductDetail

1.17. Bảng tb_Message

MSI\SQLEXPRESS.We...- dbo.tb_Message			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	UserId	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	TimesChat	datetime	<input type="checkbox"/>
	[Content]	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	RoomId	int	<input type="checkbox"/>

Hình 60. Bảng tb_Message

1.18. Bảng tb_New

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
1	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>
	Alias	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Description	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Detail	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Image	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Categoryld	int	<input type="checkbox"/>
	SeoTitle	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoDescription	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoKeywords	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 61. Bảng tb_New

1.19. Bảng tb_Order

MSI\SQLEXPRESS.We...re - dbo.tb_Order			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Code	nvarchar(MAX)	<input type="checkbox"/>
	CustomerName	nvarchar(MAX)	<input type="checkbox"/>
	Phone	nvarchar(MAX)	<input type="checkbox"/>
	Address	nvarchar(MAX)	<input type="checkbox"/>
	Email	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	TotalAmount	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	TypePayment	int	<input type="checkbox"/>
	CustomerId	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Status	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	OrderStatus	int	<input type="checkbox"/>

Hình 62. Bảng tb_Order

1.20. Bảng tb_OrderDetail

MSI\SQLEXPRESS.W...bo.tb_OrderDetail			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	OrderId	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>
	Price	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	ProductSize	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	ProductColor	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 63. Bảng tb_OrderDetail

1.21. Bảng tb_Post

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>
	Alias	nvarchar(150)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Description	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Detail	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Image	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CategoryId	int	<input type="checkbox"/>
	SeoTitle	nvarchar(150)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoDescription	nvarchar(500)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoKeywords	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 64. Bảng tb_Post

1.22. Bảng tb_Product

MSI\SQLEXPRESS.We...- dbo.tb_Product			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	ProductCode	nvarchar(50)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(250)	<input type="checkbox"/>
	Alias	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Description	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Detail	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Image	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Size	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	OriginalPrice	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	Price	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	PriceSale	decimal(18, 2)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	ViewCount	int	<input type="checkbox"/>
	IsHome	bit	<input type="checkbox"/>
	IsSale	bit	<input type="checkbox"/>
	IsFeature	bit	<input type="checkbox"/>
	IsHot	bit	<input type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	CategoryId	int	<input type="checkbox"/>
	ProductCategoryId	int	<input type="checkbox"/>
	SeoTitle	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoDescription	nvarchar(500)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoKeywords	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 65. Bảng tb_Product

1.23. Bảng tb_ProductCategory

MSI\SQLEXPRESS.W..._ProductCategory			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(150)	<input type="checkbox"/>
	Alias	nvarchar(150)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Description	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Icon	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoTitle	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoDescription	nvarchar(500)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SeoKeywords	nvarchar(250)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 66. Bảng tb_ProductCategory

1.24. Bảng tb_ProductImage

MSI\SQLEXPRESS.W...o.tb_ProductImage			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>
	Image	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	IsDefault	bit	<input type="checkbox"/>

Hình 67. Bảng tb_ProductImage

1.25. Bảng tb_ProductSize

MSI\SQLEXPRESS.W...bo.tb_ProductSize			
	Column Name	Data Type	Allow Nulls
!	Id	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>
	SizeName	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	ColorName	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 68. Bảng tb_ProductSize

1.26. Bảng tb_Review

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>
	UserName	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	FullName	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Email	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	[Content]	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Rate	int	<input type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	Avatar	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 69. Bảng tb_Review

1.27. Bảng tb_RoomChat

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Name	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Type	int	<input type="checkbox"/>

Hình 70. Bảng tb_RoomChat

1.28. Bảng tb_Subcribe

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Email	nvarchar(MAX)	<input type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>

Hình 71. Bảng tb_Subcribe

1.29. Bảng tb_SystemSetting

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	SettingKey	nvarchar(50)	<input type="checkbox"/>
	SettingValue	nvarchar(4000)	<input checked="" type="checkbox"/>
	SettingDescription	nvarchar(4000)	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 72. Bảng tb_SystemSetting

1.30. Bảng tb_TimePromotion

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	StartDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	EndDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	IsActive	bit	<input type="checkbox"/>
	IsBan	bit	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	PercentValue	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>

Hình 73. Bảng tb_TimePromotion

1.31. Bảng tb_TimePromotionDetail

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	TimePromotionId	int	<input type="checkbox"/>
	ProductId	int	<input type="checkbox"/>

Hình 74. Bảng tb_TimePromotionDetail

1.32. Bảng tb_UserVoucher

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	VoucherId	int	<input type="checkbox"/>
	UserId	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Type	int	<input type="checkbox"/>

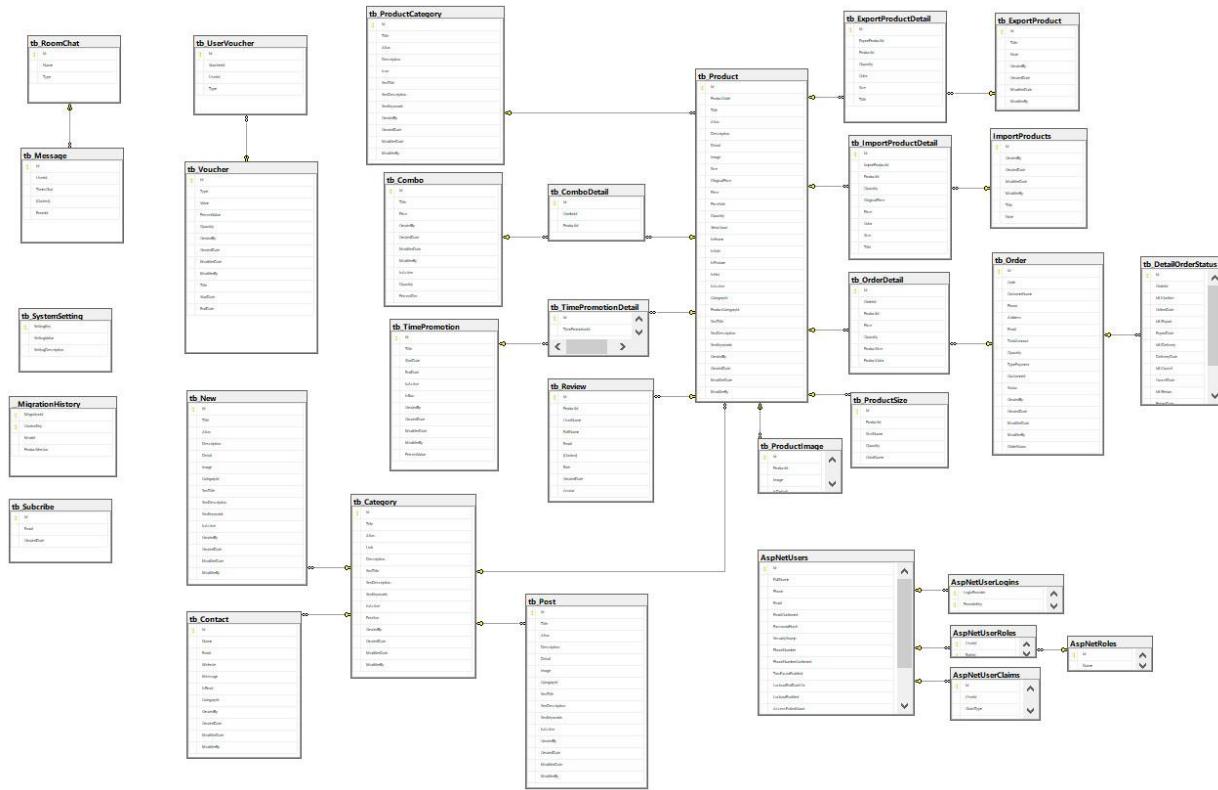
Hình 75. Bảng tb_UserVoucher

1.33. Bảng tb_Voucher

	Column Name	Data Type	Allow Nulls
↑	Id	int	<input type="checkbox"/>
	Type	int	<input type="checkbox"/>
	Value	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	PercentValue	decimal(18, 2)	<input type="checkbox"/>
	Quantity	int	<input type="checkbox"/>
	CreatedBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	CreatedDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	ModifierBy	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	Title	nvarchar(MAX)	<input checked="" type="checkbox"/>
	StartDate	datetime	<input type="checkbox"/>
	EndDate	datetime	<input type="checkbox"/>

Hình 76. Bảng tb_Voucher

2. Sơ đồ mối quan hệ

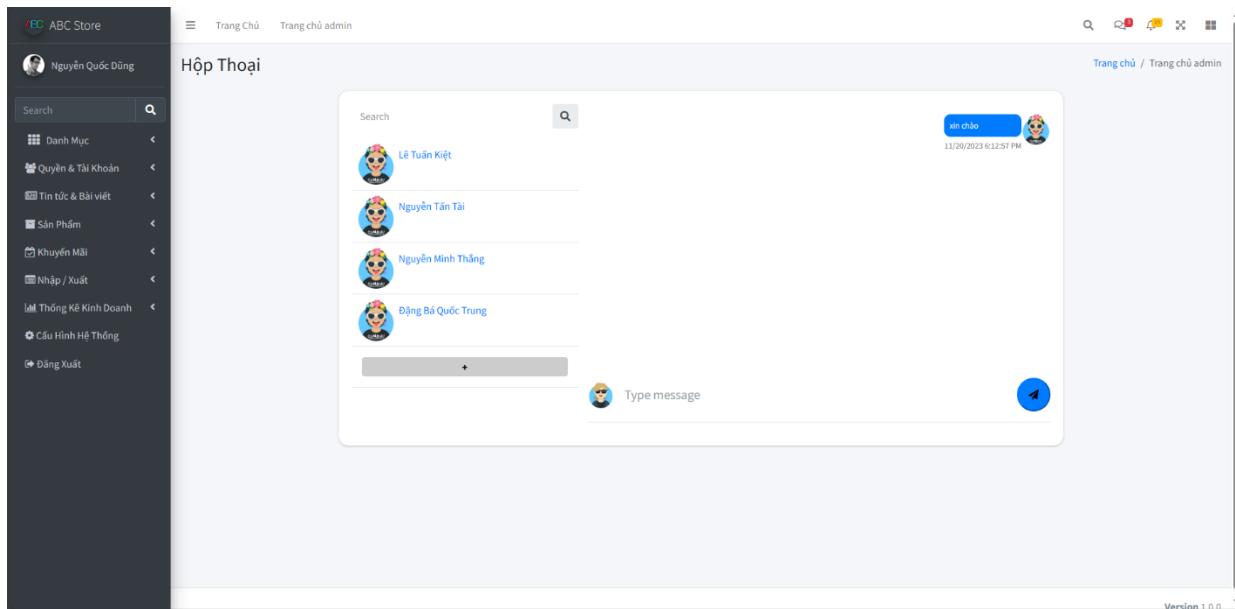


Hình 77. Sơ đồ mối quan hệ

CHƯƠNG IV: XÂY DỰNG WEBSITE CHO CỬA HÀNG THỜI TRANG ABC

1. Giao diện Admin

1.1. Trang chủ

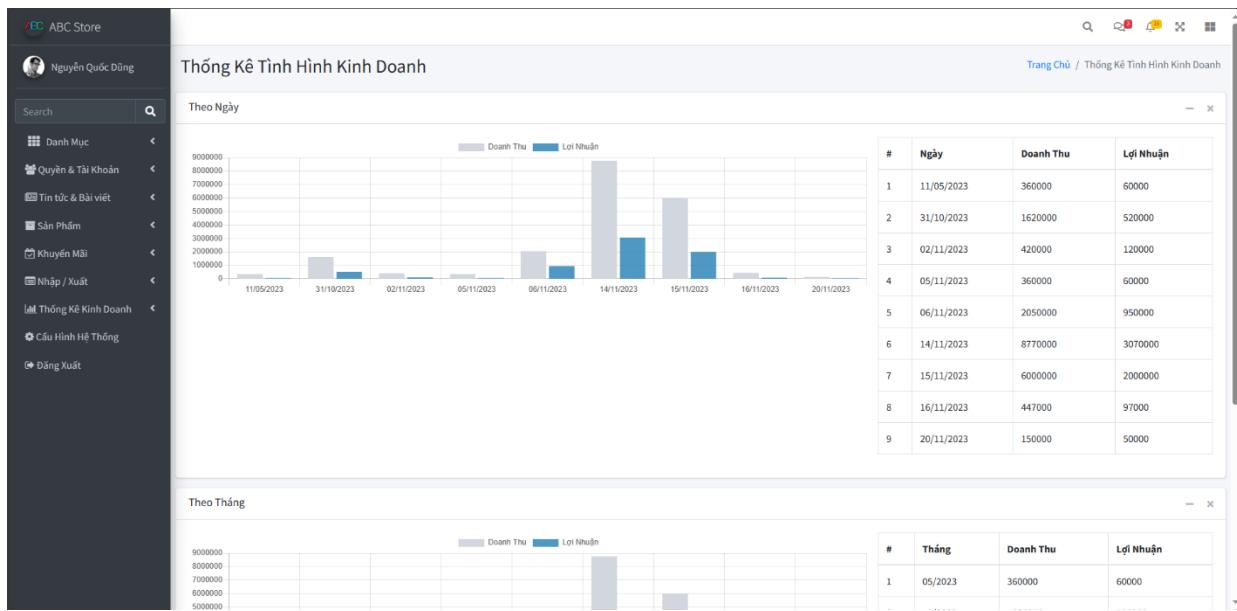


Hình 78. Giao diện Admin phần Trang chủ

Giải thích giao diện trang Admin phần Trang chủ:

- Giao diện trang Admin được thiết kế như trên hình với bố cục: Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần hiển thị chi tiết các trang cụ thể.
- Giao diện trang Admin phần Trang chủ được thiết kế dễ nhìn để người sử dụng dễ dàng thao tác trong khâu quản lý. Người dùng có thể ẩn hiện thanh cửa sổ với thanh điều hướng kê phần chữ Trang Chủ.

1.2. Thống kê tình hình kinh doanh

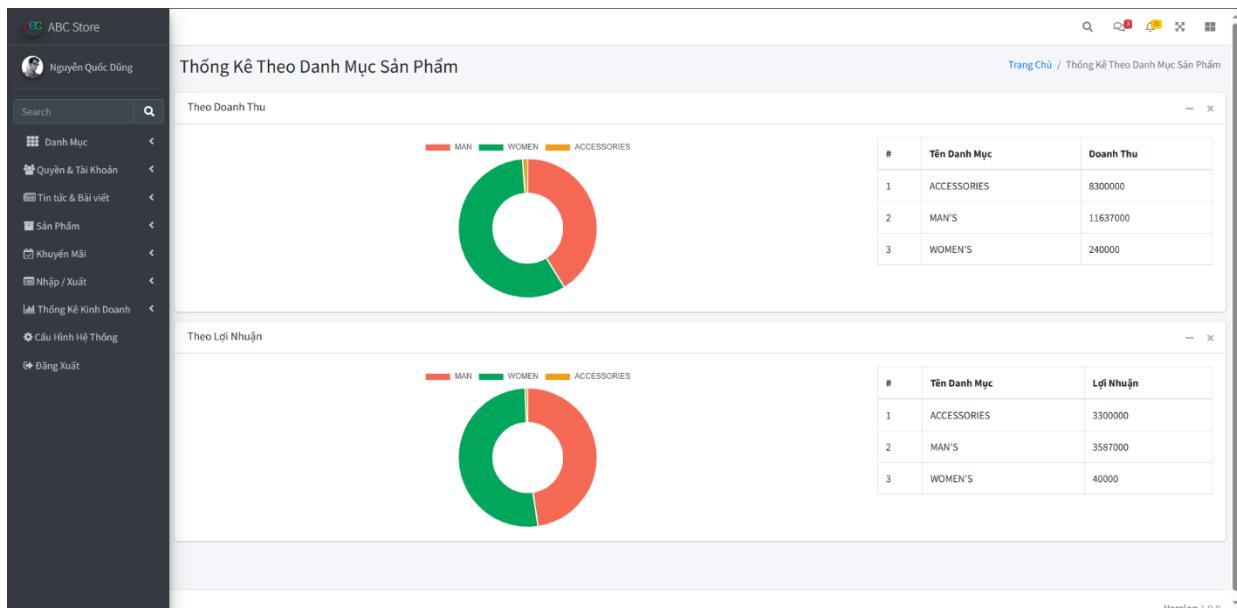


Hình 79. Giao diện Admin phần Thống kê tình hình kinh doanh

Giải thích giao diện Admin phần Thống kê tình hình kinh doanh:

- Giao diện Admin phần Thống kê tình hình kinh doanh được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là biểu đồ biểu hiện danh số bán.Thống kê được chia thành nhiều phần theo ngày, tháng và có những thông số về doanh thu kế bên biểu đồ.
- Giao diện trang Thống kê tình hình kinh doanh được thiết kế dễ nhìn để người quản lý dễ dàng quản lý được các thông số của trang Web mà mình quản lý.

1.3. Thống kê theo danh mục sản phẩm

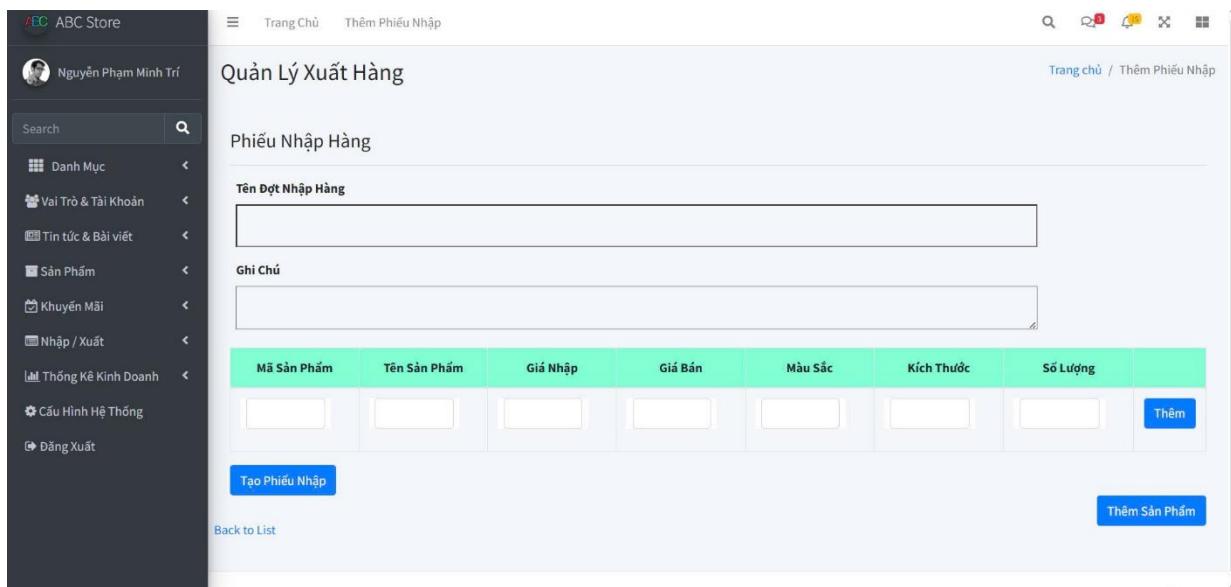


Hình 80. Giao diện Admin phần Thống kê theo danh mục sản phẩm

Giải thích giao diện trang Admin phần Thống kê theo danh mục sản phẩm:

- Giao diện Admin phần Thống kê theo danh mục sản phẩm được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là biểu đồ biểu hiện danh số bán. Tương tự như trang thống kê sẽ chia thành thống kê theo doanh thu và lợi nhuận để người quản lý cập nhật được tình hình buôn bán của shop.
- Cũng giống như trang Thống kê doanh thu, giao diện trang Thống kê tình hình kinh doanh được thiết kế dễ nhìn để người quản lý dễ dàng quản lý được các thông số của trang Web mà mình quản lý.

1.4. Quản lý xuất hàng



Hình 81. Giao diện Admin phần Quản lý xuất hàng

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý xuất hàng:

- Giao diện Admin phần Quản lý xuất hàng được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện thông tin lịch sử xuất hàng với các trường thông tin quan trọng như: Tên phiếu, Người tạo, Ngày tạo. Ngoài giao diện sơ bộ thì trang còn có các nút mang chức năng khác nhau.
- Nút Thêm Mới : Cho phép người tạo phiếu nhập các thông tin cần thiết để đầy thông tin lên hệ thống
- Nút Xóa nhiều : Mỗi dòng sẽ có 1 dấu tích để chọn, nút Xóa nhiều sẽ nhận theo cột được chọn để xóa.
- Nút xem chi tiết : Dẫn đến trang riêng để xem chi tiết thông tin phiếu.
- Nút chỉnh sửa : Dùng để chỉnh sửa thông tin khi có sai sót trong quá trình nhập phiếu.

1.5. Quản lý voucher

STT	Tên Voucher	Loại	Số Lượng	
1	FreeShip hoá đơn ngày nhà giáo Việt Nam 20-11	SHIP	100	Xem Sửa Xóa
2	Giảm giá 20% cho tổng hóa đơn	BILL	98	Xem Sửa Xóa
3	Giảm phí Ship 20k	SHIP	98	Xem Sửa Xóa

Hình 82. Giao diện Admin phần Quản lý voucher

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý voucher:

- Giao diện Admin phần Quản lý voucher được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện thông tin voucher. Mỗi voucher được gán loại riêng tùy theo hình thức giảm giá.
- Có các nút chức năng Xem, Sửa, Xóa tùy theo nhu cầu của người quản lý.

1.6. Quản lý tin tức

STT	Hình ảnh	Tiêu Đề	Ngày Tạo	Hiển Thị	Hành Động
1		Khuyến Mãi Khai Trương	20/11/2023	<input checked="" type="checkbox"/>	

Hình 83. Giao diện Admin phần Quản lý tin tức

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý tin tức:

- Giao diện Admin phần Quản lý tin tức được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện thông tin phần tin tức. Để dễ dàng cập nhật tin tức liên tục thì không thể thiếu phần thêm và xóa.

1.7. Quản lý tài khoản

STT	Họ Tên	Email	Số điện thoại	Bộ Phận	Hoạt động	Trưởng Bộ Phận
1	Nguyễn Phạm Minh Trí	npmminhtri.be@gmail.com	0393692134	Admin	✓	

Hình 84. Giao diện Admin phần Quản lý tài khoản

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý tài khoản:

- Giao diện Admin phần Quản lý tài khoản được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách tài khoản. Không những hiện thông tin cá nhân như họ tên, email, số điện thoại mà còn có phân loại theo bộ phận và chức vụ trong hệ thống. Mỗi bộ phận và chức vụ lại có những quyền hạn riêng đối với việc quản lý shop.
- Cũng như các phần trang trong Admin thì không thể thiếu các chức năng thêm, sửa, xóa.

1.8. Quản lý sản phẩm

The screenshot shows the 'Danh Sách Sản Phẩm' (Product List) page. On the left is a sidebar with navigation links like 'Danh Mục', 'Sản Phẩm', 'Khuyến Mãi', etc. The main area has a search bar and a table with the following data:

STT	Hình ảnh	Tên Sản Phẩm	Danh Mục	Size	Số Lượng	Giá Bán	Ngày Tạo	Home	Hot	Feature	Sale	Hiển thị	Actions
1		Quần Nam	ACCESSORIES	Size	20	420000.00	30/11/2024	X	X	X	X	✓	Edit Delete
2		Áo Khoác	ACCESSORIES	Size	29	350000.00	16/11/2024	✓	X	X	X	✓	Edit Delete

Hình 85. Giao diện Admin phần Quản lý sản phẩm

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý sản phẩm:

- Giao diện Admin phần Quản lý sản phẩm được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sản phẩm có trong shop được người quản lý thêm vào. Chứa các thông tin quan trọng như tên sản phẩm, danh mục sản phẩm, số lượng và giá.
- Không những có các chức năng thêm, sửa, xóa sản phẩm mà còn cho phép sản phẩm có được hiển thị tại trang chủ của shop hay không.

1.9. Quản lý phân quyền

STT	Tên Quyền	Action
1	Admin	[Edit] [Delete]
2	Customer	[Edit] [Delete]
3	Employee	[Edit] [Delete]
4	Shipper	[Edit] [Delete]
5	StoreKeeper	[Edit] [Delete]

Hình 86. Giao diện Admin phần Quản lý phân quyền

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý phân quyền:

- Giao diện Admin phần Quản lý phân quyền được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách quyền hiện có tại shop. Việc quản lý phân quyền rất quan trọng nếu khi ai cũng có thể thao tác thì sẽ bị rối loạn hệ thống.
- Người quản lý hệ thống có thể thêm, sửa, xóa quyền sao cho phù hợp để khi tạo hoặc sửa thông tin nhân viên thì phân quyền sẽ có một vài ràng buộc nhất định phù hợp với nghiệp vụ bán hàng.

1.10. Quản lý nhập hàng

The screenshot shows the ABC Store Admin dashboard. On the left is a sidebar with user information (Nguyễn Phạm Minh Trí) and navigation links: Danh Mục, Vai Trò & Tài Khoản, Tin tức & Bài viết, Sản Phẩm, Khuyến Mãi, Nhập/Xuất, Thống kê Kinh Doanh, Cấu Hình Hệ Thống, and Đăng Xuất. The main content area is titled 'QUẢN LÝ NHẬP HÀNG HÓA' and displays a table of incoming bills. The table has columns: STT, Tên Phiếu, Người Tạo, Ngày Tạo, and Hành Động. It contains two entries:

STT	Tên Phiếu	Người Tạo	Ngày Tạo	Hành Động
1	Quản	admin	30/11/2024	Xem Chi Tiết Chính Sửa
2	Nhập hàng 16/11/24 1:10 pm	admin	16/11/2024	Xem Chi Tiết Chính Sửa

Buttons for 'Thêm Mới' (Add New) and 'Xóa Nhiều' (Delete Multiple) are located at the top right of the table.

Hình 87. Giao diện Admin phần Quản lý nhập hàng

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý nhập hàng:

- Giao diện Admin phần Quản lý nhập hàng được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách phiếu nhập sản phẩm. Việc thêm và xóa phiếu nhập cũng sẽ ảnh hưởng đến số lượng sản phẩm tại phần trang quản lý sản phẩm.

1.11. Quản lý khuyến mãi theo thời gian

STT	Tiêu Đề	Ngày Tạo	Tình Trạng	Khóa	Xem	Sửa	Xóa
1	Khuyen mai test	17/11/2023	✗	✗	Xem	Sửa	Xóa
2	Chương trình khuyến mãi 20/11/2023	16/11/2023	✓	✗	Xem	Sửa	Xóa

Hình 88. Giao diện Admin phần Quản lý khuyến mãi theo thời gian

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý khuyến mãi theo thời gian:

- Giao diện Admin phần Quản lý khuyến mãi theo thời gian được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách với khuôn mẫu tương tự trang quản lý voucher chỉ khác vài trường thông tin.

1.12. Quản lý đơn đặt hàng

	STT	Mã Đơn Hàng	Tổng Tiền	Phương thức TT	Trạng Thái TT	Ngày Tạo	Tình trạng	
<input type="checkbox"/>	1	DH8072682030	150,000đ	COD	Đã Thanh Toán	20/11/2023	Đã Giao	
<input type="checkbox"/>	2	DH1414226252	150,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	20/11/2023	Đã Hủy	
<input type="checkbox"/>	3	DH6831115261	447,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	16/11/2023	Chờ Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	4	DH3713464322	1,500,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Đã Hủy	
<input type="checkbox"/>	5	DH7732480635	1,500,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Đã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	6	DH8438878613	1,525,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Đã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	7	DH1113574322	1,525,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Đã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	8	DH7455810303	1,525,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Đã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	9	DH3007357337	360,000đ	BANKING	Đã Thanh Toán	14/11/2023	Đã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	10	DH1762401370	1,525,000đ	BANKING	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	

1 2 3 >

Hình 89. Giao diện Admin phần Quản lý đơn đặt hàng

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý đơn đặt hàng:

- Giao diện Admin phần Quản lý đơn đặt hàng được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện lịch sử giao dịch trên hệ thống. Trang sẽ ghi nhận toàn bộ đơn hàng cũng như tình trạng hiện tại như phương thức thanh toán, trạng thái thanh toán và tình trạng. Để dễ dàng truy xuất thông tin thì trang có bộ lọc riêng theo từng loại thông tin.

1.13. Quản lý danh mục sản phẩm

STT	Tiêu Đề	Ngày Tạo	Hành động
1	ACCESSORIES	01/10/2023	
2	MAN'S	01/10/2023	
3	WOMEN'S	01/10/2023	

Hình 90. Giao diện Admin phần Quản lý danh mục sản phẩm

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý danh mục sản phẩm:

- Giao diện Admin phần Quản lý danh mục sản phẩm được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách danh mục sản phẩm. Mục đích trang này được tạo ra là để chứa các thông tin mục sản phẩm để dễ dàng phân loại quản lý sản phẩm trong khâu nhập hàng, lưu trữ sản phẩm cũng như đẩy sản phẩm lên hệ thống để buôn bán.

1.14. Quản lý danh mục

STT	Tên Danh Mục	Thứ tự	
1	TRANG CHỦ	1	
2	GIỚI THIỆU	2	
3	SẢN PHẨM	3	
4	TIN TỨC	4	
5	KHUYẾN MÃI	5	
6	LIÊN HỆ	6	

Hình 91. Giao diện Admin phần Quản lý danh mục

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý danh mục:

- Giao diện Admin phần Quản lý danh mục được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách danh mục. Những mục này sẽ hiện ở phần trang chủ như những đường dẫn đến các trang theo chủ đề mà danh mục mang lại.

1.15. Quản lý combo

STT	Tên Combo	Người Tạo	Ngày Tạo	Hoạt Động	
1	Combo2	admin	15/11/2023	✓	Xem Chỉnh Sửa Xóa
2	Combo1	admin	15/11/2023	✗	Xem Chỉnh Sửa Xóa

Hình 92. Giao diện Admin phần Quản lý combo

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý combo:

- Giao diện Admin phần Quản lý combo được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách combo. Chức năng mà trang này mang lại đúng như cái tên sẽ gom 1 số sản phẩm thành nhóm và có mức giá nhất định theo từng combo.

1.16. Quản lý bài viết

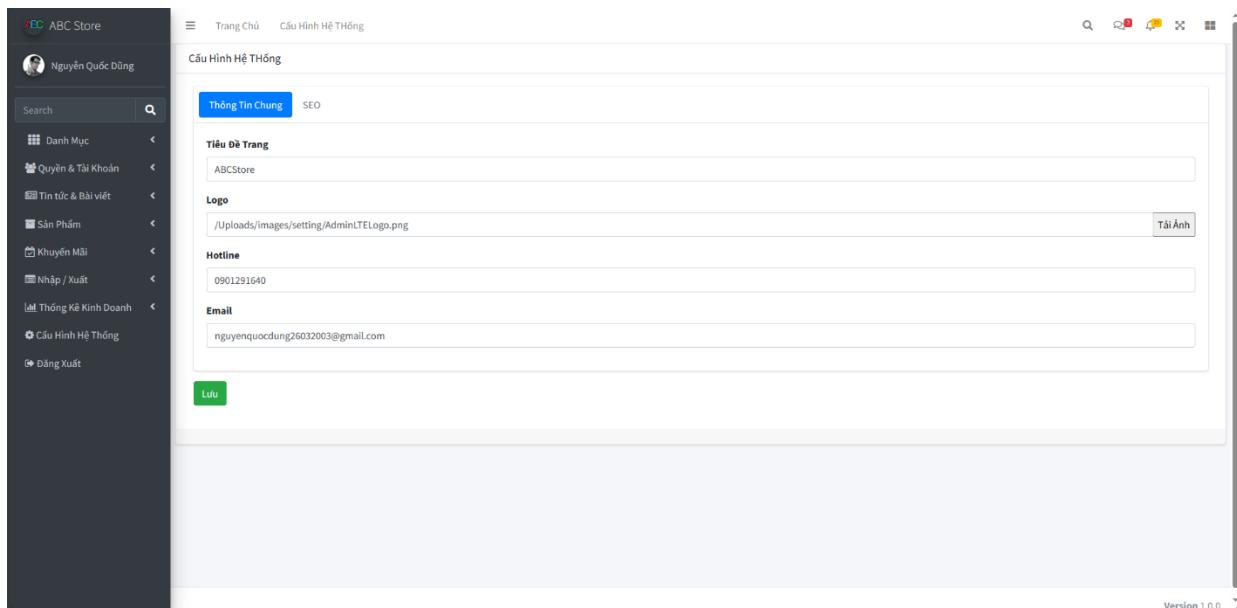
STT	Hình ảnh	Tiêu Đề	Ngày Tạo	Hiển Thị
1		Quản lý khai trương	01/12/2024	<input checked="" type="checkbox"/>

Hình 93. Giao diện Admin phần Quản lý bài viết

Giải thích giao diện trang Admin phần Quản lý bài viết:

- Giao diện Admin phần Quản lý bài viết được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện danh sách bài viết sẽ đăng tải trên hệ thống. Cũng như trang tin tức người quản lý có thể chỉnh sửa và xem chi tiết phần mô tả của bài viết.

1.17. Cấu hình website



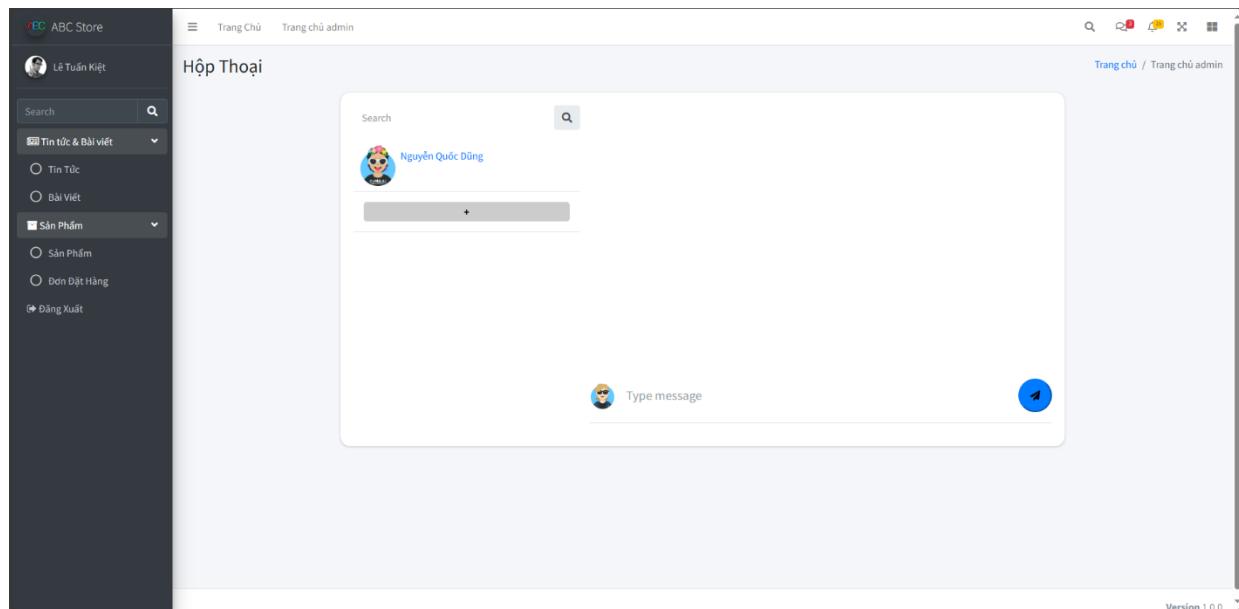
Hình 94. Giao diện Admin phần Cấu hình website

Giải thích giao diện trang Admin phần Cấu hình website:

- Giao diện Admin phần Cấu hình website được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa là phần trang hiện thông tin website. Có thể chỉnh sửa thông tin tiêu đề, logo, hotline và email liên hệ với shop.

2. Giao diện Employee

2.1. Trang chủ



Hình 95. Giao diện Employee phần Trang chủ

Giải thích giao diện trang Employee phần Trang chủ:

- Giao diện Employee phần Trang chủ được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa sẽ hiện trang theo chủ đề mà nhân viên muốn xử lý.

2.2. Đơn đặt hàng

STT	Mã Đơn Hàng	Tổng Tiền	Phương thức TT	Trạng Thái TT	Ngày Tạo	Tình trạng	Thao Tác
1	DH1414226252	150,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	20/11/2023	Đã Hủy	
2	DH6831115261	447,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	16/11/2023	Chờ Xác Nhận	
3	DH3713464322	1,500,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Đã Hủy	
4	DH1762401370	1,525,000đ	BANKING	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	
5	DH4827621564	2,080,000đ	BANKING	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	
6	DH5643845126	1,650,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	
7	DH3808756502	330,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	
8	DH3143031351	150,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	
9	DH6177467173	1,500,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	14/11/2023	Chờ Xác Nhận	

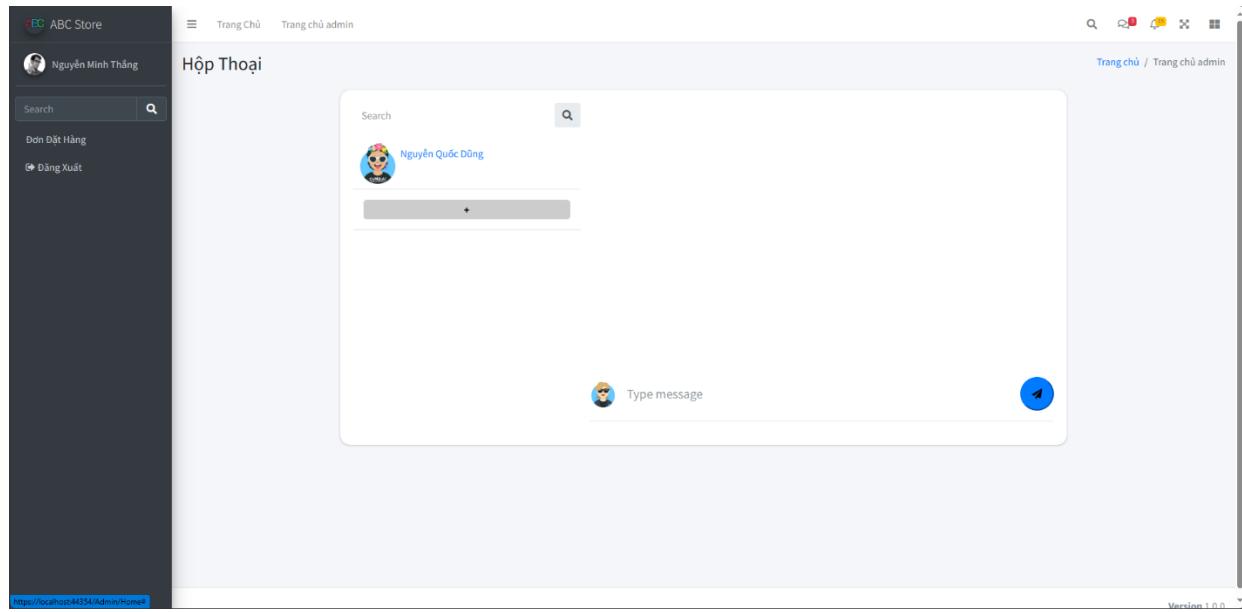
Hình 96. Giao diện Employee phần Đơn đặt hàng

Giải thích giao diện trang Employee phần Trang chủ:

- Giao diện Employee phần Trang chủ được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa sẽ hiện danh sách lịch sử đơn hàng. Nhân viên chỉ được xem và sửa thông tin. Có thể xuất phiếu theo định dạng file Excel.

3. Giao diện Shipper

3.1. Trang chủ



Hình 97. Giao diện Shipper phần Trang chủ

Giải thích giao diện trang Shipper phần Trang chủ:

- Giao diện Shipper phần Trang chủ được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa sẽ hiện trang theo chủ đề mà Shipper muốn xử lý.

3.2. Đơn đặt hàng

The screenshot shows the ABC Store software interface. On the left, there's a sidebar with a user profile for 'Nguyễn Văn Minh' and navigation links for 'Đơn Đặt Hàng' and 'Đăng Xuất'. The main area is titled 'Danh Sách Đơn Đặt Hàng' (List of Orders). It features a search bar and several filtering options at the top: 'TT Thanh Toán' (Payment Method), 'Đã Thanh Toán' (Paid), 'Chưa Thanh Toán' (Unpaid), 'Lọc' (Filter), 'TT Đơn Hàng' (Order Status), 'Đang Giao' (In Progress), 'Đã Giao' (Delivered), and another 'Lọc' button. Below these are two rows of order data in a table:

	STT	Mã Đơn Hàng	Tổng Tiền	Phương thức TT	Trạng Thái TT	Ngày Tạo	Tình trạng	Thao Tác
<input type="checkbox"/>	1	DH8072682030	150,000đ	COD	Đã Thanh Toán	20/11/2023	Đã Giao	
<input type="checkbox"/>	2	DH6571676026	120,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	31/10/2023	Đã Giao	

A small blue button labeled '1' is located below the table. At the bottom right of the main area, it says 'Version 1.0.0'.

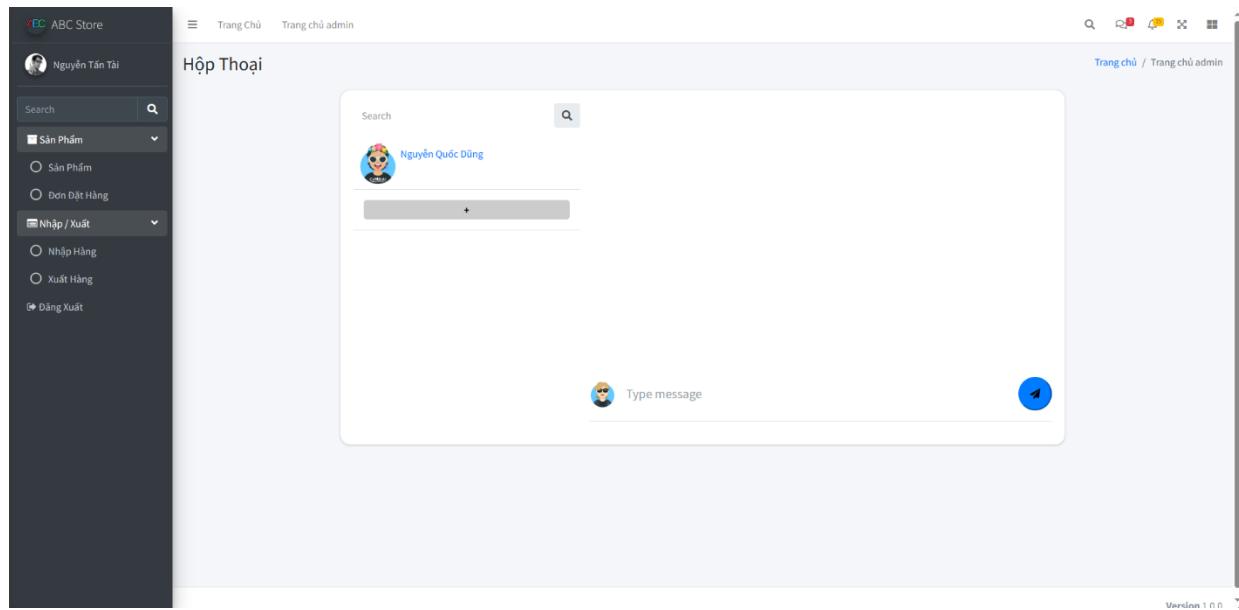
Hình 98. Giao diện Shipper phần Đơn đặt hàng

Giải thích giao diện trang Shipper phần Đơn đặt hàng:

- Giao diện Shipper phần Đơn đặt hàng được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa sẽ hiện những đơn hàng mà Shipper cần giao.

4. Giao diện Storekeeper

4.1. Trang chủ



Hình 99. Giao diện Storekeeper phần Trang chủ

Giải thích giao diện trang Storekeeper phần Trang chủ:

- Giao diện Storekeeper phần Trang chủ được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa sẽ hiện trang theo chủ đề mà Storekeeper muốn xử lý.

4.2. Đơn đặt hàng

	STT	Mã Đơn Hàng	Tổng Tiền	Phương thức TT	Trạng Thái TT	Ngày Tạo	Tình trạng	
<input type="checkbox"/>	1	DH7732480635	1,500,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	2	DH8438878613	1,525,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	3	DH1113574322	1,525,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	4	DH7455810303	1,525,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	15/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	5	DH3007357337	360,000đ	BANKING	Đã Thanh Toán	14/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	6	DH3063615648	1,900,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	06/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	7	DH1876817042	150,000đ	COD	Chưa Thanh Toán	06/11/2023	Bã Xác Nhận	
<input type="checkbox"/>	8	DH0073443658	1,500,000đ	BANKING	Đã Thanh Toán	31/10/2023	Bã Trả Hàng	

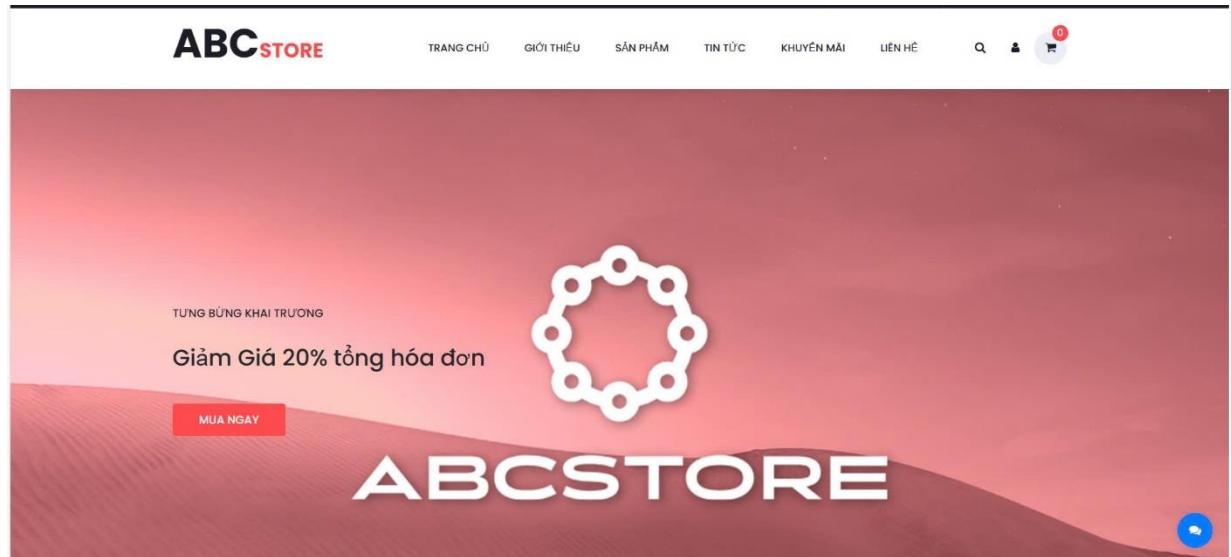
Hình 100. Giao diện Storekeeper phần Đơn đặt hàng

Giải thích giao diện trang Storekeeper phần Đơn đặt hàng:

- Giao diện Storekeeper phần Đơn đặt hàng được thiết kế như trên hình.
- Bên trái là cửa sổ dẫn tới các trang khác. Ở giữa sẽ hiện lịch sử đơn đặt hàng. Storekeeper có quyền theo dõi xử lý đơn hàng nếu có vấn đề việc khách hàng hủy, trực tiếp trong quá trình giao hàng.

5. Giao diện User

5.1. Trang chủ



Hình 101. Giao diện User phần Trang chủ

Giải thích giao diện User phần Trang chủ:

Giao diện trang chủ dành cho khách hàng gồm có:

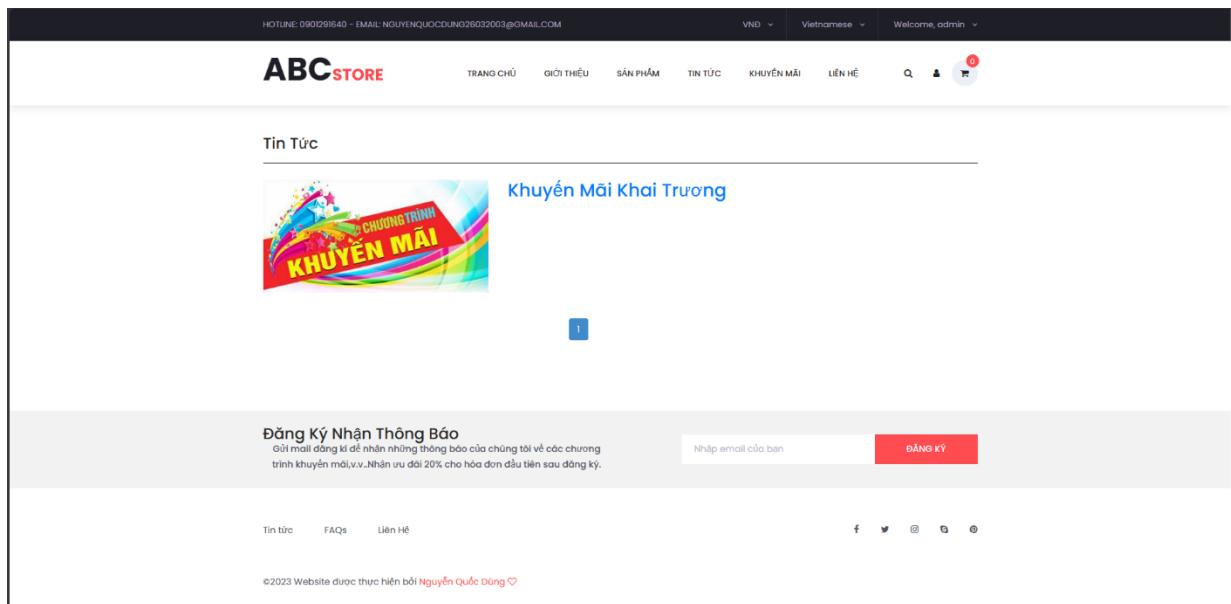
Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị các quần áo mẫu, Slide theo từng hàng để khách hàng có thể lựa chọn theo sở thích của mình.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.2. Tin tức



Hình 102. Giao diện User phần Tin tức

Giải thích giao diện User phần Tin tức:

Giao diện tin tức dành cho khách hàng gồm có:

Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị các tin tức mà hệ thống liên tục cập nhật.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.3. Thanh toán

The screenshot shows the ABC STORE website's payment page. At the top, there is a navigation bar with links to TRANG CHỦ, GIỚI THIẾU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, KHUYẾN MÃI, LIÊN HỆ, a search icon, and a user account icon with a notification count of 1.

The main title "Thanh Toán" is centered at the top of the page. Below it, a message says "Bạn hãy kiểm tra lại thông tin đơn hàng cho chính xác!" (Please check the order information again for accuracy!).

The page is divided into two main sections:

- Thông Tin Khách Hàng** (Customer Information):
 - Họ tên Khách Hàng: Nguyễn Phạm Minh Trí
 - Số Điện Thoại: 0393692134
 - Email: npmminhtri.be@gmail.com
 - Địa Chỉ: (empty input field)
- Giỏ Hàng** (Cart):

Sản Phẩm	Giá	Số Lượng
Quần Nam	420,000	x 1
Tổng Giá Hàng:	420,000	
Phi Vận Chuyển:	30,000	
Tổng Hóa Đơn:	450,000	

A green button labeled "ĐẶT HÀNG" (Place Order) is located at the bottom of the page.

Hình 103. Giao diện User phần Thanh toán

Giải thích giao diện User phần Thanh toán:

Giao diện Thanh toán dành cho khách hàng gồm có:

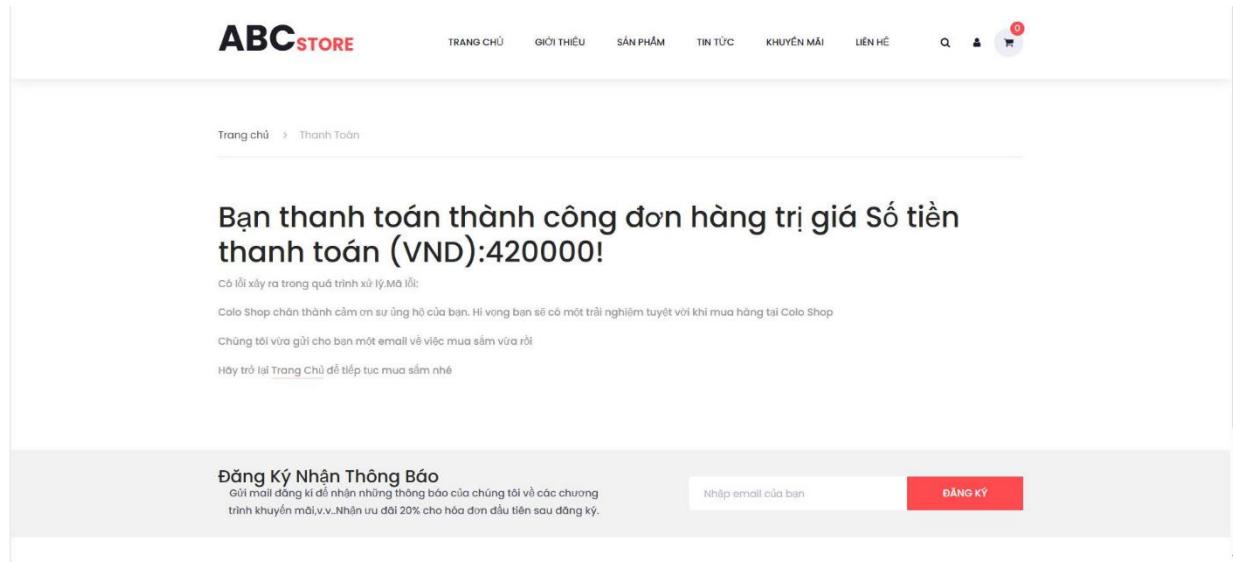
Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị các thông tin của khách hàng, đơn hàng. Nút đặt hàng dùng để qua bước tiếp theo.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.4. Thanh toán thành công



Hình 104. Giao diện User phần Thanh toán thành công

Giải thích giao diện User phần Thanh toán thành công:

Giao diện Thanh toán thành công dành cho khách hàng gồm có:

Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị thông báo thanh toán thành công.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.5. Sản phẩm

The screenshot shows the product page of the ABC STORE website. At the top, there is a navigation bar with links to TRANG CHỦ, GIỚI THIỆU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, KHUYẾN MÃI, LIÊN HỆ, a search icon, a user account icon, and a shopping cart icon with a red notification badge showing '0'.

The main content area has a breadcrumb navigation: Trang Chủ > sản phẩm.

On the left, there is a sidebar with 'Danh Mục Sản Phẩm' (Product Categories) including WOMEN'S, MAN'S, and ACCESSORIES. Below this is a 'Lọc Theo Tiêu Chí' (Filter by Criteria) section with checkboxes for Hot, Sale, and Feature, and a 'Lọc' (Filter) button. There is also a dropdown for 'Mặc định' (Default) and another for 'Show' set to 6.

The main content area displays two products: 'Quần Nam' (Men's Trouser) and 'Áo Khoác' (Coat). Each product card includes an image, the name, and the price: 420,000 VND for the Trouser and 350,000 VND for the Coat. Both products are labeled with a 'SPECIAL' badge.

Hình 105. Giao diện User phần Sản phẩm

Giải thích giao diện User phần sản phẩm:

Giao diện sản phẩm dành cho khách hàng gồm có:

Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị danh mục quần áo. Khách hàng có thể tìm theo bộ lọc theo giá, hot sale,...

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.6. Trang cá nhân

The screenshot shows the user profile section of the ABC STORE website. At the top, there's a navigation bar with links to TRANG CHỦ, GIỚI THIỆU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, KHUYẾN MÃI, LIÊN HỆ, a search icon, and a user account icon with a red notification badge. Below the navigation is a breadcrumb trail: Trang chủ > Thông Tin Cá Nhân. The main content area has two columns. The left column displays a user profile for 'Nguyễn Phạm Minh Trí' (Admin), featuring a placeholder profile picture, contact information (phone number 0393692134 and email npminhtri.be@gmail.com), and a 'Thông Tin Tài Khoản' section with fields for 'Số lần mua hàng:' and 'Tổng Số Tiền Đã Chi:'. The right column shows a table titled 'Lịch Sử Mua Hàng' with columns for STT, Mã DH, Ngày Mua, and Tổng Hóa Đơn. There are also tabs for 'Đơn Hàng', 'Voucher', and 'Cập Nhật'.

Hình 106. Giao diện User phần Trang cá nhân

Giải thích giao diện User phần Trang cá nhân:

Giao diện Trang cá nhân dành cho khách hàng gồm có:

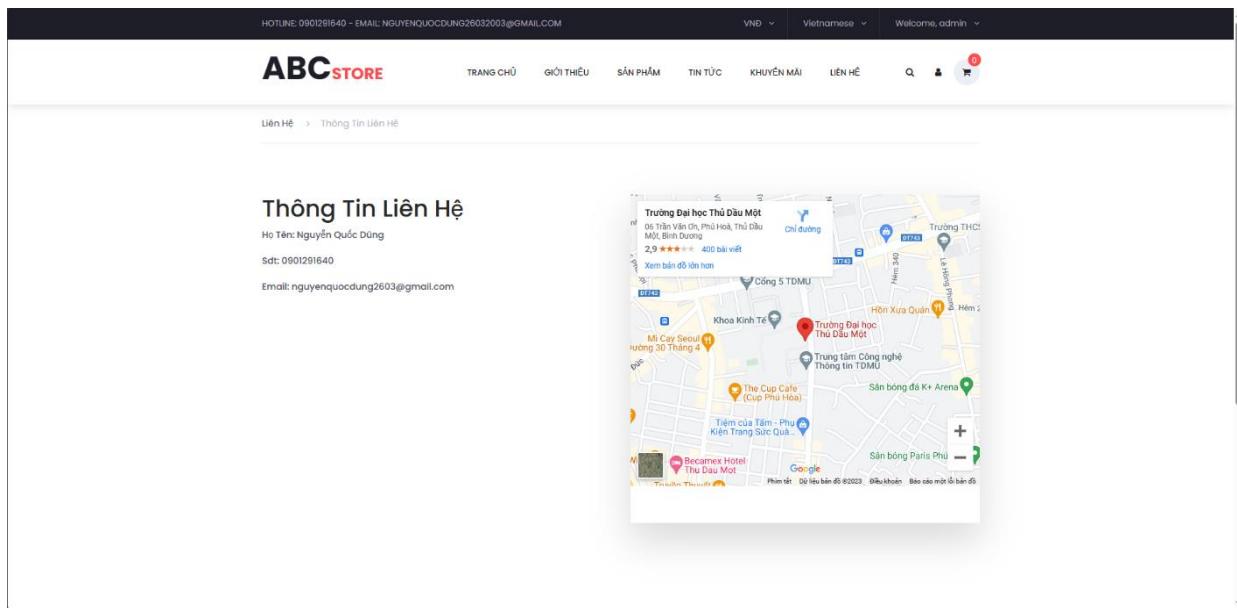
Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị thông tin cá nhân của khách hàng, không những thế trang này còn hiện tất tần tật thông tin đơn hàng, ví voucher,...

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.7. Liên hệ



Hình 107. Giao diện User phần Liên hệ

Giải thích giao diện User phần Liên hệ:

Giao diện Liên hệ dành cho khách hàng gồm có:

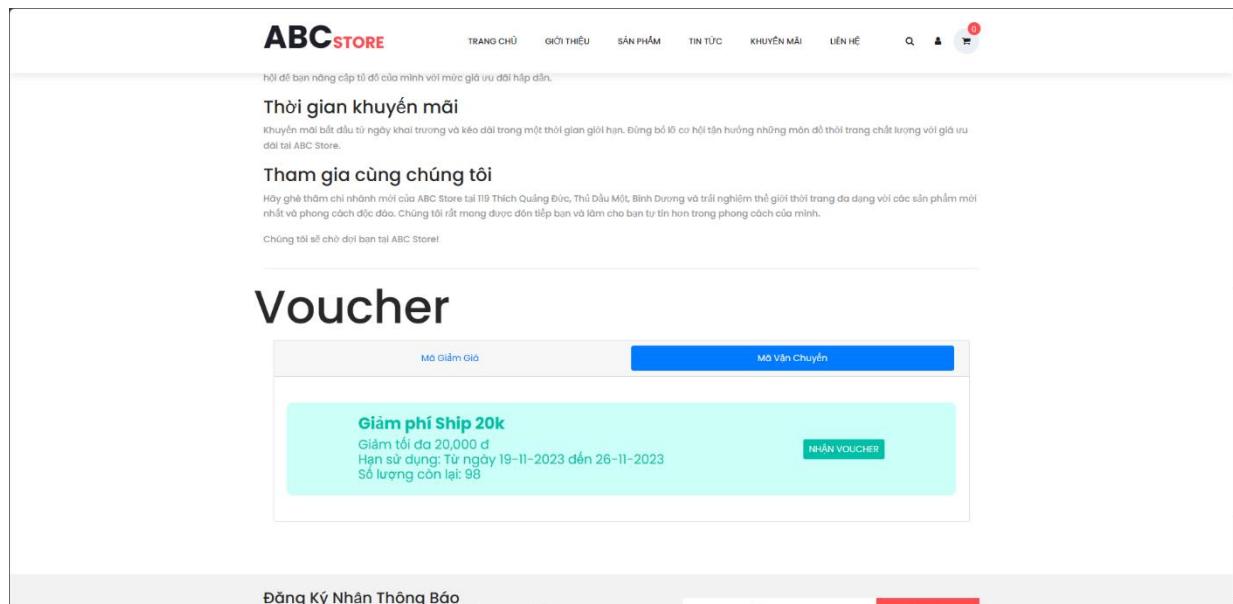
Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị thông tin liên hệ của shop.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.8. Khuyến mãi



Hình 108. Giao diện User phần Khuyến mãi

Giải thích giao diện User phần Khuyến mãi:

Giao diện Khuyến mãi dành cho khách hàng gồm có:

Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị các thông tin khuyến mãi của shop.Voucher sẽ xuất hiện vào những dịp đặc biệt, khách hàng có thể ấn nút Nhận Voucher để hưởng nhiều ưu đãi từ shop.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.9. Giới thiệu



Hình 109. Giao diện User phần Giới thiệu

Giải thích giao diện User phần Giới thiệu:

Giao diện Giới thiệu dành cho khách hàng gồm có:

Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị tổng quan về shop.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.10. Giỏ hàng

The screenshot shows the ABC STORE website's shopping cart page. At the top, there is a navigation bar with links to TRANG CHỦ, GIỚI THIẾU, SẢN PHẨM, TIN TỨC, KHUYẾN MÃI, LIÊN HỆ, a search icon, a user icon, and a shopping cart icon with a red notification badge. Below the navigation bar, the breadcrumb navigation shows 'Home > Giỏ Hàng'. The main content area displays a table of items in the cart:

STT	Ảnh Sản Phẩm	Tên Sản Phẩm	Kích Cỡ	Màu Sắc	Danh Mục	Giá	Số Lượng	Thành Tiền	Thao Tác
1		Quần Nam			ACCESSORIES	420,000	<input type="text" value="1"/>	420,000	Xóa Cập Nhật

Below the table, there are two red text labels: 'Tổng Giỏ Hàng: 420,000' and 'Phí Vận Chuyển: 30,000'. At the bottom of the page, there are three buttons: 'Xóa Hết', 'Áp dụng Voucher', and 'Thanh Toán'.

Đăng Ký Nhận Thông Báo
Gửi mail đăng kí để nhận những thông báo của chúng tôi về các chương trình khuyến mãi,v.v..Nhận ưu đãi 20% cho hóa đơn đầu tiên sau đăng ký.

Nhập email của bạn ĐĂNG KÝ

Hình 110. Giao diện User phần Giỏ hàng

Giải thích giao diện User phần Giỏ hàng:

Giao diện Giỏ hàng dành cho khách hàng gồm có:

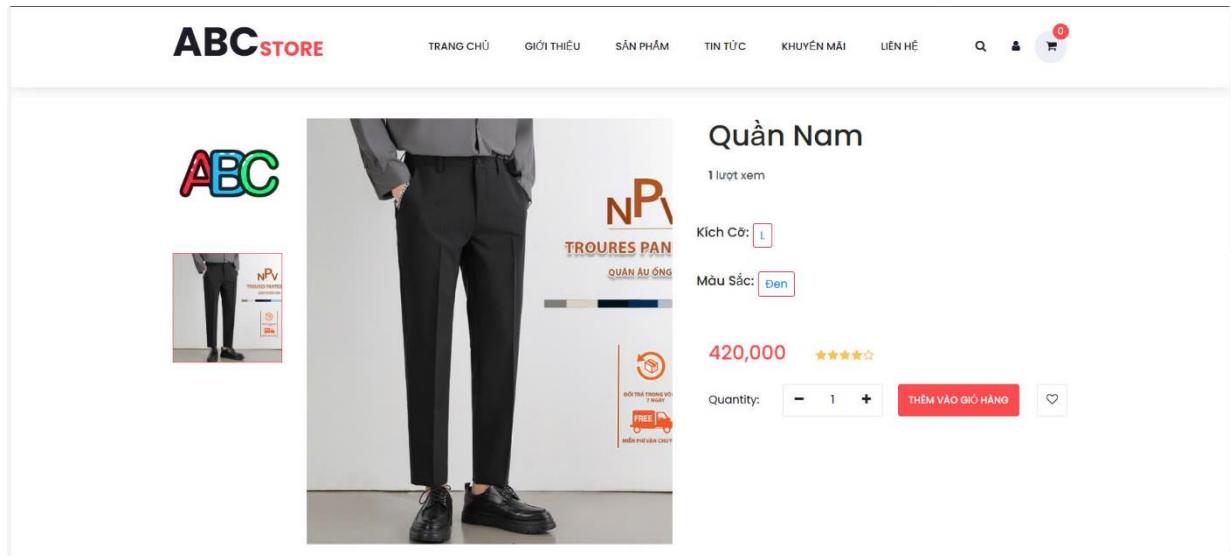
Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị thông tin giỏ hàng.Trong phần này có thông tin sản phẩm, khách hàng có thể tăng số lượng sản phẩm cần mua tùy thích và giá sẽ cập nhật.Trước khi thanh toán shop có phần áp dụng voucher để được giảm giá và các ưu đãi khuyến mãi.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

5.11. Chi tiết sản phẩm



Hình 111. Giao diện User phần Chi tiết sản phẩm

Giải thích giao diện User phần Chi tiết sản phẩm:

Giao diện Chi tiết sản phẩm dành cho khách hàng gồm có:

Thẻ div chứa thông tin khuyến mãi và các nút liên hệ nhanh với cửa hàng.

-Menu sản phẩm, các icon(liên hệ, thêm vào giỏ hàng, account) để khách hàng có thể truy cập theo nhu cầu của khách hàng. Các danh mục ở phần Admin xuất hiện ở phần header.

-Phần hiển thị, hiển thị các quần áo mẫu, những hình ảnh chi tiết hơn về sản phẩm.Khách hàng có thể cân nhắc giá cả khi chọn theo size quần áo.Khi đã chốt mẫu mã và số lượng, khách hàng có thể tiến hành thêm vào giỏ hàng để đi đến phần thanh toán.

-Nút liên hệ trực tiếp với cửa hàng để khách hàng nhắn tin các vướng mắc của mình.

CHƯƠNG V: THỬ NGHIỆM VÀ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH

1. Cài đặt

- Yêu cầu hệ thống máy tính tối thiểu:
 - + Hệ điều hành: Windows
 - + Thiết bị thông minh có kết nối Internet.

2. Thử nghiệm

- Chương trình chạy tốt nhất trên trình duyệt Web IE 7.0 và trên trình duyệt khác như FireFox, Cốc cốc...
- Các chức năng đã thiết kế chạy đúng và ổn định.
- Tốc độ duyệt chương trình lần đầu tiên chưa thể nhanh vì giao diện quản trị được thiết kế hoàn toàn trên một trang asp.net.

3. Đánh giá

- Về cơ bản, Website đã giới thiệu và cung cấp đầy đủ các chức năng cần thiết phục vụ cho công việc bán hàng của cửa hàng.
- Đưa hình ảnh cửa hàng đến với nhiều người.

4. Mã nguồn

- Link mã nguồn : <https://github.com/Nguyen-Gia-Hau/ABC-STORE>

CHƯƠNG VI: KẾT LUẬN

Trong thời gian thực hiện đề tài, với sự cố gắng nỗ lực hết mình em đã hoàn thành đề tài đúng thời gian quy định.

1. Kết quả đạt được

- Xây dựng thành công Website bán giày cho cửa hàng ABC, đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng.
- Tìm hiểu tương đối kỹ về Website.
- Tìm hiểu tương đối cẩn bản và đầy đủ về ASP.Net, CSS, JavaScript, HTML....
- Phân tích thiết kế hệ thống tương đối đầy đủ.
- Giao diện Website được thiết kế đơn giản, thân thiện và dễ sử dụng.

2. Hạn chế

- Việc biểu diễn các thông tin trên Website chưa được linh hoạt.
- Các thao tác quản lý còn chậm, chưa nhanh so với winform.
- Hạn hẹp về kiến thức và thời gian khiết cho sản phẩm vẫn chưa hoàn thiện.

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Gia Hậu

Nguyễn Phạm Minh Trí

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài Liệu Tiếng Việt

- [1]. Dương Anh Đức, Giáo trình phân tích và thiết kế hướng đối tượng bằng UML.
- [2]. Huỳnh Anh Đức, Kỹ thuật và ứng dụng UML, NXB lao động.
- [3]. Nguyễn Tiến – Ngô Quốc Việt, Kỹ thuật và ứng dụng bằng UML, NXB thông kê.
- [4]. Phạm Hữu Khang, C# 2005: Lập trình hướng đối tượng (Tập 3).
- [5]. Phạm Hữu Khang, C# 2005: Lập trình cơ sở dữ liệu(Tập 4).

2. Tài Liệu Tiếng Anh

- [1]. Chadwick, J. (2009). ASP.NET MVC 4. New York: O'Reilly.
- [2]. [Getting Started with ASP.NET MVC 5 | Microsoft Learn](#)